

**BỘ PHÁP BẢO: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG BÊN THẦY CHÚNG
CON HỌC ĐẠO – ĐƯỢC TRÍCH LỤC TỪ KINH SÁCH TU VIỆN
CHƠN NHƯ – DIỄN ĐÀN TRÊN MẠNG – ĐẠC SAN & TÂM KÝ**



NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG

BÊN THẦY CHÚNG CON HỌC ĐẠO

(TẬP NĂM)



(Đức Trưởng Lão lưu niệm hình với Tu Sinh ở cơ sở II)



***Thành kính tri ân
Đức Trưởng Lão Thích Thông Lạc
– Người đã cho Phật Tử chúng con
cái nhìn Chánh Kiến.***

***Lưu Ý : Kinh Sách Pháp Bảo Nền Ấn Tổng Truyền Bá Lưu
Hành, Để Xây Dựng Đạo Đức Nhân Bản Giải Khổ Quả
Sanh – Nếu Thủ Giữ Hoặc Làm Rách Hư Là Tự Đoạn Mất
Hạt Giống Đạo Đức Giải Thoát Trong Những Kiếp Vị Lai!.***

NỘI DUNG TRÍCH LỤC TẬP NĂM	Trang
<i>Có bảy pháp hằng ngày cần tu tập</i>	5
<i>Chánh đạo tà đạo</i>	12
<i>Mắt chư Thiên</i>	38
<i>Tắm liệm 500 lớp vải</i>	41
<i>Xả lợi là những mảnh xương vụn</i>	43
<i>Tướng cướp Angulimala</i>	45
<i>Tu tập tứ niệm xứ</i>	49
<i>Định sáng suốt</i>	51
<i>Tỉnh thức có lợi ích gì?</i>	53
<i>Hơi thở ngưng các hành trong thân có ngưng không?</i>	58
<i>Phạm hạnh</i>	63
<i>Hướng tâm các hành ngưng nghỉ</i>	72
<i>Trí tuệ thế gian có phải là trí kiến giải thoát không?</i>	81
<i>Buồn chán khi xả tâm không được</i>	85
<i>Nhân quả</i>	89
<i>Tâm sắc dục</i>	92
<i>Nên nhớ</i>	92
<i>Người xuất gia có hai việc cần phải làm</i>	93
<i>Pháp vi diệu</i>	95
<i>Có ai bắt buộc bạn tu đâu?</i>	96
<i>Thông minh</i>	98
<i>Dùng tưởng tu tập</i>	99
<i>Ma đề</i>	101
<i>Lòng thương vô bờ bến của một vị Thầy</i>	102
<i>Không chống đối va chạm</i>	113
<i>Giáo án tu tập quá nhiều...pháp nào tu cho kết quả</i>	116
<i>Sắc dục</i>	118
<i>Điều phục tâm mình</i>	123
<i>Pháp môn tịnh độ</i>	125
<i>Chơn tâm</i>	127
<i>Tưởng uẩn</i>	128
<i>Bồ Tát Quan Âm do tưởng sao có sự linh thiêng?</i>	129

Trai hay là chay 132
Ức chế tâm 133
Duyên nhân quả 135
Tưởng tri và thật tri 136
Phạm hạnh 137
Vị Alahán từ tuệ sinh đức hay từ đức sinh tuệ? 138
Mang lấy nghiệp thâm hại 139
Hai tâm đó có khác nhau không? 141
Duy trì tuổi thọ 141
Thiện pháp 142
Phật tánh 145
Phật và Alahán 147
Bản thể tuyệt đối 150
Alahán 153
Phụ Lục – Thư gửi bạn đồng tu 159

(HẾT TẬP NĂM – XIN ĐỌC TIẾP TẬP SÁU)



(Tu Sinh lớp Chánh Kiến đi khất thực ngộ trai ở tu viện Chơn Như)

CÓ BẢY PHÁP HÀNG NGÀY CẦN TU TẬP

LỜI PHÁT DẠY

- 1- Quán thân bất tịnh.**
- 2- Quán thức ăn bất tịnh.**
- 3- Không say đắm thế gian.**
- 4- Thường nghĩ đến sự chết.**
- 5- Luôn nghĩ đến vô thường.**
- 6- Nghĩ đến đời sống là khổ và vô thường.**
- 7- Luôn nghĩ đến khổ và vô ngã.**

CHÚ GIẢI:

Câu thứ nhất Phật dạy “*Quán thân bất tịnh*”. Quán thân bất tịnh là một pháp môn triển khai tri kiến như thật về cơ thể con người. Cơ thể con người uế trước, bất tịnh, hôi thối mà con người thường làm tưởng cơ thể con người là thanh tịnh, là trong sạch. Vì thế mọi người đều lao vào tâm sắc dục tưởng nơi đó trong sạch lắm, nhưng không ngờ nơi đó là nơi bất tịnh và khổ đau nhất; con đường tái sanh luân hồi cũng tại nơi đó. Cho nên đức Phật muốn vạch trần một sự thật để mọi người đừng làm lạc, đừng say mê sắc dục. Vì thế mục đích quán thân bất tịnh là đối trị tâm sắc dục của con người. Bệnh tâm sắc dục thì trên đời này không ai tránh khỏi. Muốn thoát khỏi bệnh này thì đức Phật dạy chúng ta phương thuốc đối trị đó là quán thân người nam cũng như người nữ đều bất tịnh, hôi thối, bần thiêu, uế trước, gớm nhớp, v.v...Nhờ quán như vậy tâm mới không đắm nhiễm, mới nhàm chán, mới ghê tởm sắc dục, mới xa lìa từ bỏ, mới không còn ham thích giữa nam nữ gần nhau, mới thấu rõ tâm sắc dục mang đến mọi khổ đau bất tận. Có hiểu như vậy mới đoạn tận tâm sắc dục.

Nếu người nào siêng năng chuyên cần quán tưởng thân bất tịnh đến thấu suốt sự bất tịnh như thật thì chắc chắn

tâm sắc dục sẽ bị đoạn tuyệt. Tâm sắc dục bị đoạn tuyệt thì con đường sanh tử luân hồi mới chấm dứt và không còn tái sanh nữa. Tâm sắc dục đoạn diệt thì người tu mới có đủ đạo lực làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Nếu tâm sắc dục còn dù như đất trong móng tay ta thì không bao giờ có 4 Thần túc và 3 Minh.

Con đường tu theo Phật giáo để đạt được 4 Thần lực giải thoát, để chứng đạt chân lí thì tâm sắc dục phải được đoạn trừ tận gốc. Nếu tâm sắc dục còn một chút xíu như đã nói trên thì con đường giải thoát ấy không bao giờ dẫn đến mục đích tối hậu, cứu cánh hoàn toàn.

Cho nên sự tu tập để diệt trừ tâm sắc dục là một điều cần thiết cho con đường tu hành giải thoát của Phật giáo.

Câu thứ hai Phật dạy: “*Quán thức ăn bất tịnh*”. Quán thức ăn bất tịnh là một phương pháp triển khai tri kiến hiểu biết về thực phẩm bất tịnh như thật. Đúng vậy, thực phẩm bất tịnh là một sự thật, không ai còn chối cãi được. Nếu quán thực phẩm bất tịnh biết rõ như thật thì sẽ đối trị được tâm ưa thích ăn uống, ưa thích chạy theo dục lạc về ăn uống. Thường người ở đời không nhận rõ thực phẩm bất tịnh, thiếu sự sáng suốt nhận định thực phẩm bất tịnh, vì thế họ còn cho thực phẩm là những chất ngon béo, bổ dưỡng cơ thể nên luôn luôn ăn uống để nuôi dưỡng cơ thể cho mập. Họ đâu biết rằng cơ thể này là không thật, không phải của họ nên họ sai lầm kiến chấp thân này là của họ, là họ, vì thế nên đem hết sức lực của mình ra làm việc để phục vụ cho cái ăn, cái ngủ, v.v... Phục vụ như vậy chẳng có ý nghĩa gì cao đẹp cho cuộc sống của mình cả.

Muốn đối trị tâm tham ăn thì phải quán thực phẩm bất tịnh như trên đã nói. Quán thực phẩm bất tịnh như thế nào để nhàm chán, nếu quán thực phẩm bất tịnh sơ sơ, không thấu triệt, không thấy thực phẩm bất tịnh như thật

thì làm sao tâm chúng ta sanh nhàm chán thực phẩm cho được; mà không nhàm chán thực phẩm thì làm sao li tham dục về ăn uống được. Phải không quý vị?

Nhờ quán thực phẩm bất tịnh thâm sâu và thấu triệt sự bất tịnh của thực phẩm như thật thì tâm chúng ta sinh ra nhàm chán thực phẩm. Nhờ đó chúng ta ăn ngày một bữa rất là tự tại an nhiên, không thấy đói khát, không còn thèm ăn uống gì nữa.

Người không quán thực phẩm bất tịnh khi gặp thực phẩm thì cũng như con mèo gặp chuột, tâm sinh ra ham thích ăn thịt, muốn chộp bắt ngay liền. Còn người quán thực phẩm bất tịnh sanh ra tâm nhàm chán thực phẩm, khi thấy thực phẩm giống như thấy chất bần thỉu của người bài tiết, nhờ đó tâm tham ăn bị diệt. Cho nên đức Phật dạy “*Người mới tu thì phải quán thức ăn bất tịnh*”, để giữ gìn giới đức li tham về ăn uống, không bị phạm giới ăn uống phi thời. Quán thực phẩm bất tịnh là một phương pháp tuyệt vời trong Phật giáo. Nhờ đó chúng ta sẽ xa lìa tâm tham đắm ăn uống của chúng ta. Người tu sĩ Phật giáo hằng ngày chỉ nên ăn một bữa mà thôi. Sáng chiều thanh thoi không còn bận tâm lo ăn uống gì cả. Thật là một đời sống nhàn nhã, an vui thanh thản yên ổn mà người thế tục không bao giờ có được. Có đúng như vậy không quý vị?

Câu thứ ba Phật dạy “*Không say đắm thế gian*”. Thế gian là một trường danh lợi, tiền tài, vật chất và sắc đẹp cám dỗ mọi người. Vì thế đức Phật khuyên dạy “*Không say đắm thế gian*” bởi trong thế gian có nhiều sự cám dỗ như trên đã nói. Sự cám dỗ này dẫn chúng ta vào chỗ khổ đau và khổ đau mãi mãi không biết đường nào ra, nhất là tiếp tục tái sanh luân hồi không bao giờ dứt. Người mới tu tập phải cảnh giác tâm mình, tránh xa những pháp cám dỗ của thế gian, đừng say mê nó, hãy lìa xa nó, hãy từ bỏ nó,

hãy đoạn trừ nó, v.v...Nó là ác pháp thường dẫn mọi người đi vào chỗ tối tăm tối tăm.

Thế gian là một trường tranh đấu vì danh lợi, vì tiền tài của cải vật chất, vì sắc đẹp phụ nữ cho nên cuộc tranh đấu ấy triển miên bất tận. Mục đích tranh đấu của người thế gian là tranh đấu để sống vì ích kỷ cá nhân, để bảo vệ sự sống của riêng mình, vì thế họ chà đạp lên sự sống của người khác, của loài vật khác; tranh đấu để đạt danh lợi hơn mọi người, tức là để đạt được quyền uy thế lực hơn mọi người; được giàu sang tốt cùng, nhà cao cửa rộng, của cải tiền bạc, châu báu vàng ròng nhiều; đạt được sắc đẹp, được ăn ngon mặc đẹp cao lương mỹ vị, hàng lụa đắt tiền, ngủ nghỉ giường cao rộng lớn chăn ấm nệm êm. Đó là sự cám dỗ của ngũ dục lạc thế gian mà người đời thường hay dính mắc, vì thế đức Phật dạy “*Không say đắm thế gian*”. Người tu sĩ Phật giáo nên lưu ý lời dạy này và thường nhắc tâm “*Không nên say đắm các pháp thế gian*”. Nhờ có tác ý như vậy tâm mới luôn luôn thanh thản, an lạc vô sự. Cho nên tâm còn say đắm thế gian thì không bao giờ có sự giải thoát chân thật.

Câu thứ tư Phật dạy “*Thường nghĩ đến sự chết*”. Muốn cho sự tinh tấn siêng năng không biếng trễ trên đường tu tập thì thường quán niệm chết. Thường quán niệm chết cho chúng ta biết rằng “*ngày nay chúng ta còn sống nhưng ngày mai sẽ chết*”. Điều đó chắc chắn trong tất cả chúng ta ai cũng biết, nhưng trong chúng ta ai biết được ngày mai phải rời bỏ thế gian này vào lúc nào, chắc không ai biết được, phải không quý vị?

Vì các pháp vô thường, thân chúng ta cũng vậy, sự vô thường không chờ đợi một ai, một khi nó đã đến thì không từ bỏ một người nào cả. Cho nên thường quán niệm chết khiến cho chúng ta tinh cần siêng năng tu tập lại càng tinh

tấn siêng năng tu tập hơn. Nếu chúng ta không chịu tu tập quán tưởng niệm chết thì sự siêng năng tinh cần mất đi, chỉ để lại cho chúng ta một sự lười biếng, một sự dễ dãi biếng nhác, tu tập cầm chừng lấy có thì sự tu tập chẳng tới đâu cả.

Vả lại nếu chúng ta không chịu tu tập, một khi chết rồi biết có được lại thân người nữa hay không. Bởi vậy, quán niệm chết rất cần thiết cho người tu theo Phật giáo. Nếu không quán niệm chết thì chúng ta dễ sanh tâm dễ dãi, lười biếng thì con đường tu sẽ không bao giờ đạt tới đích giải thoát của Phật giáo.

Cuộc đời tu hành của chúng ta theo Phật giáo nếu không quán niệm chết là chúng ta sẽ sinh tâm lười biếng như đã nói ở trên, tu cầm chừng, tu lấy có, thì một đời tu hành chỉ có hình tướng mà thôi, còn sự giải thoát thì không bao giờ có. Đó là một sự thiệt thòi rất lớn.

Câu thứ năm Phật dạy: *“Luôn nghĩ đến vô thường”*. Trong thế gian này không có một vật gì là thường hằng bất biến, mà mọi vật luôn luôn biến đổi từng phút từng giây. Vì vậy, sinh, già, bệnh, chết là lẽ đương nhiên của một con người sinh ra trong thế gian này. Nếu chúng ta không thấy các pháp vô thường thì tâm chúng ta dễ sanh ra dính mắc và chấp đắm các pháp nên làm sao tâm chúng ta li dục li ác pháp được. Không li dục li ác pháp được thì làm sao có được sự giải thoát. Không có được sự giải thoát thì chúng ta sống sẽ làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Phải không quý vị?

Vì thế đức Phật dạy: *“Luôn nghĩ đến vô thường”*. Luôn nghĩ đến các pháp vô thường thì tâm chúng ta buông xả sạch. Tâm buông xả sạch thì ngay đó là chân lý của đạo Phật, thì ngay đó là một thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự, thì ngay đó là cực lạc, thiên đàng tại thế gian này.

Trong cuộc đời tu hành của chúng ta theo Phật giáo, chỉ cần quán xét và thấu rõ các pháp thật sự là vô thường, là khổ đau. Do các pháp vô thường nên không có pháp nào là ta, không có pháp nào là của ta, không có pháp nào là bản ngã của ta. Nhờ thấu hiểu như vậy chúng ta mới hoàn toàn giải thoát, tuy còn sống trong thế gian, còn sống trong quy luật nhân quả nhưng đã ra ngoài quy luật nhân quả, tức là ra ngoài vũ trụ, đứng ở một góc trời thanh thản, chẳng còn bị một quy luật nào chi phối thân tâm được.

Bởi vậy, *“Luôn nghĩ đến vô thường”* là lợi ích rất lớn cho kiếp làm người, vì nghĩ đến các pháp vô thường nên tâm chẳng còn dính mắc, chẳng còn sợ hãi, buồn rầu, thương nhớ, v.v... Đạo Phật tu tập chỉ có bấy nhiêu pháp quán như vậy mà cứu cánh giải thoát rõ ràng và cụ thể.

Câu thứ sáu Phật dạy: *“Nghĩ đến đời sống là khổ và vô thường”*. Đời người là vô thường, là khổ đau. Đó là một sự thật mà không ai có thể phủ nhận được. Vì thế chúng ta thường quán xét thì tâm chúng ta sẽ sanh ra nhàm chán và khi nhàm chán thế gian thì chúng ta mới tinh tấn tu hành. Nếu không thấy đời là vô thường, là khổ đau thì chúng ta khó mà lìa nó được; mà không lìa các pháp thế gian thì tu hành chẳng đến nơi đến chốn.

Đời sống con người là khổ, là vô thường, đó là một sự thật, nhưng trên đời này có mấy ai hiểu được như vậy nên mọi người đều cho đời sống là hằng còn, là hạnh phúc. Cho nên mọi người lầm tưởng các pháp là thật rồi đua nhau chạy theo ngũ dục lạc: Danh, lợi, sắc, thực, thù, mong đạt cho được nó, nhưng nào ngờ các pháp vô thường; vì các pháp vô thường nên càng chạy theo chúng thì càng gặp nhiều khổ đau. Sống trong đau khổ mà không biết, do đó sống trong tâm điên đảo, tưởng điên đảo, tình điên đảo mà không hay, cứ loanh quanh bám mãi trong tham vọng,

chạy theo ngũ dục lạc mà muốn tìm chân hạnh phúc thì làm sao có được. Phải không quý vị? Ngũ dục lạc là ảo ảnh hạnh phúc, là bóng dáng của tâm tham, sân, si. Cho nên chỉ có những người không thấu rõ đời sống con người là khổ đau, các pháp là vô thường nên mới còn say mê và đắm đuối ham thích chạy theo nó.

Đức Phật xác định: *“Con người vì vô minh không thấy các pháp vô thường như thật nên sinh tâm chấp đắm, dính mắc. Do chấp đắm dính mắc nên tâm tham, sân, si lấy lừng khó ngăn và khó diệt”*. Từ tâm tham, sân, si đó mà con người sống trong ác pháp luôn làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Chính vì người ta không thấu rõ như thật đời sống con người là khổ đau và thường thay đổi như mây giữa trời, như sương buổi sáng vì thế mà khổ đau lại càng chồng chất lên khổ đau của kiếp làm người.

Chỉ có những người nào luôn quán chiếu: *“Nghĩ đến đời sống là khổ đau và vô thường”* và thấy biết rõ như thật thì người ấy thoát mọi khổ đau. Vậy chúng ta luôn luôn ghi khắc lời dạy này của Phật thì cuộc đời này mới tìm ra chân hạnh phúc.

Câu thứ bảy đức Phật dạy: *“Luôn nghĩ đến khổ và vô ngã”*. Hằng ngày chúng ta luôn nghĩ đến sự khổ đau của kiếp làm người và sự vô ngã của thân tâm và các pháp, vì thân tâm con người và các pháp không có vật gì ổn tại mãi, tất cả có sinh thì phải có diệt, do đó con người chúng ta đừng để tâm dính mắc chấp đắm thân tâm và các pháp thì mới có sự giải thoát, mới có sự ra khỏi biển đời đầy đau khổ, chừng đó chúng ta mới hiểu rằng đời người chẳng có gì cả, chỉ là một trò ảo ảnh của nhân quả dựng lên, hết tuồng này đến tuồng nọ.

Lời đức Phật dạy *“Luôn nghĩ đến khổ và vô ngã”*. Chúng ta nên ghi nhớ mãi, đừng quên lời dạy này. Phải không

quý vị? Vì có ghi nhớ lời dạy này chúng ta mới cố gắng buông xả sạch thế gian chỉ còn lại một tâm thanh thản, an lạc và vô sự mà không có một ác pháp nào động được tâm ta. Luôn nghĩ đến khổ và vô ngã thì chúng ta buông xuống và xả sạch tất cả lòng dục và các ác pháp:

“Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì.

Thở ra chẳng lại còn chi nữa.

Vạn pháp vô thường buông xuống đi”

CHÁNH ĐẠO, TÀ ĐẠO

LỜI PHÁT DẠY

“Lành thay, Vasettha những Bà La Môn tinh thông ba tập Vedà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú Phạm Thiên mà thuyết dạy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm Thiên cho những ai thực hành theo. Thật không có sự kiện ấy.” (Kinh Trường Bộ tập I kinh Tevija trang 414).

CHÚ GIẢI:

Sự lầm lạc rất lớn trong tư tưởng của kinh sách Đại Thừa, là các nhà học giả Đại Thừa thường cho rằng tất cả các pháp môn đều là những phương tiện di chuyển, điều này rất sai. Trong kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: *“Những Bà La Môn đều chấp nhận giáo pháp của mình: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm Thiên cho những ai thực hành theo”*. Hiện giờ, các nhà học giả Đại Thừa cũng giống như các Bà La Môn ngày xưa, tin tưởng pháp tu hành của mình một cách mù quáng, cứ dựa vào lời dạy của Thầy Tổ dạy sao thì tin như vậy, không chịu suy tư quán sát, xem coi có đúng như thật không? Cứ nhắm mắt tin vào những pháp môn Thầy Tổ

của mình là đúng. Còn đức Phật dạy: “Trước khi tin vào một pháp môn nào thì phải chọn cho mình một vị Thầy chứng đạt chân lí, Nhờ vị thầy ấy sẽ dạy cho mình giác ngộ chân lí. Giác ngộ được chân lí thì lòng tin của các bạn không còn mù quáng. Nếu các bạn chưa giác ngộ chân lí mà chỉ dựa vào những lời dạy trong kinh sách Đại Thừa mà tin tưởng, thì các bạn thật là vô minh, tin một cách mù quáng. Trong khi đó Đức Phật thường nhắc nhở các bạn: *“Chớ có tin vào kinh tạng”*.”

Cho nên các bạn muốn tu hành thì hãy cẩn thận tìm một vị Thầy sống đúng giới luật, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào trong giới luật, luôn thân cận tìm hiểu một vị Thầy tâm đã diệt trừ tham pháp, sân pháp, si pháp. Chọn được một vị Thầy như vậy các bạn sẽ giác ngộ được chân lí không có khó khăn, không có mệt nhọc. Giác ngộ được chân lí thì lòng tin của các bạn, bấy giờ không còn là lòng tin mù quáng nữa. Các bạn có biết không?

Khi giác ngộ được chân lí là nhờ một vị Thầy đã chứng đạt chân lí, từ đó các bạn có thể mạnh miệng bảo rằng: *“Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm”*. Còn khi các bạn chưa tìm được một vị Thầy chứng đạt chân lí thì các bạn đừng dựa vào kinh sách suông mà nói lời này, đó là các bạn sai. Bởi vì các bạn chưa giác ngộ chân lí. Các bạn có nhớ mười điều không nên tin mà đức Phật đã nhắc nhở mọi người không? Trong khi đức Phật dạy: *“Chớ có tin vào kinh tạng”*. Vì tin vào kinh tạng là tin mù quáng các bạn ạ! Do tin mù quáng, nên mới bảo rằng các pháp môn là phương tiện di chuyển để đi đến một địa điểm cứu cánh nhất định, điều đó sai lầm lắm các bạn ạ!

Thưa các bạn! Chúng ta sinh ra từ nhân quả, cho nên con người của chúng ta là con người của nhân quả, con người của nhân quả là con người của tham, sân, si. Con người

tham, sân, si là con người đau khổ. Vậy muốn thoát ra mọi sự đau khổ này thì phải có phương pháp giáo dục đào tạo và uốn nắn làm cho con người nhân quả thiện, ác trở thành con người toàn thiện. Cho nên pháp của Phật dạy: *“Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp”*. Khi diệt hết ác pháp thì con người nhân quả đã chuyển biến trở thành con người toàn thiện, con người toàn thiện là con người không còn khổ đau.

Kính thưa các bạn! Sự hiểu biết về những pháp môn giáo dục đào tạo con người của Phật giáo sống có đạo đức không làm khổ mình, khổ người mà các nhà học giả Đại Thừa hiểu là phương tiện di chuyển thì các bạn nghĩ sao? Có đúng không các bạn? Thật là một sự hiểu biết không đúng nghĩa, hiểu biết như vậy thật quá là sai lầm. Kinh sách Phật là một chân lí của loài người thì không thể nào là một phương tiện di chuyển được. Cho nên kinh sách Đại Thừa xác định những pháp môn tu tập và rèn luyện của Phật giáo là phương tiện di chuyển như một cỗ xe thì điều đó chúng tôi không chấp nhận, đây là một sự hiểu sai lầm quá lớn trong giáo lý của Phật giáo Đại Thừa.

Kính thưa các bạn! Giáo pháp tu hành của Phật giáo là giáo pháp dạy đạo đức làm Người, làm Thánh, thì làm sao gọi là phương tiện di chuyển như một chiếc xe được. Phải không các bạn? Giáo pháp dạy những hành động đạo đức về thân, về miệng, về ý, để làm người có đạo đức, để làm Thánh thoát khỏi kiếp luân hồi sanh tử. Giáo pháp ấy là những bài kinh giảng dạy học tập để cho mọi người thông hiểu những hành động đức hạnh cao thượng và làm lợi ích rất lớn cho kiếp sống của loài người. Với giáo pháp của Phật là một chân lí chân thật không có mơ hồ, hư ảo. Chân lí chân thật không có mơ hồ, hư ảo là một sự thật của con người thì làm sao gọi giáo pháp đó là phương tiện di chuyển được. Phải không các bạn?

Các bạn có hiểu biết đúng như vậy thì các bạn hằng ngày mới rèn luyện tu sửa những hành động thân, khẩu, ý sai quấy của mình để trở thành những hành động có đạo đức, nhờ hằng ngày tu sửa mới thấm nhuần để trở thành những thói quen đạo đức sống không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai.

Bởi vì chúng ta là những con người còn đang sống trong vô minh, màn vô minh đã che phủ dày đặc, khiến cho sự hiểu biết của chúng ta rất mù mờ, không rõ ràng, thường lấy giả làm thật, lấy sai làm đúng, lấy đen làm trắng, nên hằng ngày sống chung với mọi người mà thường có những hành động vô tình đã làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Đó là những hành động thiếu đạo đức nhân bản – nhân quả. Cho nên thường sống trong ác pháp, vì thế, phải chịu khổ vô cùng vô tận, từ đời này sang đời khác

Vốn loài người chưa rõ đạo đức nhân bản – nhân quả, nhờ đức Phật ra đời tu hành chứng đạo, thấu rõ lí nhân quả, nên Ngài chỉ dạy đạo đức này cho con người, để họ tự chuyển hoá khổ thành vui.

Bài pháp đầu tiên của đức Phật, Ngài đã đưa ra bốn chân lí của loài người để xác định nhân quả ác pháp và thiện pháp. Xác định nhân quả ác pháp và thiện pháp tức là xác định sự thọ khổ và thọ vui của con người. Ngài còn chỉ rõ cho chúng ta biết: Con người sinh ra vốn là đau khổ, nên chân lí đầu tiên của Ngài chỉ thẳng cho loài người biết con người là một khối khổ (*Khổ Đế*). Nhưng cái khối khổ đó phải từ nguyên nhân nào sinh ra?

Cho nên, tiếp đến chân lí thứ hai đức Phật đã xác định và chỉ thẳng rõ ràng nguyên nhân sinh ra đau khổ là lòng ham muốn của mọi người (*Tập Đế*). Lòng ham muốn của mọi người (*Tập Đế*) là nơi tập hợp mọi sự đau khổ. Đó là

một điều chắc chắn không còn ai phủ nhận được. Vì thế, nó mới được gọi là chân lí thứ hai của Phật giáo. Có đúng như vậy không các bạn? Tại sao chúng tôi thường hay nhắc đến bốn chân lí này rất nhiều lần?

Kính thưa các bạn! Chúng tôi nhắc đi nhắc lại nhiều lần những chân lí này là vì muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của nó mà những đệ tử của Phật không thể lằm lạc được. Bốn chân lí này rất quan trọng cho đời sống tu hành của các bạn. Cho nên càng nhắc nhở nhiều thì các bạn càng lưu ý bốn chân lí nhiều hơn, nếu giáo pháp nào không có bốn chân lí này thì các bạn đừng tin, vì nó không phải là pháp môn cứu cánh giải quyết mọi sự khổ đau của các bạn đâu.

Nguyên nhân sinh ra đau khổ chính dục là gốc của các ác pháp, mà mỗi người ai ai cũng không thoát ra khỏi vòng tay của nó. Nó thực hiện theo qui luật nhân quả, cho nên con người sinh ra từ nhân quả, ngoài nhân quả ra không có con người. Vì thế thân tâm của con người đều là thân tâm của nhân quả. Như vậy các bạn đã biết rõ thân tâm con người vốn là gốc dục. Mà dục là nguyên nhân sinh ra muôn ngàn ác pháp và khổ đau.

Đức Phật biết rất rõ điều này, nên khi thuyết giảng bài pháp đầu tiên như trên đã nói, Ngài đã nói bốn chân lí của loài người “*Khổ, Tập, Diệt, Đạo*”.

Diệt Đế là một trạng thái không có dục và ác pháp, để mọi người giác ngộ chân lí thứ ba này. Chân lí thứ ba này là tâm bất động trước pháp ác và các cảm thọ, tức là tâm thanh thản, an lạc và vô sự, chân lí này người nào cũng có thể nhận ra được một cách dễ dàng. Nhờ giác ngộ được chân lí này, nên mọi người nỗ lực tu tập để hộ trì và bảo vệ chân lí. Ngộ được chân lí lúc bấy giờ các bạn tu tập không còn bị mê lằm, lạc vào tà pháp của ngoại đạo. Từ

đó lòng tin của các bạn không còn tin mù quáng nữa, nên không còn sợ ai thuyết giảng lườm gạt các bạn được nữa.

Muốn cho loài người thoát kiếp khổ đau thì giáo pháp của đạo Phật phải là đạo đức nhân bản - nhân quả như trên đã nói, để hướng dẫn và giáo dục cho mỗi người sống không làm khổ mình, khổ người. Vì thế mới có tám lớp (*Bát Chánh Đạo*) tu học đạo đức nhân bản - nhân quả ra đời. Trong tám lớp này được chia làm ba cấp (*Giới, Định, Tuệ*), như chúng tôi thường nói những đoạn kinh trên.

Nhờ có đạo đức nhân bản - nhân quả mới diệt hết lòng dục. Diệt hết lòng dục thì con người mới hết khổ. Cho nên diệt dục tức là diệt mọi sự đau khổ. Diệt hết mọi sự đau khổ của con người tức là sống không làm khổ mình khổ người. Sống không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh, đó là một trạng thái giải thoát; là bất động tâm; là tâm không còn tham, sân, si; là tâm không phóng dật... Cho nên *Diệt Đế* là một trạng thái của thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Trạng thái ấy là một sự thật của mọi người, nếu ai chịu khó ngồi lại lắng tâm nghe trạng thái ấy thì thấy ngay liền, nhưng nếu chỉ còn có một niệm tham, sân, si, nghi, mạn khởi lên thì ngay tức khắc trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự đó liền mất.

Bởi vậy ba cấp và tám lớp tu học của Phật giáo giúp cho mọi người ly dục, từ bỏ ác pháp, diệt tâm tham, sân, si, mạn, nghi để dẫn đến trạng thái *Diệt Đế* như trên đã nói.

Kính thưa các bạn! Ba cấp tám lớp tu học của Phật giáo là chân lí thứ tư (*Đạo Đế*), là con đường dẫn đến cứu cánh giải thoát khỏi mọi sự đau khổ của kiếp con người, là con đường dẫn đến Phạm thiên mà các vị Bà La Môn từng mơ ước. Và chỉ duy nhất đây là con đường độc lộ không còn

có một con đường nào khác hơn dẫn đến sự giải thoát hoàn toàn, dẫn đến sự làm chủ bốn sự đau khổ: Sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi tái sanh.

Đạo Đế là một chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả, giúp cho con người vượt ra khỏi qui luật nhân quả và làm chủ kiếp sống của chính mình. Ở đây các bạn phải hiểu: Chỉ đây là con đường duy nhất, vì nó là chân lí của loài người. Cho nên tất cả các tôn giáo khác đều không có chân lí này. Nhưng vì vô minh từ Thầy Tổ xa xưa đến Thầy Tổ hiện nay đều tưởng rằng: Chỉ có giáo pháp Đại thừa là trực đạo, là chánh đạo hướng đến mục đích cứu cánh Niết Bàn, Cực Lạc và Thiên Đàng v.v...

Nhưng những cảnh giới ảo tưởng của giáo pháp Đại thừa thời gian hơn 2000 năm truyền thừa đã báo cho các bạn biết rõ ràng nó không phải là trực đạo, chánh đạo mà là con đường tưởng tri, không phải là chân lí.

Đây, các bạn hãy lắng nghe hai vị Bà La Môn Bà Tất Sát (Vasettha) và Bà La Môn Bạc La Đà Phạn Xà (Baharadvaya) nói: *“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”*. Đó là con đường do Bà La Môn Pokkharasāti giảng dạy. Còn thanh niên Bà La Môn Bạc La Bà Phạn Xà nói: *“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”*, đó là con đường do Bà La Môn Tarukkha giảng dạy”.

Hai vị Bà La Môn này đều cho giáo pháp của Thầy mình là chánh đạo dẫn đến cứu cánh.

Cuộc tranh luận bất phân thắng bại này đã dẫn đến đức

Phật giải quyết. Đức Phật bảo: *“Này Vasettha người nói như vậy phải không? Đây là chánh đạo, đây là trực đạo,*

hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”, đó là con đường do Bà La Môn pokkharasāti giảng dạy. Còn thanh niên Bà La Môn Bharadvàja nói như vậy có phải không? “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”, đó là con đường do Bà La Môn Tàrukkha giảng dạy. Nay Vasettha, ở nơi đây tranh biện về vấn đề gì? Luận chấp vấn đề gì? Và bất đồng ý kiến về vấn đề gì?”

“Kính thưa Tôn giả Gotama, về chánh đạo và tà đạo. Trong đó có Tôn giả Gotama và nhiều Bà La Môn thuyết dạy nhiều con đường sai khác như các vị Bà La Môn Addhariya, các vị Bà La Môn Tittiriya, các vị Bà La Môn Chandokà, các vị Bà La Môn Chanda và các vị Bà La Môn Brāhmacariya cho rằng tất cả con đường này hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”.

“Kính thưa Tôn giả Gotama, như ở gần làng hay ở gần thị trấn có nhiều con đường sai khác, nhưng tất cả con đường này đều dẫn đến làng cũng vậy, pháp môn của Tôn giả Gotama của nhiều Bà La Môn tất cả pháp môn này sai khác nhưng đều dẫn đến, hướng đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”.

Nghe xong đức Phật hỏi: “Này Vasettha, có phải người nói chúng dẫn đến?”

“Thưa Tôn giả Gotama! Vậy con nói chúng dẫn đến”.

“Đức Phật lập lại một lần nữa, và cho đến đúng ba lần một câu hỏi này. Nay Vasettha, có phải Người nói chúng dẫn đến không?”

“Kính thưa Tôn giả Gotama! Vậy con nói chúng dẫn đến”.

Kính thưa các bạn! Tại sao đức Phật gặng hỏi ba lần như vậy, các bạn có biết không? Đức Phật gặng hỏi cặn kẽ kỹ lưỡng như vậy để làm gì? Đó là một nguyên nhân mà các bạn cần nên lưu ý.

Các bạn có thấy không? Hiện giờ Đại thừa và Thiên tông cho tất cả pháp môn đều hướng đến và dẫn đến một mục đích giải thoát như nhau. Những tư tưởng Đại Thừa ngày nay đã lập lại đúng những tư tưởng của Bà La Môn ngày xưa. Nếu xét kỹ các bạn sẽ thấy không sai khác chút nào cả.

Vấn đề này rất quan trọng, vì Đại Thừa dùng những lý luận này để lừa gạt mọi người, các bạn có thấy không? May mắn trong đời chúng ta còn có những bài kinh của đức Phật đã xác định và quét sạch những tư tưởng cho rằng giáo pháp của Phật là chiếc bè sang sông; là ngón tay chỉ mặt trăng; là mọi ngã đường đều dẫn đến về một mục đích giải thoát; là những phương tiện di chuyển để đến nơi cứu cánh Niết Bàn.

Sau khi gặng hỏi Bà La Môn Vasettha ba lần như vậy để đưa Bà La Môn Vasettha vào thế không còn chối cãi được nữa. Bây giờ đức Phật đưa ra những câu hỏi để quét sạch những tư tưởng tà giáo này. Các bạn hãy lắng nghe cho kỹ:

“Thế nào Vasettha? Có Bà La Môn trong những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà tận mắt đã thấy Phạm thiên chưa?”

Bà La Môn Vasettha trả lời:

“Thưa Tôn giả Gotama, không có vị nào.”

Đọc đoạn kinh này các bạn nghĩ gì về Đại Thừa và Thiên tông?

Vậy các Hòa Thượng, các bậc tôn túc đang là các Thầy Tổ của chúng ta đều thông tam tạng kinh điển có nhiều vị đã đỗ bằng tiến sĩ Phật học, nhưng có vị nào biết được cõi Cực Lạc chưa? Biết được cảnh giới Niết Bàn chưa? Các bậc tôn túc Hoà Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni có làm chủ sanh, già, bệnh, chết chưa? Có biết được mình chết đi về đâu chưa?.

Như vậy Thiên Đàng, Địa ngục, Cảnh giới Niết Bàn, cõi Cực Lạc Tây Phương v.v... đều là cõi tưởng. Phải không các bạn?

Vậy các bạn hãy nghe tiếp lời đức Phật dạy năm xưa mà ngày nay các bạn thấy nó không xa lạ với chúng ta chút nào:

“Thế nào, Vasettha? Có tôn sư nào của các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên chưa?”

Bà La Môn Vasettha trả lời:

“Thưa Tôn giả Gotama, không có vị nào”.

Đây là câu hỏi lần thứ hai về các bậc thầy của Bà La Môn. Vậy chúng tôi sẽ hỏi các bạn. Các bạn vui lòng hãy trả lời cho chúng tôi biết nhé!

Thầy Tổ của các vị Hòa Thượng hiện nay là những vị ấy đều có trình độ thông suốt tam tạng kinh sách Đại Thừa có cấp bằng tiến sĩ Phật học mà đã có vị nào biết cõi Cực Lạc, Thiên Đàng chưa? Có biết cõi Niết Bàn chưa? Có biết phương pháp làm chủ sanh, già, bệnh, chết chưa? Có biết khi chết đi về đâu chưa?

Chắc chắn điều này các bậc tôn túc hữu học ấy chưa bao giờ biết. Phải không các bạn?

Các bạn hãy lắng nghe đức Phật hỏi một lần nữa: “*Thế nào, này Vasettha, có Bà La Môn nào cho đến bảy đời tôn sư và đại tôn sư của những vị Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên?*”

Bà La Môn Vasettha trả lời:

“Thưa tôn giả Gotama, không có vị nào”.

Thưa các bạn! Các bạn có nghe lời đức Phật dạy không? Đức Phật đã xác định dù cho các vị Tổ đã viết ra kinh sách Vệ Đà cũng vẫn chưa biết Phạm thiên. Đó là điều thiết thực, cụ thể các bạn ạ! .

Vậy các vị Tổ của Đại Thừa soạn thảo và biên tập những kinh sách ảo tưởng này để lừa đảo con người. Vì thế những kinh sách Đại Thừa này, chuyên môn là kinh sách mê tín, ảo giác, tụng niệm, chú thuật, ngòi thiên, kiến tánh thành Phật, cúng sao, giải hạn, cúng tế cầu phước, cầu tự, cầu an, cầu siêu, cúng vong, tiền linh, đốt tiền vàng mã v.v... Cho nên từ xưa đến nay chưa có một vị Thầy Tổ nào làm chủ được sinh, già, bệnh, chết, và chấm dứt luân hồi tái sinh, thì làm sao gọi là 48 ngàn pháp môn là chánh đạo, trực đạo hướng dẫn đi đến cứu cánh được?

Tại sao chúng ta biết được các Thầy Tổ chưa giải thoát được như vậy?

Chúng ta biết được như vậy là nhờ căn cứ vào những kinh sách Đại Thừa do các Ngài biên soạn mà không có pháp tu làm chủ sự sống chết thực tế, cụ thể, thường các pháp tu tập mơ hồ, không rõ ràng, phần nhiều dạy tu tập ức chế tâm, pháp hành không nhất quán, lúc niệm tụng, cầu khẩn; lúc cúng tế sám hối; lúc sống trong ảo huyền, mơ mộng cảnh giới ảo tưởng Cực Lạc, Thiên Đàng, Niết Bàn, Phật tánh, Bản thể vạn hữu, Chân không diệu hữu, trí tuệ

Bát Nhã Chân Không v.v... đều là những cảnh giới ảo ảnh, giác tướng, mơ hồ không thật.

Đó là lối lí luận tướng tri trong kinh sách Đại Thừa của các Ngài, nhưng xét lại những Phạm hạnh giới luật để li dục, li ác pháp, để sống đạo đức không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì chẳng bao giờ nói đến. Như vậy rõ ràng những pháp môn của Đại Thừa từ các vị Tổ sư đầu tiên cũng chưa biết được con đường giải thoát và giải thoát như thế nào? Cho nên các Thầy Tổ xưa cho đến các Thầy Tổ hiện nay cũng chưa biết được con đường giải thoát và trạng thái giải thoát như thế nào!? Nhờ xét qua kinh sách Đại Thừa của các Ngài, mà chúng ta biết chắc rằng các Ngài chưa cộng trú với trạng thái giải thoát như đức Phật đã chỉ dạy cho chúng ta rất rõ ràng và cụ thể.

Đây, chúng ta hãy lắng nghe đức Phật hỏi Bà La Môn Vasettha: *“Thế nào, này Vasettha. Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên được trì tụng được ngâm vịnh và ngày nay những vị Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà cũng hát lên cũng trì tụng và ngâm giảng như các vị Atthaka (A sát ca) Vàmaka, Bàma, Vàmadeva (Bà Ma Đề Bà), Anginasa (Ương Kỳ La), Bhagu (Bà Cữu), những vị này có nói chúng tôi biết, chúng tôi có thấy chỗ ở Phạm thiên, chỗ đến Phạm thiên, chỗ đi Phạm thiên?”*

“Thưa Tôn giả Gotama, không có vị nào”.

Các bạn có nghe đoạn kinh này không? Câu hỏi của đức Phật rất cụ thể và thực tế để xác định một sự lợi ích lớn cho loài người. Bởi vì con người đang bị những tôn giáo dùng những pháp môn ảo tưởng, trù tượng, mê tín đang bành trướng lừa đảo, lường gạt mọi người bằng một lối lý

luận xa lìa thực tế, rất mơ hồ, thường tạo ra bằng những năng lực thần quyền do tưởng uẩn lưu xuất, nhờ những năng lực đó lại dễ bề lường gạt người nhiều hơn. Chỉ vì ý thức hiểu biết của con người còn đang bị hạn chế trong không gian và thời gian. Vì thế, họ không làm sao hiểu rõ những năng lực kỳ lạ ấy của tưởng uẩn, nên họ dễ bị lường gạt .

Họ cho các tôn giáo và các pháp môn đều có thể đưa con người đến một mục đích giải thoát như nhau, nếu họ tu tập theo pháp môn đó. Họ khéo thiện xảo dùng những danh từ rất kêu: *“Tất cả các tôn giáo cũng như tất cả các pháp môn đều trở về quy nguyên một chỗ.”* Lời nói lừa đảo này đã có từ xưa các nhà Đại Thừa vẫn bắt chước mà thôi. Đến nay chưa có ai dám lột mặt nạ của họ.

Xưa đức Phật đã lột mặt nạ tà giáo ngoại đạo Bà La Môn. Đến nay Đại Thừa và Thiên Tông đã bắt chước lối lý luận này, đã lường gạt mọi người từ hơn 2000 năm. Đến nay chúng tôi quyết định dừng lại Phật giáo, vạch trần sự giả dối của Đại Thừa để các bạn thấu rõ âm mưu của tà giáo ngoại đạo lúc nào cũng tìm cách dìm Phật giáo.

Xin các bạn nghe tiếp đoạn kinh này thì sẽ rõ: *“Này Vasettha như vậy người nói không có một Bà La Môn nào trong những vị tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một tôn sư nào của Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên, không có một đại tôn sư nào của các Bà La môn tinh thông ba tập Vệ Đà tận mắt thấy Phạm thiên, không có một Bà La Môn nào cho đến 7 đời đại tôn sư, tôn sư của những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà đã tận mắt thấy Phạm thiên trong những tu sĩ thời cổ ...như vậy các Bà La Môn tinh thông ba tập kinh Vệ Đà đã nói, chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.*

Nhưng chúng tôi thuyết dạy cho mọi người con đường ấy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”.

“Này Vasettha, Ngươi nghĩ thế nào, sự kiện và như vậy thời có phải lời nói của những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà là không chính xác hợp lý?”

“Thưa tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thì lời nói của những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà là không chính xác, hợp lý”.

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy có sự sắp xếp cho thuận lý, hợp lẽ, nghe xuôi tai, chứ thực tế không phải vậy. Bà La Môn là những tu sĩ không phải vừa.

Tuy rằng họ không biết Phạm thiên thật sự, nhưng họ vẫn có những lý luận chống trái lại câu hỏi của Phật, chứ không phải họ chịu thua và tôn kính Phật như ở đoạn kinh này.

Ở đây chúng ta phải thành thật công nhận một sự thật là chưa có một người nào đến cõi Trời Phạm thiên, cõi Cực Lạc, cõi Niết Bàn v.v... và cũng chưa có ai thấy được các vị Phật quá khứ hình dáng ra sao? như Phật Tỳ Lô Giá Na cho đến Phật Cổ Nhiên Đấng cũng chẳng mấy ai thấy biết hình dáng mặt mày của những vị Phật này, thậm chí như đức Phật Thích Ca Mưu Ni cũng chưa ai thấy mặt mày hình dáng ra sao? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là con người thật trên hành tinh có lịch sử hẳn hoi. Thế mà hiện giờ có ai gặp và thấy Phật Thích Ca Mâu Ni chưa? Cho đến những giáo pháp duy nhất của Ngài dẫn đến cứu cánh giải thoát thực tế, cụ thể như vậy. Ngoài pháp này ra không còn một pháp môn nào nữa. Thế mà hiện giờ có một số người bắt chước nhai lại bã mía của tư tưởng Đại Thừa cho nên mới bảo rằng: “*pháp môn nào cũng dẫn đến*

cứu cánh như nhau” lời xác định như vậy thật là vô lí, nó không chính xác và không hợp lí. Có đúng như vậy không các bạn?

Kính thưa các bạn! Hiện giờ tu sĩ Đại Thừa và Thiên tông cũng giống như tu sĩ Bà La Môn trong thời đức Phật còn tại thế. Họ đã học và lập lại lý luận của Bà La Môn: *“Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi cho những ai thực hành theo”*. Nhưng với những pháp môn của Đại Thừa không chính xác, không hợp lý toàn là pháp môn ảo tưởng. Có đúng như vậy không các bạn?

Đây các bạn hãy nghe tiếp đức Phật kết luận bài kinh này: *“Này Vasettha những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: “Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo”. Thật không thể có sự kiện ấy. Này Vasettha ví như một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cũng không thấy, như vậy, này Vasettha, lời nói của những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà người đầu không thấy, người giữa không thấy người cuối cũng không thấy giống như lời nói mù quáng. Lời nói của Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng...”* Dem so sánh đoạn kinh này với kinh sách Đại Thừa thì không có khác điều chi cả. Phải không các bạn?

Lời nói trong kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông là lời nói đáng chê trách, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng, nói trong sự hư ảo, tưởng giải, thiếu thực tế, không cụ thể v.v...

Trong Phật giáo có đường lối tu tập rõ ràng và cụ thể. Đường lối tu tập đó đã xác định bằng bốn chân lý của loài người: KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO. Khổ, tập, diệt, đạo là một cái nhà lầu có bốn tầng, và như vậy chúng ta có thể làm một cây thang cao 4 tầng để bắc lên cái nhà lầu 4 tầng, như vậy mới chính xác và hợp lý. Phải không các bạn?

Bởi vì bốn tầng lầu này ai cũng nhận biết một cách rõ ràng:

- Tầng thứ nhất là **KHỔ ĐỂ**, vậy làm người có ai không biết cái khổ này không?

- Tầng thứ hai là **TẬP ĐỂ**, đó là nguyên nhân sinh ra muôn thứ đau khổ. Điều này không ai dám chối cãi và phủ định được, nó thực tế, không mơ hồ trừu tượng mà mọi người khi nghe nói đến nguyên nhân sinh ra đau khổ thì ai cũng biết rõ và chấp nhận đó là đúng như thật, đúng 100%. Có đúng như vậy không các bạn?

- Tầng thứ ba là **DIỆT ĐỂ**, diệt đế là một trạng thái ly dục, ly ác pháp; là một trạng thái tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ; là một trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Trạng thái tâm này ai ai cũng biết, dù là người chưa có tu tập một ngày nào, họ cũng nhận ra được, chứ không phải đợi tu tập rồi mới biết. Cho nên khi có ai nói đến tâm thanh thản, an lạc và vô sự thì mọi người nhận ngay liền là một trạng thái giải thoát. Dù bất cứ một người nào cũng vẫn nhận ra được nó một cách rõ ràng và cụ thể, chứ không mơ hồ trừu tượng như cõi Thiên đàng, Cực lạc, Niết bàn, Phật tánh, Bản lai diện mục, Chân không diệu hữu, Tánh thấy, Tánh nghe, Tánh biết, Tánh không và Trí Tuệ Bát Nhã... của Đại Thừa, của Thiên Tông và của các tôn giáo khác.

Toàn bộ những cảnh giới và trạng thái này đều là ảo tưởng không thật có. Cho nên mục đích tu hành của Đại Thừa và Thiên Tông không thực tế, cụ thể chỉ toàn là mục đích ảo tưởng, trừu tượng, ảo giác v.v...chưa có ai thực hiện giải thoát được như đức Phật đã dạy ở đoạn kinh trên. Vì thế khi thực hành không mang lại kết quả diệt trừ tâm tham, sân, si mà tâm tham, sân, si lại còn to lớn hơn. Phật giáo Nguyên Thủy khác. Ngay trên tâm tham, sân, si dùng mọi pháp diệt trừ nó để bảo vệ chân lí thứ ba. Vì thế chân lí thứ tư là “ĐẠO ĐẾ” ra đời. Đạo đế là một chương trình giáo dục đào tạo những bậc Thánh A La Hán vô lậu gồm có tám lớp:

Lớp Chánh kiến
Lớp Chánh tư duy
Lớp Chánh ngữ
Lớp Chánh nghiệp
Lớp Chánh mạng
Lớp Chánh tinh tấn
Lớp Chánh niệm
Lớp Chánh định

Tám lớp này được chia ra làm ba cấp. Trong ba cấp này gồm có:

Cấp GIỚI
Cấp ĐỊNH
Cấp TUỆ

Bởi vậy đạo Phật có chương trình giáo dục, đào tạo hẳn hoi, có bài vở tu học theo thứ lớp, từ lớp thấp đến lớp cao hơn. Mỗi bài vở học và tu tập được trau dồi và rèn luyện thân tâm một cách cụ thể, rõ ràng. Vì nó là những bài học rèn luyện và tu tập cụ thể để đối trị tâm tham, sân, si. Cho nên bốn chân lí như cái nhà có bốn tầng lầu. Còn *Đạo Đế* như cây thang để leo lên bốn tầng của ngôi nhà lầu.

Vậy chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: “*Này Vasettha, như có một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên một ngôi nhà lầu, nhưng có người hỏi: “Này bạn, ông muốn xây một cái thang để leo lên một ngôi nhà lầu, vậy ông có biết ngôi nhà lầu ấy ở về hướng Đông hay ở về hướng Tây, hay ở về hướng Bắc hay ở về hướng Nam, ngôi nhà lầu ấy cao hay thấp hay trung bình? Được hỏi như vậy người ấy trả lời không biết.”*

“*Lại có người hỏi: “Này bạn, như vậy có phải Ông xây một cái thang để leo lên một ngôi lầu mà Ông không biết, không thấy? Hỏi vậy, vị ấy trả lời phải. Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia không chính xác, hợp lý?”*

“*Vâng phải, kính bạch Thế Tôn sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chính xác, hợp lý?”*

Ở đây, đức Phật đã cho một ví dụ cho các bạn dễ hiểu, dễ nhận ra cái sai của Đại Thừa và Thiên Tông: Cây thang và ngôi nhà lầu.

Cây thang dụ cho pháp, ngôi nhà lầu, dụ cho mục đích giải thoát. Mục đích giải thoát mà biết không rõ, không thấy rõ thì giáo pháp tu tập làm sao có kết quả thực tế được. Phải không các bạn?

Thế mà các nhà Đại Thừa làm cây thang để leo lên ngôi nhà lầu thì làm sao giáo pháp đó đúng được và như vậy giáo pháp đó không thể đưa đến cứu cánh, cho nên kinh sách Đại thừa là kinh sách tưởng, không phải Phật thuyết.

Diệt Đế là chân lý của đạo Phật rất cụ thể, rõ ràng, không mơ hồ, trừu tượng. Một trạng thái giải thoát thật sự mà mọi người ai cũng nhận ra được bằng ý thức của mình.

Kính thưa các bạn! Chân lí của Phật giáo đã xác định rõ ràng điều này. *Khổ Đé* và *Tập Đé* là hai chân lí đầu tiên đã chỉ rõ đời sống thế gian là một đời sống đầy đầy sự khổ đau vô cùng tận. Những chân lí này đã xác định như vậy thì không còn ai phủ nhận được. Còn chân lí thứ ba là *Diệt Đé*. Diệt Đé là chỉ cho tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ; là một đời sống bình an và hạnh phúc không còn khổ đau nữa. Đó chính là mục đích giải thoát của Phật giáo rõ ràng và cụ thể, nên không ai có thể cho nó mơ hồ ảo tưởng được.

Chân lí thứ tư như các bạn đã biết nó là chương trình giáo dục đào tạo bằng những giáo pháp tu tập rèn luyện đưa đến không còn khổ đau nữa tức là đạt đến mục đích giải thoát hoàn toàn mà trong kinh đức Phật đã cho ví dụ như một cây thang bắc lên ngôi nhà lầu.

Đọc trong bài kinh này chúng ta thấy tất cả các vị Bà La Môn từ đại tôn sư biên soạn viết ra kinh sách Vệ Đà cho đến các vị Bà La Môn hiện nay đang hành trì theo giáo pháp này. Người nào cũng không xác định được cảnh giới giải thoát cụ thể rõ ràng. Phần nhiều các vị Bà La Môn chỉ nói hay lý luận trong mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng v.v... Điều đó cho biết các Bà La Môn này chắc chắn là không biết, không thấy. Vậy mà họ bảo rằng: “*Đây là trực đạo, đây là chánh đạo hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên, nếu ai tu theo nó*”. Lời dạy này không chính xác và không hợp lí, xin các bạn lưu ý: Đại Thừa và Thiên tông trong thời đại chúng ta cũng vậy.

Ví dụ ngôi nhà lầu và cây thang là ý đức Phật không chấp nhận những cảnh giới siêu hình, những thiên tưởng sinh những trạng thái mô hồ, trừu tượng... Mục đích cứu cánh giải thoát là phải cụ thể rõ ràng, mọi người đều nhận ra

bằng ý thức một cách dễ dàng, có đúng như vậy mới tin còn không đúng như vậy mà tin là tin mù quáng.

Giáo pháp tu tập của Phật giáo là đức hạnh sống của con người, vì thế chúng đạt được mục đích không có khó khăn. Giáo pháp của Phật không phải là thứ giáo pháp mơ hồ, trừu tượng như kiểu Đại Thừa và Thiên Tông: Kiến Tánh Thành Phật, Chặng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền hay Tham thoại đầu, Khán công án, hay Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm hoặc Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách, Chấn trâu, Giữ ông chủ hay biết vọng liền buông v.v...

Kính thưa các bạn! Cách thức tu tập như vậy không có thực tế, không đoạn diệt tâm tham, sân, si.

Đây các bạn hãy nghe đức Phật dạy tiếp: *“Này Vāsettha, như sông Aciravati này đầy tràn nước đến bờ khiến con qua có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người đứng bờ bên này kêu bờ bên kia và nói: “Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại đây!” Này Vāsettha người nghĩ thế nào? Có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravati đến bờ bên này không?”*

Đức Phật cho một ví dụ điển hình cho chúng ta thấy pháp môn Tịnh Độ, pháp môn Pháp Hoa là những pháp môn cầu khẩn, cúng bái, sám hối v.v...mà từ bấy lâu nay đã truyền vào đất nước Việt Nam với những điều mê tín bằng sự cầu khẩn, tán thán, hy vọng hay sám hối, để được tiêu tai giải trừ nghiệp ác. Những hành động tu tập của những giáo pháp này cũng giống như người đứng bên bờ bên này mà gọi bờ bên kia để bờ bên này sang sông. Một việc làm

mơ mộng không thực tế chút nào, một sự tu hành như vậy không thể có sự giải thoát được.

Đây là một bài kinh mà đức Phật đã làm sáng tỏ cái sai của Đại Thừa. Nhờ bài kinh này mà chúng ta thấy Đại Thừa không phải là giáo pháp của đức Phật thuyết.

Sự cầu khẩn, sự cúng tế, sự lạy lễ sám hối, sự niệm hồng danh chư Phật, sự niệm Phật cầu vãng sanh Cực lạc Tây phương cũng giống như người đứng bên bờ sông này mà kêu gọi bờ sông bên kia “*Bờ bên kia hãy lại đây! Bờ bên kia hãy lại đây!*” Những việc làm vô vọng, những sự tu hành như vậy thật là hoài công, vô ích, chỉ uổng cho một đời tu tập.

Bài kinh trên đây đã xác định cho các bạn thấy rằng: Chỉ có một con đường duy nhất đưa đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn, đó là *Đạo Đế*. Đạo đế là một chương trình giáo dục và đào tạo đạo đức nhân bản nhân quả sống không làm khổ mình khổ người có tám lớp và ba cấp như đã nói ở trên. Cho nên người mới vào tu tập là phải vào cấp một tức là cấp giới luật. Sau khi tốt nghiệp cấp giới luật xong mới lên cấp hai, cấp hai là cấp tu tập thiền định. Sau khi tốt nghiệp cấp thiền định xong, thì mới lên cấp tuệ. Sau khi tốt nghiệp xong cấp tuệ là đã học xong chương trình đào tạo đức hạnh làm Người, làm Thánh. Ngoài Đạo Đế này ra thì không có pháp môn nào hướng đến, dẫn đến cứu cánh giải thoát được. Cho nên các bạn có nhớ lời Phật dạy không? *Đừng có tin! Đừng có tin!*

*Chớ có tin vì nghe truyền thuyết
Chớ có tin vì nghe truyền thống
Chớ tin vì nghe người ta nói đến
Chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng
Chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình
Chớ có tin vì đúng theo một lập trường .*

*Chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dự kiện.
Chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình
Chớ có tin nơi xuất phát có uy quyền
Chớ có tin vì bặc Sa Môn là Đạo sư của mình vv...”*

Có 10 điều đức Phật đã dặn bảo mọi người đừng có tin những điều giáo pháp dạy không thực tế, không cụ thể, không rõ ràng, đối với sự cứu cánh giải thoát.

Đại Thừa và Thiên Tông đã không xác định chỉ rõ mục đích giải thoát cụ thể rõ ràng như chân lý *Diệt Đế* của Phật Giáo Nguyên Thủy. Phật Tánh, Tánh Giác, Tánh Thấy, Tánh Nghe, Tánh Biết v.v... của Đại Thừa và Thiên Tông đều mơ hồ, trừu tượng, hư tưởng, không cụ thể, không thực tế.

Con người khổ là vì năm pháp dục tăng thịnh; là vì năm triền cái được gọi là chướng ngại pháp; là vì Thập thất kiết sử v.v... Sự kiến tánh thành Phật của Thiên Tông; sự niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương của Tịnh Độ Tông; sự niệm chú có thần thông của Mật Tông thì đâu có đối trị và đoạn diệt được năm dục tăng trưởng, Thập Thất kiết sử và năm triền cái. Cho nên tu sĩ của Đại Thừa, Thiên Tông, Mật Tông và Tịnh Độ Tông đi đến một hướng khác. Một hướng ảo tưởng. Vì thế đối với năm dục trưởng dưỡng và năm triền cái càng tăng trưởng mạnh mẽ hơn, nên cuộc sống của họ tiện nghi đầy đủ, chùa to Phật lớn chứng minh cho các bạn biết những tu sĩ này đang chạy theo dục lạc thế gian danh lợi, ăn ngủ phi thời, họ sống chẳng khác như người thể tục, chỉ có y áo và chiếc đầu cao tọc.

Vậy các bạn hãy lắng nghe đức Phật dạy: “*Này Vasettha, có năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh, năm pháp này được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thừng trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Những sắc pháp do mắt thấy cảm*

nhận khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận... những vị do lưỡi cảm nhận... những xúc do thân cảm nhận, khả ái mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái dục. Nay Vasettha. Năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, được xem là sợi dây chuyền, sợi dây thừng trong giới luật của bậc Thánh. Nay Vasettha năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy. Các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà vẫn chấp trước mê đắm bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự không thoát ly của chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy.”

Độc đoạn kinh này các bạn nên đem các tu sĩ Đại Thừa và Thiên Tông ra so sánh với các tu sĩ Bà La Môn trong thời đức Phật thì các bạn thấy rất rõ những tu sĩ Đại Thừa và Thiên Tông đâu có khác gì là những tu sĩ Bà La Môn, các tu sĩ Đại Thừa và Thiên Tông có một số vị chưa thông tam tạng kinh điển Đại Thừa, còn có một số có cấp bằng tiến sĩ Phật học, nhưng họ đều bị năm dục trường dưỡng tăng thịnh đã xô mũi. Vì thế họ chạy theo danh lợi, dục lạc, luôn luôn bị năm triền cái tác động làm chướng ngại pháp, khiến cho họ khổ sở vô cùng vô tận không bao giờ dứt như đoạn kinh trên đã dạy

Đây, các bạn hãy lắng nghe đức Phật quở trách các vị Bà La Môn trong thời ấy: *“Nay Vasettha, những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà loại bỏ những pháp tác thành người Bà La Môn, tuân theo những pháp không tác thành người Bà La Môn, chấp trước mê đắm, bị trói buộc không thấy nguy hiểm của chúng không nhận thức sự không thoát ly của chúng, tận hưởng chúng bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên, thật không có sự kiện ấy.”*

Kính thưa các bạn! Độc đến đoạn kinh này các bạn thấy rất rõ những tu sĩ Đại Thừa và Thiên Tông hiện giờ không

khác gì những tu sĩ Bà La Môn. Đại Thừa và Thiên Tông thì ném bỏ giáo pháp của đức Phật, để rồi kiến giải Phật pháp theo kiểu học giả, và chấp nhận giáo pháp của ngoại đạo, còn gọi giáo pháp đó là Đại Thừa, là Tối thượng thừa. Do đó các bạn thấy chùa to Phật lớn mọc lên như nấm khắp nơi trong nước, làm hao tổn tiền của Phật tử biết bao nhiêu kể sao cho hết. Họ sống chạy theo danh lợi, dục lạc thế gian, ăn ngủ phi thời; họ là những tu sĩ phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới. Sau khi thân hoại mạng chung họ thọ lấy sự khổ đau vô cùng, vô tận, vì thế họ làm sao cộng trú với trạng thái giải thoát cho được.

Một sự lầm lạc của Phật giáo Đại Thừa và Thiên Tông rất lớn, không khác gì sự lầm lạc của Bà La Môn trong thời đức Phật ngày xưa. Cho nên bài kinh này đã xác định và vạch ra một sự thật để làm sáng tỏ sự sai lầm của Đại Thừa và Thiên Tông ngày nay, để nhắc nhở mọi người cần phải cảnh giác kinh sách Đại Thừa.

Cho nên các bạn lưu ý: Đừng nghe những gì của Đại Thừa và Thiên Tông nói mà hãy thấy những gì của Đại Thừa và Thiên Tông làm.

Đây, các bạn hãy nghe tiếp đức Phật dạy: *“Này Vasettha có năm triền cái được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được gọi là màn che, cũng được gọi là triền phược trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Dục ái, sân ái, hôn trầm, thù miên ái, trạo hối ái, nghi ái. Này Vasettha các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy v.v... Bị trói buộc bởi năm triền cái này, sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không thể có sự kiện ấy xảy ra.”*

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy rất rõ các vị tu sĩ Đại Thừa và Thiên Tông đang bị trói buộc bởi năm triền cái

này, do thế con đường tu hành giải thoát của họ làm sao có được. Phải không các bạn?

Bài kinh này đã xác định rõ ràng không thể ai phủ nhận được cái sai của Đại Thừa và Thiền Tông. Bởi vì một sự thật hiển nhiên đang bày ra trước mắt mọi người. Cho nên ai cũng chứng kiến thấy rõ ràng tu sĩ Đại Thừa và Thiền Tông đang chạy theo dục lạc và hưởng thụ danh lợi rõ ràng.

Các bạn hãy nghe tiếp đoạn kinh này: *“Này Vasettha, Người nghĩ thế nào? Người có nghe những Bà La Môn niên cao lap trưởng, tôn sư và đại tôn sư cùng nhau nói chuyện không? Phạm thiên có ái dục hay không ái dục?*

- *Thưa Tôn giả Gotama, không có ái dục.*
- *Có hận tâm hay không hận tâm?*
- *Thưa Tôn giả Gotama, không có hận tâm.*
- *Có sân tâm hay không sân tâm?*
- *Thưa Tôn giả Gotama, không có sân tâm.*
- *Có nhiễm tâm hay không nhiễm tâm?*
- *Thưa Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm.*
- *Có tự tại hay không có tự tại?*
- *Thưa Tôn giả Gotama, có tự tại.*
- *Này Vasettha Người nghĩ thế nào các Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà có ái dục hay không ái dục?”*

Đọc đoạn kinh trên các bạn thấy rất rõ ràng đức Phật đã nêu lên mục đích giải thoát cụ thể không có mơ hồ không có trừu tượng, không có ảo giác. Đó là *“tâm không ái dục”*. Như vậy ái dục là chân lý thứ hai của đạo Phật để xác định nguyên nhân sinh ra muôn sự đau khổ của chúng sanh nên gọi là *“Tập Đế”* Tập đế là nơi tập hợp mọi sự khổ đau.

Đoạn kinh này cũng xác định rõ ràng đức Phật đã hết ái dục. Bà La Môn còn ái dục. Như vậy Đại Thừa và Thiền

Tông còn ái dục và sống phi Phạm hạnh, phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống như vậy thì làm sao cộng trú với Phạm Thiên, với sự giải thoát được. Phải không các bạn?

Cho nên nói tất cả pháp đều dẫn về một mục đích giải thoát thì không thể có được, như trong bài kinh này đức Phật đã xác định, sống không đúng giới luật thì không bao giờ có sự giải thoát chân thật.

Muốn thấu rõ sự sai lầm của Đại Thừa và Thiên Tông chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: *“Này Vasettha, ở đời các Bà La Môn có tinh thông ba tập Vệ Đà, khi các vị ngồi (với sự tự tin) thật sự là đang chìm trong bùn lầy và khi đang chìm trong bùn lầy, phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn. Do vậy đối với những Bà La Môn tinh thông ba tập Vệ Đà, sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông cũng được gọi là sự bất hạnh!”*.

Kính thưa các bạn! Đọc đoạn kinh trên đây, nó đã xác định cho chúng ta biết rằng: Các thầy Đại Thừa và Thiên Tông thông suốt tam tạng kinh điển, thuyết giảng như gió thổi, mây bay, nhưng sự tinh thông ấy được gọi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh. **Bởi vậy kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ là một thứ bánh vẽ, bánh giấy. Không giúp ích cho con người lợi lạc mà còn dẫn dắt con người vào thế giới ảo tưởng, sống mê tín lạc hậu.** Có đúng như vậy không các bạn?

Tóm lại trong thời đức Phật đã có những Bà La Môn cho tất cả pháp môn là mọi con đường đều dẫn đến một địa điểm cứu cánh, tư tưởng ấy đã được truyền thừa đến ngày

nay và đang phát triển mạnh. Đó là giáo pháp Đại Thừa và Thiên Tông.

Ngày xưa đức Phật đã dẹp bỏ những tư tưởng sai lầm này. Ngài đã vạch ra rất rõ ràng, nhưng từ khi Ngài mất các Tổ Bà La Môn đã khéo dìm mát những lời dạy này. Biến dần giáo pháp của Bà La Môn thành giáo pháp Đại Thừa và Thiên Tông.

Hôm nay đủ duyên chúng tôi dựng lại những gì của đức Phật đã dạy, để cho mọi người đến với đạo Phật mà không còn bị tà giáo Đại Thừa và Thiên Tông lừa đảo. Những tư tưởng của Đại Thừa và Thiên Tông cho rằng tất cả giáo pháp tu hành là những chiếc bè sang sông, là phương tiện di chuyển, là mọi con đường dẫn đến một địa điểm, là ngón tay chỉ mặt trăng, v.v... thật là một sự hiểu lầm rất đáng thương!

Chúng tôi tin rằng khi các bạn đọc xong lời chú giải này thì đối với Đại Thừa và Thiên Tông không còn có thể lừa đảo các bạn được nữa. Thân thương chào các bạn.

Kính ghi
Tu Viện Chơn Như

MẮT CHƯ THIÊN

LỜI PHÁT DẠY

“Này Ananda, rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới, tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến 12 do tuần chung quanh. Kusinàrà Upavattana, rìng Sàlà thuộc giòng họ Mallà, không có một chỗ nào nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những Thiên Thần có uy lực tụ họp. Này Ananda, các vị Thiên

Thần đang than phiền: “Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai, bậc A La Hán Chánh đẳng giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỳ kheo có oai lực này lại đứng ngay trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng”. Nay Ananda, các chư Thiên đang than phiền như vậy”. (Kinh Trường Bộ tập 1 trang 642 kinh Đại Bát Niết Bàn).

CHÚ GIẢI:

Độc đoạn kinh này lời văn và phong cách viết văn giống như trong kinh sách Đại Thừa. Đây là các Tổ viết ra rồi đưa vào kinh Đại Bát Niết Bàn. Cho nên hiện giờ kinh sách sai rất nhiều vì trải qua nhiều lần kết tập kinh sách mỗi lần kết tập đều có thêm hay bớt ra, còn kiến giải và tưởng giải của các Tổ tạo thành kinh mới đều lấy tên là kinh Đại Thừa.

Cái sai thứ nhất ở đoạn kinh này là mắt chư thiên mà giống như mắt phàm phu bị ngăn che bởi không gian và thời gian. Mắt chư Thiên không còn bị không gian ngăn cách và trải dài. Thế mà ở đây đức Phật phải đuổi thị giả cũ của mình là đại đức Upanāra để cho chư Thiên chiêm ngưỡng Phật: *“Lúc bấy giờ, Tôn giả Upanara đứng trước mặt Thế Tôn và quạt hân. Thế Tôn liền quở trách Tôn giả Upanavara: “Này Tỳ kheo, hãy đứng một bên chớ có đứng trước mặt Ta”.*

Hành động đuổi Tỳ kheo Upanāva là đức Phật còn thiên vị chư Thiên mà xem rẻ đệ tử của mình. Trong khi đức Phật sắp nhập Niết Bàn, một vĩ nhân của nhân loại thì loài người là những người ưu tiên được chiêm ngưỡng gần Phật nhất, cơ sao Phật lại đuổi con người? Chính đạo Phật ra đời vì con người, chứ không phải vì chư Thiên. Cho nên bốn chân lý của Phật giáo là bốn chân lý của loài người,

điều này không thể ai chối cãi được. Đó là cái sai của Đại Thừa khéo tưởng tượng chư Thiên mà con mắt như phàm phu tục tử, bị ngăn cách và trải dài bởi không gian và thời gian.

Kính thưa các bạn! Các bạn nên lưu ý những lời của các Tổ khi thêm vào trong kinh sách Nguyên Thủy của Phật do tưởng giải của các Tổ, nên hiện giờ rõ nét thiếu chiều sâu đầy ảo tưởng, không thành thật, không cụ thể, rõ ràng. Thường là những lời dạy mơ hồ, trừu tượng không đúng như thật.

Đây các bạn đọc đoạn kinh tưởng này của Đại Thừa đang xen lẫn trang kinh Nguyên Thủy *“Này Ananda, các cây Sàlā song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa này rơi lên gieo khắp và tung rải trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandāvara từ trên hư không rơi xuống rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trôi dạt để cúng dường Như Lai. Thiên la trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai”*.

Các bạn lưu ý đoạn kinh này, đây là một đoạn kinh tưởng của Đại Thừa thêm vào đây là sự tưởng tượng cúng dường. Trong kinh Pháp Môn Căn Bản đức Phật đã xác định không có cõi Trời, cõi Trời chỉ là cõi tưởng chứ không có thật. Vậy mà ở đây lại có hoa Trời. Nhạc trời cúng dường thì trái với kinh sách quá lớn. Vậy sự cúng dường này có đúng không?

Trong giới luật Phật cấm ca, hát, nhạc, kịch. Vậy mà ở đây lại có nhạc Trời cúng dường. Trong khi đức Phật dạy thấp hương cúng dường bằng tâm hương như những thứ hương cúng Phật, chỉ có *GIỚI HƯƠNG, ĐỊNH HƯƠNG, HUỆ*

HƯƠNG, GIẢI THOÁT HƯƠNG VÀ GIẢI THOÁT TRI KIẾN HƯƠNG. Vậy mà ở đây lại cúng dường Như Lai bằng hương hoa Sa la song thọ, hương hoa Mandāvāra và nhạc Trời tiếng ca hát của Thiên nữ cúng dường Như Lai. Đoạn kinh này có đúng không các bạn?

Các nhà Đại Thừa khéo tưởng tượng làm sai lệch giới luật đức hạnh của một bậc vĩ nhân nhân loại, nhất là một Người đã từng sống Phạm hạnh đi ngược lại với đời sống phàm phu của con người, thế mà khi chết lại ma chay giống như người thế tục thì còn nghĩa lý gì là đạo giải thoát, đạo trí tuệ, đạo đức hạnh, đạo thiếu dục tri túc.

Đến đây chúng tôi xin các bạn suy xét để phá dẹp đi những tư tưởng kiến chấp sai lầm mà từ xưa đến nay trên 2000 năm đã bị một sự truyền thừa mê tín sai lệch của Đại Thừa đã ăn sâu vào cốt tủy của con người. Vì thế không thể trong một ngày, hai ngày, một năm, hai năm mà gọt rửa sạch những tư tưởng sai lầm này được. Các bạn nên ghi nhớ những lời dạy này.

TÂM LIỆM NĂM TRĂM LỚP VẢI

LỜI PHÁT DẠY

“Rồi những người Mallà ở Kusinara vẫn tròn thân Thế Tôn với vải mới, sau khi vẫn vải mới xong, lại vẫn thêm với vải gai bện. Sau khi vẫn với vải gai bện lại vẫn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến 500 lớp cả hai loại vải”. (Kinh Trường Bộ tập I trang 675 kinh Đại Bát Niết Bàn).

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy rất vô lý, khi sống đức Phật giữ hạnh ba y một bát, thiếu dục tri túc, lượm vải bỏ làm y áo mặc, đến khi chết thì lại tiêu phí một cách ghê

góm. Một thân Phật như vậy làm sao quán 500 lớp vải. Năm trăm lớp vải là một đồng vải ghê gớm. Chúng tôi không thể nào tưởng tượng được một vị Phật thường tuyên bố, thân ngũ uẩn này là bất tịnh, là vô thường, là khổ đau, là một vật không có giá trị, là một vật đồ bỏ, thế mà khi chết phải tẩm liệm như một nhà vua. Đời sống của Phật thì xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, đến khi chết thì xem thân quý trọng như thân của một hoàng đế (Chuyện Luân Thánh Vương). Những việc làm này có đúng mục đích xả phú cầu bần của đạo Phật không?

Xin thưa cùng các bạn! Các bạn hãy cùng chúng tôi vào Niết Bàn hỏi Phật. Đoạn kinh này có phải Phật dạy cách tẩm liệm Phật như vậy không? Hay đời sau bày vẽ rồi gán cho Phật. Một bài kinh mà viết như vậy có đúng là kinh sách của Phật không? Đạo Phật là đạo buông xả, buông xả sao mà dính mắc như vậy, chết phải làm đám tang như vậy. Cách thức an táng này không đúng tinh thần xả phú cầu bần của Phật giáo chút nào. Vậy đoạn kinh này ai đã thêm vào? Đoạn kinh này đã làm mất ý nghĩa giải thoát của đạo Phật. Xin các bạn lưu ý: *“Đừng có tin! Đừng có tin vào kinh sách...”* Đó là lời dạy của đức Phật đã nhắc nhở chúng ta. Các bạn còn nhớ không?

Đem vải vắn thân Phật 500 lớp là một hành động phí phạm mồ hôi nước mắt của loài người quá lớn. Đây là một hành động của vua chúa, chứ không phải là một hành động của một bậc Thánh A La Hán đã ra khỏi thế gian, đầy ô nhiễm và uế trước này.

Đạo Phật sống xả bỏ thân mạng này xem nó như là một ổ bệnh tật, như là một nghiệp khổ đau, như là một vật đáng ném bỏ như chiếc giày rách.

Thưa các bạn! Những người còn đầu óc phong kiến, tư tưởng gai cấp thống trị của vua chúa mới có sự chết tẩm

liệm thi hài như vậy. Còn đức Phật là một nhà cách mạng tư tưởng ban bằng giai cấp thống trị xã hội thì không lý nào khi chết Ngài còn theo tục lệ của vua chúa tẩm liệm hay sao? Như vậy chúng ta đều biết tư tưởng của đức Phật là tư tưởng vô giai cấp, sống bình đẳng. Mọi người đều có quyền sống tự do bình đẳng như nhau, không ai được quyền xem nhẹ người khác. Thế mà việc tẩm liệm thân đức Phật không còn bình đẳng nữa, Như vậy các bạn đọc đoạn kinh này có thấy đúng là lời Phật thuyết chăng?

Đọc đoạn kinh này chúng tôi thấy rằng: Đây là các Tổ viết ra rồi đưa vào để làm cho kinh sách Phật mất tư tưởng vô giai cấp, biến giáo pháp của Phật mất giá trị nhân bản - nhân quả sống không còn bình đẳng, luôn luôn làm khổ mình khổ người. Đoạn kinh này đã phỉ báng Phật giáo quá nặng, không còn có hành động nào phỉ báng hơn.

Thưa các bạn! Những điều chúng tôi ghi nhận ra đây mong các bạn lưu ý: *Tất cả kinh sách Phật hiện giờ số kinh sách phát triển Đại Thừa chúng tôi không nói đến vì kinh sách Đại Thừa hoàn toàn không phải Phật thuyết. Chúng tôi nói ở đây là chỉ nói đến những kinh sách Nguyên Thủy.* Vậy mà các Tổ còn dám thêm bớt rất nhiều làm sai lệch lời dạy của đức Phật, khiến cho người sau nghiên cứu đều phải nghi ngờ, nhưng không nói ra.

Điều chắc chắn là những giáo pháp của Phật hiện giờ, nếu không có người tu chứng chân lý thì không tài nào hiểu được những điều sai trái trong kinh sách Nguyên Thủy. Còn kinh sách Đại Thừa thì chúng tôi xin miễn bàn. Nếu các bạn không tin lời chúng tôi mà cứ dựa vào những kinh sách phát triển Đại Thừa tu tập để đến nơi đến chốn, thì điều đó không thể xảy ra giải thoát sinh tử luân hồi được.

XÁ LỢI CHỈ LÀ NHỮNG XƯƠNG Vụn

LỜI PHÁT DẠY

“Dân chúng Mạt la bảo nhau: Ngọn lửa cháy mạnh quá khó dập tắt, e cháy tiêu hết xá lợi! Chúng ta phải lấy nước ở đâu để tưới? Lúc đó có một vị thần Ta La hết lòng tin Phật đang hầu một bên, dùng thần lực làm tắt ngọn lửa”. (Kinh Trường A Hàm tập1 trang 228-229 kinh Du Hành.)

CHÚ GIẢI:

Đọc đoạn kinh này chúng ta thấy rõ ràng xá lợi chỉ là những mảnh xương vụn đốt cháy còn lại, chứ không phải do tu tập thiền định mà tủy trong thân đông lại thành xá lợi.

Khi thân tứ đại của Phật đốt cháy thì người ta phải tưới nước hoặc dùng thần lực làm cho tắt lửa để lấy được xá lợi, chia cho tám nước xây tháp thờ, như vậy rõ ràng là những mảnh xương chưa cháy hết còn vụn nhờ tạt nước mới tắt lửa.

Như vậy xá lợi là những mảnh xương vụn chưa cháy hết thì đâu có gì quý báu như các Tổ đã tán dương xá lợi, nào là do tu thiền định mới có; nào là do tu chứng quả mới có. Như vậy đức Phật có chứng đạo không, mà phải tạt nước tắt lửa để lấy xá lợi. Chứng đạo như các Tổ thì cần gì phải tạt nước, xá lợi của các Tổ làm sao cháy được?

Kính thưa các bạn! Trong cuộc đời này có nhiều người dựa lưng vào tôn giáo bày vẽ ra đủ điều để lừa đảo mọi người bằng cách tạo ra những hiện tượng siêu hình hoặc nói úp úp mở mở làm như vậy để mọi người biết đó là chân lý, đó là linh thiêng của Thần, Thánh, Tiên, Phật, quỷ, ma v.v...

Với mảnh xương vụn uest trước bất tịnh đã trở thành những vật quý báu vô giá. Thật là buồn cười cho những ai có mắt như mù không thấy như thật. Thật đáng thương!

TƯỚNG CƯỚP ANGULIMALA

LỜI PHÁT DẠY

“Lúc bấy giờ trong lãnh thổ quốc Vương Pasenadi (Ba Tư Nặc) nước Cosala có tên cướp Angulimala, một thợ săn, tay vấy máu sát hại tàn bạo, không có lòng từ mẫn đối với chúng sanh, vì nó các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, quốc độ trở thành không quốc độ. Do đó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người (kinh Trung Bộ tập II trang 577 kinh Angulimala).

CHÚ GIẢI:

Đây là một bài kinh hết sức vô lý chỉ có một tên tướng cướp giết người, mà vua, quan và quân không tập hợp quân đội và nhân dân để tiêu trừ một tên tướng cướp giết người. Một tên tướng cướp giết hại đến 999 người, chỉ còn một người nữa là đủ 1000 người, thế mà nhà vua vẫn an nhiên để cho tên giết người tự do gây đổ máu dân lành, thì còn gì là uy tín của nhà vua với dân chúng. Phải không các bạn? Đó là vô lý thứ nhất.

Chưa bao giờ nhà vua cử quân đi đánh tên cướp này một lần nào, mà lại sợ tên cướp thì thật vô lý. Như trong đoạn kinh này nhà vua nói với Phật: *“Bạch thế Tôn nhưng con không thể tấn xuất nó được”*. Đó là vô lý thứ hai.

Kính thưa các bạn! Một điều vô lý nữa, là một kẻ giết 999 mạng người, vậy mà luật pháp không trừng trị, lại còn được ung dung làm đệ tử Phật giáo. Đó là một điều vô lý thứ ba. Như vậy trong đạo Phật ngay từ buổi đầu đức Phật còn tại thế mà còn dung chứa những người đầu trộm đuôi cướp vậy sao? Biến đạo Phật trở thành chỗ núp của những hạng người gian ác này. Nếu người phạm tội sau khi ở tù mãn hạn được pháp luật trả quyền công dân, thì người này mới được theo Phật giáo tu hành. Những người hung ác là những người vô đạo đức mà vô đạo đức làm sao theo đạo Phật tu hành được. Một thói quen hung ác giết người như vậy làm sao bỏ liền nghiệp ác ấy như Agulimala được.

Các bạn đừng mượn câu: “*Tu nhất kiếp ngộ nhất thời*”, của Đại Thừa, điều này không có các bạn ạ! Muốn mài mòn nghiệp lực nhân quả thiên ác không phải dễ, không phải nói buông xuống là buông xuống ngay liền được đâu các bạn. Chỉ những người sống trong ảo tưởng, không thật mới nói lời này. Xưa đức Phật sáu năm khổ hạnh không phải là vô ích mà đó là hạnh buông xả, nếu không buông xả như vậy thì hôm nay chúng ta chưa có một đức Phật vĩ nhân của loài người.

Vì đạo Phật là đạo đức, nên người vô đạo giết người như Angulimala thì không thể nào chấp nhận, mà có chấp nhận thì Agulimala phải ra đầu thú, đền tội ác của mình đã làm, phải chịu án tù tội. Đó là luật nhân quả nghiêm minh. Không lợi dụng sự che chở của Phật được. Vì đức Phật cũng chẳng che chở ai, nên Ngài bảo: “*Các con tự thấp đước lên mà đi*”.

Sau khi được trả quyền công dân thì Phật mới chấp nhận cho xuất gia làm Tăng. Nếu còn mang bản án giết người mà đức Phật chấp nhận cho kẻ giết người trở thành người

tu sĩ thì đức Phật cũng có tội bao che cho người phạm pháp, và như vậy đức Phật cũng là đồng lõa vào tội giết người. Nếu các bạn bảo rằng: Trong thời kỳ đó chưa có pháp luật thì điều này không đúng. Đã có vua là phải có pháp luật, mà có pháp luật, thì tội giết người là án tử hình. Mặc dù đạo Phật là đạo bình đẳng không có giai cấp, nam nữ bình quyền, không phân chia người giàu, kẻ nghèo, người sang kẻ hèn, người dâm nữ, hay người trộm cướp giết người đều được Phật giáo cho vào tu tập, nhưng khi phạm pháp luật thì phải đền tội. Sau khi đền tội xong, được trả tự do thì mới được chấp nhận vào tu tập. Người còn đang phạm tội mà xin vào tu tập theo Phật giáo, đó là ản nương cửa Phật, chứ không phải là kẻ có chí tu hành.

Như các bạn đã biết đạo Phật là đạo đức của con người, nhưng Angulimala giết gần cả ngàn người, không góm tay là người độc ác nhất, thế Agulimala chỉ đuổi theo đức Phật không kịp mà lại buông gươm xuống, đầu hàng thật là vô lý.

Nếu đúng Agulimala được Phật hàng phục bằng thần thông, thì đức Phật khuyên Agulimala ra đầu thú để được nhà vua và nhân dân khoan hồng, rồi sau đó mới được xuất gia làm Tăng. Còn ở đây bài kinh này viết: Đức Phật xem pháp luật trong nước Cosala quá nhẹ, dám cho Agulimala xuất gia tu hành qua mặt nhà vua. Như vậy đức Phật đã xem thường pháp luật của nhà vua, ý mình là người tu chứng đạo, không sợ pháp luật bắt tội. Đức Phật làm những việc phi đạo đức như trong bài kinh này thì chúng tôi biết rằng đức Phật không phải là đức Phật. Vì đức Phật là người có trí. Người có trí không thể nào không thông suốt pháp luật của một quốc gia. Việc làm này chỉ có những người không trí tuệ như các Tổ.

Chưa đánh mà đầu hàng thì rõ ràng người viết bài kinh này có mục đích là ca ngợi thần thông của Phật hàng phục được tên cướp ghê gớm: *“Rồi Thế Tôn hiện thần thông lực một cách làm cho tên cướp Angulimala đầu cho đi tất cả tốc lực của nó cũng không bắt kịp Thế Tôn”*.

Người viết bài kinh là một nhà tiểu thuyết giàu tưởng tượng, chứ sự thật không bao giờ có sự việc như vậy. Đây là một tiểu thuyết giả tưởng của những nhà văn ưa chuộng thần thông, vẽ vời thêm thắt câu chuyện cho có vẻ li kỳ. Nhưng toàn bộ là không đúng sự thật. Kinh sách mà viết như vậy thì không còn là kinh sách, là một loại sách tiểu thuyết không giá trị đang được bày bán rẻ nơi đầu hè phố. Kinh sách Phật là lời dạy đạo đức, mỗi chữ, mỗi nghĩa đều có đức hạnh đầy đủ. Có đâu bài kinh lại thiếu chân thật như thế này? Vậy mà dám xen vào kinh Phật thì thật đáng buồn. Không thể đưa những bài kinh vô đạo đức, thiếu chân thật này vào kinh sách Phật, làm cho kinh Phật không còn giá trị nữa. “Một con sâu làm rầu nồi canh”. Một bài kinh sai làm mất giá trị tất cả các bài kinh khác.

Đạo Phật là đạo đức thì không thể nói sai sự thật được. Chỉ có những người không hiểu kinh sách Phật là đạo đức, thì mới dám đưa bài kinh này vào kết tập.

Một lần nữa chúng tôi xác định đoạn bài kinh này hoàn toàn sai sự thật, nó được kết tập trong kinh sách Nguyên Thủy của Phật giáo, nó làm mất ý nghĩa đạo đức. Chỉ có Đại Thừa và Thiên Tông thích thần thông mới đưa vào những bài kinh ảo tưởng, thiếu thực tế, không đúng sự thật như vậy. Ai là người đã kết tập kinh sách này, nếu là một người tu chứng chân lí thì không bao giờ kết tập bài kinh này.

Các bạn đọc tạng kinh Nikaya Nguyên Thủy được kết tập, các bạn sẽ không biết bài kinh nào tu trước và bài kinh

nào tu sau; những bài kinh dài nhiều trang giấy thì cho vào kinh Trường Bộ, còn những bài kinh nào trung bình không dài, không ngắn thì cho vào kinh Trung Bộ, còn những bài kinh nào ngắn thì cho vào kinh Tăng Chi... Kết tập kinh sách như thế này, chứng tỏ các Tổ tu hành chưa chứng chân lí. Tại sao?

Ai đọc kinh Phật cũng đều biết “ĐẠO ĐẾ” là Chân lí. Chân lí là một sự thật, vì vậy nó là một chương trình giáo dục đào tạo những con người tâm vô lậu. Cho nên nó có tám lớp và ba cấp tu học hẳn hoi. Vì thế muốn kết tập kinh sách thì phải đưa những bài kinh của Phật dạy vào đúng lớp, đúng cấp của nó. Những bài kinh được đưa vào đúng lớp, đúng cấp của nó như vậy mới gọi là kết tập kinh sách. Còn ở đây kết tập kinh sách xô bồ. Khi đọc kinh sách Phật như đi lạc vào trong rừng. Không biết bài kinh nào tu học trước, bài kinh nào tu học sau. Do đó ai muốn tu tập bài kinh nào trước, bài kinh nào sau cũng được. Giáo pháp của Phật mà kết tập như vậy sao được gọi là chân lí. Phải không các bạn?

Tóm lại bài kinh này, khi trong nước đã xảy ra án mạng, thì nhà vua nước đó phải có trách nhiệm đem lại sự bình an cho dân chúng, cứ sao lại để cho tên cướp lộng hành giết người như cỏ rác. Trong khi tên cướp chỉ có một mình mà cả nước không ai đánh dẹp được sao? Đó là một điều vô lý hết sức.

Dù là kinh sách Nguyên Thủy nhưng vẫn có những đoạn kinh và những bài kinh hết sức vô lí. Xin các bạn lưu ý: Đừng vội tin theo kinh sách mà hãy tin vào một người đã tu hành hết tham, sân, si. Người ấy sẽ giúp các bạn tu hành trở thành những con người toàn thiện. Đem lại hạnh phúc an vui cho mình cho người.

TU TẬP TỨ NIỆM XỨ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Xin cho con hỏi: “Khi tu tập Tứ Niệm Xứ trên Tứ Niệm Xứ, nếu vọng niệm, cảm thọ đến thì con phải dùng câu tác ý đuổi đi. Phải không Thầy? Hay là giữ tâm bất động trước các cảm thọ đó, không cần phải nhắc tâm đuổi đi?”

Theo con hiểu, khi các niệm ác, cảm thọ nóng lạnh đau nhức thì phải dùng câu tác ý đuổi đi. Còn giữ tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ là tâm không tham, sân, si, kiêu mạn nghi ngờ, sợ hãi, ảo tưởng...

Đáp: Khi tu tập Tứ Niệm Xứ là tu tập để tâm thanh thản an lạc và vô sự tự nhiên chứ không được bắt buộc ức chế tâm giữ gìn thanh thản, an lạc và vô sự. Mục đích của Tứ Niệm Xứ là khắc phục đẩy lui những điều làm cho thân thọ tâm pháp bất an, cho nên có vọng niệm hay cảm thọ đến là con dùng câu tác ý đuổi đi là đúng không cần phải dùng câu pháp hướng dài dòng.

Hỏi khi ngồi tu, con cảm thấy các cơ mặt của con tự nhiên bị cơn giựt nhẹ nhẹ con dùng câu tác ý: “Tuởng hành lui đi” vậy có đúng không thưa Thầy. Bởi vì sự giựt cơ này không phải do con ý thức làm mà do tự nhiên nó giựt, nhưng nó cũng không phải là trạng thái bình thường, nên con nghĩ là do tưởng điều khiển.

Đáp: Khi ngồi tu có những trạng thái gì xảy ra đều do tưởng cả, con nên tác ý đuổi đi “Tuởng hành lui đi” là đúng,

Hỏi: Khi tâm ưa lí luận, phân tích việc làm, lời nói ý kiến, điệu bộ oai nghi tư cách của người khác là tâm còn chấp ngã. Phải không thưa Thầy? Có phải tâm kiêu mạn, chưa có sống tùy thuận theo mọi người. Con dùng câu tác ý; “Bản ngã hãy lui đi” Sắc, thọ, tưởng, hành, thức này đâu

phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Vậy thì lý luận, phân tích, so sánh làm gì, cho ai, hãy sống biết tôn trọng tất cả mọi thứ, hành vi của mọi người (suy nghĩ, việc làm, lời nói, ý kiến, điều bộ oai nghi tư cách...)

Đáp: Đúng vậy khi tâm ưa lý luận phân tích việc làm, lời nói ý kiến điều bộ oai nghi tư cách của người khác là tâm con còn chấp ngã, còn kiêu mạn vv...

Vậy con hãy từ bỏ con hãy nghe Phật dạy: *“Biết chuyện mình đừng biết chuyện người”. “đừng thấy lỗi người mà hãy thấy lỗi mình”.*

ĐỊNH SÁNG SUỐT

Hỏi: *Kính bạch Thầy, xin Thầy chỉ dạy cho chúng con, cách thực tu Định Sáng Suốt như thế nào? Để chúng con tu hành cho đúng, nếu không chúng con sẽ tu sai thì vừa mất thì giờ và còn có thể đưa đến bệnh tật.*

Đáp: Định Sáng Suốt gồm có hai cách tu tập:

1- Bình thường tâm không tán loạn, không thù miên, không vô ký, không lơ mờ, không nửa tỉnh nửa mê, không bản thân lười biếng, thì dùng pháp hướng khi đi kinh hành hoặc ngồi một chỗ, như lý tác ý: *“Tâm phải sáng suốt như ban ngày, tâm phải thanh thản, tâm phải vô sự.”*

2- Khi tâm bị thù miên (buồn ngủ), hôn trầm (ngủ gục), vô ký (mất tỉnh giác) hôn tịch (tỉnh tỉnh mê mê) bản thân, lười biếng. Không nên ngồi, nên đi kinh hành dùng pháp hướng tâm: *“Tâm phải tỉnh thức, sáng suốt đêm cũng như ngày”. “Tâm phải tỉnh táo như ban ngày”. “Tâm phải sáng suốt như ánh mặt trời”.*

Định Sáng Suốt tuy trong kinh Nikaya Đức Phật dạy phải dùng tưởng tâm sáng suốt như ban ngày, sáng suốt như mặt trời v.v.. nhưng theo kinh nghiệm của chúng tôi hiểu định này là một loại Thiền định thư giãn các cơ và thần kinh trong thân.

Khi dụng công tu tập nhiều thì thân tâm mỗi một, sanh ra lười biếng mệt nhọc, u tối, trí óc không còn sáng suốt. Gặp trường hợp này, chúng ta phải tu Định Sáng Suốt.

Định Sáng Suốt tức là phương pháp thư giãn của Đạo Phật, giúp chúng ta thư giãn thân tâm, khiến cho các cơ và tinh thần không còn căng thẳng, mỗi một.

Biết được công năng của định này, do đó khi mỗi thời gian tu tập một loại định nào xong, chúng ta đều dùng định này để thư giãn, nhờ đó thân tâm chúng ta liên tục tu tập không thấy mỗi một hôn trầm, thù miên; càng tu càng tỉnh thức và càng sáng suốt; càng tu càng thích thú và ưa thích ham tu hơn; càng tu càng thấy tâm hồn thanh thản, an lạc và giải thoát rõ ràng.

Nếu người tu hành theo Đạo Phật mà không biết loại Định Sáng Suốt này thì dễ bị ức chế thân tâm và nếu ức chế thân tâm quá căng thì dễ sanh ra bệnh tật, hoặc bị căng mặt, căng đầu có khi rối loạn thần kinh, sanh ra điên khùng mất trí.

Tóm lại, cách thức tu Định Sáng Suốt là dùng pháp Hướng Tâm thư giãn các cơ trong thân cũng như thư giãn thần kinh, khiến cho các cơ và thần kinh buông xuống không còn một chút xíu dụng công và ức chế nào, nên thấy cơ thể và tinh thần nhẹ nhàng thoải mái.

Khi thư giãn, chúng ta cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng an lạc, nghe rất thoải mái vô cùng.

Ở đây, quý Thầy và quý Phật tử nên dùng câu pháp hướng, ra lệnh cho các cơ và thần kinh thư giãn bằng cách hướng tâm. Khi cảm giác nghe cơ thể mệt nhọc, đầu óc căng thẳng thì chúng ta nên ngồi nghỉ, hai chân duỗi thẳng dài ra, hai tay buông thõng, thả nhẹ xuống, các cơ trong thân không được gồng, tinh thần không được suy nghĩ và tập trung nơi nào cả, chỉ để nó tự nhiên theo tự nhiên của nó. Khi cảm giác thân tâm buông thõng chúng ta mới hướng tâm: “Toàn thân an tịnh, tôi biết tôi đang thư giãn” hoặc “Toàn tâm an tịnh, tôi biết tôi đang thư giãn”.

Xong, chúng ta để thân tâm tự nhiên thư giãn và an tịnh. Kế tiếp, chúng ta lại hướng tâm nữa: “Các cơ trong thân thư giãn, buông xuống không được gồng phải nhẹ nhàng thanh thản, an lạc và vô sự”.

“Đầu óc phải thư giãn, không được tập trung chỗ nào hết, phải tự nhiên, hồn nhiên với vạn pháp”.

Đó là, những cách hướng tâm để thư giãn, quý vị nên nhớ mà tu tập đừng nên biếng trễ.

Định Sáng Suốt sẽ giúp cho quý vị mau chóng tỉnh giác, để luôn luôn quý vị ở trong chánh niệm nhờ đó, quý vị mới ly tham đoạn ác pháp. Có ly tham đoạn ác pháp thì quý vị mới nhập được Thiền định và Tam Minh.

Nếu không có Định Sáng Suốt thì quý vị tu hành sẽ rơi vào pháp ức chế tâm, và chừng đó quý vị sẽ nhập định tưởng, quý vị sẽ rơi vào tà đạo giống như các Thiền sư Đông Độ.

Định Sáng Suốt là một loại định rất quý cho quý vị trên đường tu tập giải thoát, quý vị cần phải tu tập nhiều hơn để thấy được trạng thái thanh thản vô sự và an lạc của loại định này.

TỈNH THỨC CÓ LỢI ÍCH GÌ ?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Tu tập sức tỉnh thức có ích lợi như thế nào?

Đáp: Sức tỉnh thức, có lợi ích rất lớn cho đường tu tập như:

- 1- Có tỉnh thức, mới sáng suốt sống được chánh niệm.
- 2- Có tỉnh thức, mới ở trong chánh niệm và chánh niệm mới hiện tiền.
- 3- Có tỉnh thức, mới phá được hôn trầm, thù miên, vô ký, ngoan không.
- 4- Có tỉnh thức, mới tịnh chỉ ngôn ngữ.
- 5- Có tỉnh thức, mới thấy được nhân quả.
- 6- Có tỉnh thức, mới ly được lòng ham muốn.
- 7- Có tỉnh thức, mới ly các ác pháp.
- 8- Có tỉnh thức, mới giữ tứ diệt tâm được.
- 9- Có tỉnh thức, mới tịnh chỉ tâm tứ.
- 10- Có tỉnh thức, mới xả được 18 loại hỷ tướng.
- 11- Có tỉnh thức, mới xả được mộng tưởng.
- 12- Có tỉnh thức, mới xả được âm thanh.
- 13- Có tỉnh thức, mới tịnh chỉ được hơi thở, xả thọ và các hành.
- 14- Có tỉnh thức, mới tu Tứ Như Ý Túc.
- 15- Có tỉnh thức, mới hướng tâm đến Tam Minh.

Toàn bộ giáo trình của Đạo Phật, quan trọng nhất, là tập luyện tâm tỉnh thức, có được tâm tỉnh thức mới đạt được Niết Bàn cứu cánh giải thoát.

Tỉnh thức như thế nào?

Người tu tập theo Đạo Phật, lúc mê biết mình mê, là tỉnh thức, lúc tỉnh biết mình tỉnh, là tỉnh thức.

Tâm mình tham, biết tâm mình tham, là tỉnh thức; tâm mình sân, biết tâm mình sân, là tỉnh thức; tâm mình phiền não, biết tâm mình phiền não, là tỉnh thức; tâm mình khởi niệm ác, biết tâm mình khởi niệm ác, là tỉnh thức; tâm mình lo rầu, biết tâm mình lo rầu, là tỉnh thức.

Đi, mình biết mình đi là tỉnh thức. Ăn, biết mình đang ăn là tỉnh thức. Đó là bước đầu mấu chốt sự tu tập giải thoát của Đạo Phật.

Tu tập tỉnh thức có nhiều phương cách khác nhau:

1- Định Niệm Hơi Thở, là phương cách tỉnh thức trong hơi thở, để ly tham đoạn diệt khắc phục tham uyu.

2- Định Vô Lậu, là phương cách tỉnh thức trong quán xét suy tư để xả bỏ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu .

3- Định Sáng Suốt, là phương cách tỉnh thức để phá hôn trầm, thùy miên, vô ký, ngoan không, cơ thể mệt nhọc và căng thẳng.

4- Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, là phương cách tỉnh thức trong mọi hành động, để ngăn ác diệt ác pháp .

5- Định Sơ Thiên, là phương cách tỉnh thức ly dục ly ác pháp .

6- Định Diệt Tầm Giữ Tứ, là phương cách tỉnh thức trong tác ý hướng tâm khắc phục tham uyu.

7- Định Diệt Tầm Diệt Tứ, là phương cách tỉnh thức giữ tâm yên lặng, bất động để làm chủ sự vô thường.

8- Định Tam Thiên, là phương cách tỉnh thức vượt qua mọi trạng thái tưởng.

9- Định Ly Hỷ Trú Xả, là phương cách tỉnh thức trong giấc ngủ xả mộng tưởng.

10- Tịnh chỉ âm thanh, là phương cách tỉnh thức giữ tâm vắng lặng.

11- Tịnh chỉ các thọ, là phương cách tỉnh thức giữ tâm vắng lặng vượt qua thọ để tịnh chỉ hơi thở.

12- Tĩnh chỉ hơi thở và các hành trong thân, là phương cách tỉnh thức giữ tâm vắng lặng toàn thân tâm bất động.

Những phương pháp trên đây, dùng để tu tập tỉnh thức, sống không làm khổ mình khổ người tức là làm chủ được mình. Đức Phật đã xác định sự tu tập tỉnh thức, có lợi ích rất lớn, trên bước đường giải thoát của Đạo Phật, Ngài dạy: *“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, lợi ích lớn, an ổn lớn, khỏi các khổ ách đưa đến chánh niệm tỉnh giác, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú đưa đến chứng ngộ quả mình và giải thoát. Một pháp ấy là gì?”*

“Chính là Thân Hành Niệm. Đây là một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, nếu pháp ấy được tu tập được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, lợi ích lớn, an ổn lớn, khỏi các khổ ách đưa đến chánh niệm tỉnh giác, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú đưa đến chứng ngộ quả mình và giải thoát” (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 88, bài 2-8).

Đoạn kinh trên đây, đã xác chứng sự tỉnh thức, là một sự quan trọng rất lớn trên bước đường tu theo Phật Giáo, nó giúp cho chúng ta thành tựu viên mãn giải thoát và làm chủ thân tâm cho nên, Đức Phật đã xác định chỉ có một pháp này. *“Có một pháp”* tức là không có pháp thứ hai. Do lời dạy này, chúng ta mới biết rõ kinh sách Đại Thừa là kinh sách lừa đảo dối gạt chúng ta và bảo rằng: *“Đạo Phật có tám mươi bốn ngàn pháp môn”*. Thật là xảo trá, chỉ có các Tổ Bà La Môn mới nói như vậy.

Muốn cho thân tâm được khinh an, tầm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp không còn đắm nhiễm, dính mắc thì chúng ta phải tu tập tỉnh thức.

Để làm sáng tỏ điều này Đức Phật dạy: *“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập được làm cho sung mãn,*

thân được khinh an, tâm được khinh an, tâm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp thuộc về minh phần đi đến tu tập làm cho viên mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm...” (Tăng Chi Bộ Kinh, Tập1 trang 89). Nếu chúng ta muốn tỉnh giác ngăn ác, diệt ác pháp, thì cũng phải tu tập tỉnh thức trong thân hành niệm. Nhờ có tu tập tỉnh thức trong thân hành niệm, thì thân tâm của chúng ta mới có thanh thản và an lạc: *“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập được làm cho sung mãn, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi và các ác pháp đã sanh bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm”* (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 89, bài 13).

Nếu chúng ta có sức tỉnh giác, để các pháp thiện chưa sanh, được sanh khởi và các pháp thiện đã sanh, được tăng trưởng thì cũng phải tu tập tỉnh thức trong thân hành niệm, thì thân tâm của chúng ta mới có thanh thản, an lạc và giải thoát: *“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập được làm cho sung mãn, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, các pháp thiện đã sanh được đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm”*.

Nếu chúng ta muốn có minh sanh khởi, và vô minh được diệt trừ, ngã mạn được đoạn tận cùng các tùy miên được nhỏ sạch và các kiết sử bị đoạn tận, thì phải tu tập tỉnh thức nơi thân hành của chính mình như Đức Phật đã dạy: *“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo, khi được tu tập được làm cho sung mãn, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi, ngã mạn được đoạn tận, các tùy miên được nhỏ sạch, các kiết sử bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm...”* (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 90, bài 16-21) .

Nếu chúng ta muốn chứng quả Dự Lưu, chứng quả Nhất Lai, chứng quả Bất Lai và chứng quả A La Hán, thì không

có một pháp nào khác hơn, là pháp tĩnh thức nơi thân hành niệm của chính chúng ta, nó sẽ giúp chúng ta đạt được như ý nguyện. Phật dạy: *“Có một pháp, này các Thầy Tỳ Kheo được tu tập được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự Lưu, đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất Lai, đưa đến sự chứng ngộ quả Bất Lai, đưa đến sự chứng ngộ quả A La Hán. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân Hành Niệm...”*.

Bởi, sự tu tĩnh thức trong thân hành niệm quan trọng như vậy, đối với Đạo Phật nó là một pháp tu tập duy nhất đạt đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn, không còn có một pháp thứ hai nào nữa. Thế mà, kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy chúng ta tu mọi pháp, nào là Niệm Phật cầu vãng sanh, nào là tụng kinh, trì chú, cúng bái, tế lễ, sám hối lạy hồng danh chư Phật, chư Bồ Tát, hoặc ngồi thiền ức chế tâm bằng những pháp môn Chấn Trâu, Tham Thoại Đầu, Tham Công An v.v... Nhưng cuối cùng, chẳng có ai thành tựu viên mãn chỉ đem lại một hy vọng ảo huyền.

Đức Phật cũng đã xác định, nếu ai không tu tĩnh thức thân hành niệm, thì chẳng bao giờ làm chủ sanh, già, bệnh, chết: *“Những vị này, không hưởng được bất tử, này các Thầy Tỳ Kheo, là những vị không thực hiện Thân Hành Niệm. Những vị hưởng được bất tử, này các Thầy Tỳ Kheo, là những vị thực hiện Thân Hành Niệm”* (Tăng Chi Bộ Kinh Tập1, trang 91, bài số 47-48).

Xem thế, chúng ta mới biết tĩnh thức lợi ích biết là đường nào, cho sự tu tập giải thoát con đường của Đạo Phật.

Bởi nó, là pháp môn quan trọng hàng đầu của Đạo Phật, nếu không có pháp môn này thì pháp Hướng Tâm - Như Lý Tác Ý cũng không có kết quả trong sự tu tập.

HƠI THỞ NGỪNG CÁC HÀNH TRONG THÂN CÓ NGỪNG KHÔNG?

Hỏi: *Kính thưa Thầy, khi hơi thở ngưng các hành ngưng theo liền hay là phải đợi một thời gian lâu các hành mới ngưng?*

Đáp: Các hành nội thân ngưng thì hơi thở ngưng, nhưng ở đây phải hiểu, hơi thở nhẹ và mất dần cho đến khi không thấy hơi thở nữa gọi là tịnh chỉ hơi thở, do đó các hành trong thân còn hoạt động nhẹ nhàng chưa dứt hẳn, nhất là ý căn, ý căn tức là bộ não của chúng ta.

Hơi thở tịnh chỉ tức là thân hành tịnh chỉ, thân hành tịnh chỉ tức là nhập Tứ Thiên. Nhập Tứ Thiên cơ thể chưa ngưng hoạt động hoàn toàn, chỉ có nhập Diệt Thọ Tướng Định hay là Diệt Tận Định thì cơ thể hoàn toàn mới ngưng hoạt động chỉ còn lại từ trường của Diệt Tận Định để bảo vệ thân không bị hoại diệt.

Ở đây, giai đoạn tu hành của con chưa đến tịnh chỉ hơi thở, con hỏi về hơi thở ngưng để tìm hiểu chứ kỳ thực không thể tu hành được. Khi tâm chưa xả ly ngũ triền cái và thất kiết sử mà tu tịnh chỉ hơi thở là tự giết mình, bằng chứng con không thấy Minh Tông sao? Tu hành không xả tâm, chỉ ức chế tâm để rồi tịnh chỉ hơi thở, do đó đứt mao phế quản, khạc ra máu gây tổn thương cho phổi.

Tu hành Minh Tông bỏ vợ con không được, thường gặp vợ con và bạn bè để nói chuyện đó là ái kiết sử làm sao đoạn diệt được. Không đoạn dứt ái kiết sử mà muốn tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên, là điên đảo tướng, điên đảo tâm mà tâm điên đảo thì làm sao tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên được.

Khi tịnh chỉ hơi thở không được thì Minh Tông nói với mọi Phật tử: “Đức Phật không có dạy tịnh chỉ hơi thở, chỉ có Thầy bịa ra mà thôi”. Khi biết được tâm niệm của Minh Tông như vậy, Thầy trao cho bộ Kinh Nguyên Thủy để đọc và nghiên cứu để thấy lời Phật dạy rõ ràng như thế này:

Có ba hành:

1-Khẩu hành,

2-Thân hành,

3-Ý hành

Tịnh chỉ khẩu hành nhập Nhị Thiên; tịnh chỉ thân hành nhập Tứ Thiên; tịnh chỉ Ý hành là nhập Diệt Tận Định.

Khẩu hành là tầm tứ,

Thân hành là hơi thở,

Ý hành là tưởng và thọ.

Đó là, Kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy rất rõ ràng như vậy, khi nào có dịp nhắc đến Tứ Thiên Thầy sẽ trích những bài Kinh đó ra để Phật tử nghiên cứu và đặt trọn niềm tin hơn.

Xưa, Tổ Khương Tăng Hội đã có nghiên cứu đến Tứ Thiên, Tổ thấy Phật dạy tịnh chỉ hơi thở, Tổ cũng nghĩ như Minh Tông hơi thở không thể tịnh chỉ được, nên Tổ tưởng ra hơi thở tịnh chỉ là ngưng số tức, còn Minh Tông không tưởng ra được như vậy và nghiên cứu Kinh sách Phật không kỹ nên cho rằng Thầy bịa ra.

Một vị đã nhận ra lời Phật dạy thì tưởng ra ngưng đếm hơi thở là nhập Tứ Thiên.

Còn một vị không nhận ra lời Phật dạy cho Thầy bịa đặt ra “Tịnh chỉ hơi thở”.

Đây là, một bài kệ Đức Phật dạy về Thiền Thứ Tư tịnh chỉ hơi thở:

*“Không thở ra thở vào
Tâm trú vào chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Với tâm an bất động
Như đèn sáng chọi tắt
Tâm giải thoát Niết Bàn”*

Khi người ta tu không được, tịnh chỉ hơi thở không xong, thì họ lại bảo Thầy đặt ra pháp tịnh chỉ hơi thở, nhưng không ngờ Thiền Thứ Tư tịnh chỉ hơi thở thật và Đức Phật đã dạy rõ ràng.

Ở đây, để xác định lại Thiền Thứ Tư, trong Kinh Nguyên Thủy, có nhiều bài Kinh nói về tịnh chỉ hơi thở mà Đức Phật đã dạy chứ không phải Thầy bịa ra như các Tổ Đại Thừa và Thiền Đông Độ đã bịa ra nhiều pháp làm sai lệch ý Kinh và ý Phật.

Cho nên, những gì Thầy dạy là của Phật dạy, người ta bác Thầy tức là người ta bác Phật Thích Ca, đó là trường hợp của Minh Tông.

Có một nhà học giả bảo rằng bốn Thiền của Phật là Thiền của ngoại đạo, tu không giải thoát, đó là lời nói bài bác giáo pháp của Đức Phật Thích Ca, giống như lời của các Tổ Sư Đại Thừa.

Lời nói của Minh Tông và các vị học giả xưa và nay đã vô minh tu hành chưa đến đâu vội xác nhận một cách sai lệch làm cho người sau mờ mịt đối với Bốn loại Thánh Định của Đạo Phật.

Thiền định ngưng hơi thở đâu phải là Thiền dành cho những kẻ phàm phu, tâm còn đầy dẫy uế trước, bất tịnh, tham ưu v.v...

Thiền định ngưng hơi thở là Thiền định dành cho những bậc giới đức thanh tịnh, tâm hoàn toàn ly dục ly ác pháp, thì mới tịnh chỉ hơi thở.

Một loại Thiền định dành cho những bậc Thánh, không thể dành cho những bậc phàm phu còn ăn uống phi thời, còn phạm giới, bẻ vụn giới, còn có chùa to tháp lớn, sống trong cảnh giàu sang như cung vàng điện ngọc thì làm sao nhập được những loại định này.

Một loại Thiền không thể dành cho những người còn ái kiết sử trói buộc, ngồi trong thất tu mà nhớ vợ, nhớ con, nhớ tiền tài vật chất, nhớ xe hơi nhà lầu v.v... thì làm sao nhập được loại Thiền này .

Trong tu viện có một vị cư sĩ muốn nhập loại Thiền này mà vợ con không bỏ, nên cố nín thở để tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiền khiến cho phổi bị tổn thương sanh ra bệnh, đây là một kinh nghiệm rất lớn để cảnh giác cho những ai muốn tu về Tứ Thánh Định.

Chúng tôi cũng được nghe ở Qui Nhơn có một bác sĩ nghe tịnh chỉ hơi thở, ông ta không biết tu tập như thế nào mà đã chết luôn. Đây là những điều cảnh giác cho người ham tu mà tự tu là rất nguy hiểm, tu là phải có người hướng dẫn, Minh Tông không nghe lời dạy của Thầy, không chịu sống độc cư và không xa lìa bạn bè vợ con để xả tâm, bảo rằng Phật không có dạy độc cư nên còn xin Thầy cho phép tiếp bạn bè và vợ con nếu họ đến thăm. Và còn hứa hẹn với Thầy là sẽ thực hiện tu hành chứng đạo có thần thông cho Thầy xem.

Thầy chỉ cười và bảo: “*Nếu được vậy Thầy sẽ tuyên bố với Phật tử là con đã tìm được một còn đường khác hơn con đường của Thầy và đã chứng đạo*”. Sau đó, không đầy một tháng Minh Tông đã khạc ra máu đồng, đồng... và đi trị bệnh. Tu là phải nhờ thiện hữu đi trước hướng dẫn chứ đừng tự mình tu là chết, đó là những hình ảnh cảnh giác cho chúng ta sau này. Minh Tông trình độ học thức trên đại học, nên cho mình là người có học thông minh hiểu biết tự đọc kinh sách mà tu cãi lời Thầy mới ra nông nổi như vậy. Bởi vậy, những kiến giải của những nhà học giả là một sự nguy hiểm cho người thực hành tu tập.

Vì thế, mới biết loại Thiền này là loại Thánh Định như Đức Phật đã gọi “*Tứ Thánh Định*”.

Tâm còn phàm phu mà muốn nhập Thánh Định thì nhập làm sao được ?.

Tam Minh là Thánh Tuệ của Đức Phật thì người phàm phu làm sao mà có Thánh Tuệ đó được. Cho nên, nói đến bốn Thiền và Tam Minh thì hiện giờ chưa có ai thực hiện được.

Tại sao vậy ?.

Tại vì, mọi người tâm còn phàm phu. Trước khi muốn nhập bốn Thiền và Tam Minh thì phải tu tập tâm Thánh, tức là tâm phải ly dục ly ác pháp, còn nếu chưa ly dục ly ác pháp thì đừng mong nhập bốn Thiền và Tam Minh.

Bởi, ngưng hơi thở là các hành trong thân lần lượt sẽ ngưng nghỉ, ngưng nghỉ mà thân không hoại diệt như vậy mới gọi là Thiền Định Thánh. Các hành trong thân ngưng nghỉ mà thân hoại diệt thì không phải nhập định mà là một thân người chết .

Chùng nào, các con đã xả tâm ly dục ly ác pháp, tâm thanh tịnh hoàn toàn, nghĩa là tâm không phóng dật, tâm

thường quay vào định trên thân lúc bấy giờ Thầy sẽ chỉ cho các con tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên. Còn bây giờ, các con nên cố gắng phải xả ly tâm “như cục đất”. Đừng hồi lung tung về hơi thở mà mất thì giờ vô ích.

PHẠM HẠNH

Hỏi: *Kính thưa Thầy, “Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không, không có gì trói buộc, không có một đối tượng, vật chất, hoàn cảnh nào cảm dỗ họ được”. Con phải hướng tâm như thế nào đây mới chứng được điều này ?*

Đáp: Chỉ cần siêng năng tu tập các loại pháp môn ly dục ly ác pháp và sống đúng giới hạnh, nhập được Sơ Thiên thì đời sống xuất gia sẽ phóng khoáng như hư không.

Tuy nói như vậy, nhưng không phải dễ, nếu chỉ có cạo bỏ râu tóc, mặc y áo cà sa, tụng kinh, niệm Phật, ngồi Thiền v.v...thì đâu có gì là khó, còn ngược lại phải sống đúng giới hạnh, phải tập tu ly dục ly ác pháp thì khó vô cùng. Cho nên, điều cần thiết là con phải hiểu rõ đời sống tại gia của người cư sĩ, khổ như thế nào?.

- Thứ nhất, phải làm ra tiền bạc, thực phẩm, áo quần, nhà cửa, tài sản, sự nghiệp. Những sự sống này, khiến cho con người phải lo toan rất nhiều, nhiều khi thiếu trước hụt sau, sợ đói, sợ bệnh đau, không tiền, không thực phẩm là rất khổ, nói chung chỉ có những nghề nghiệp làm ra để sống, nhưng nghề nghiệp làm ăn lại thất bại, khi thất bại là khổ, còn nếu làm ăn được thì phải trăm muôn vạn kế tính toán lo toan, nhiều khi còn phải sử dụng mưu kế gian xảo, lừa đảo bằng mọi thủ đoạn, tạo ra biết bao nhiêu điều ác, nên trong lòng lúc nào cũng bất an, lo sợ nơm nớp tù tội bị phạt vạ, và còn lo sợ trộm cướp nữa.

- Thứ hai, là khổ sở khi mình nghèo sợ người ta khi dễ.
- Thứ ba, khi mình có của cải, cuộc sống thoái mái hơn, thì lo sợ người khác ganh tỵ tìm mọi cách nói xấu hoặc thù ghét và hãm hại.
- Thứ tư, lo sợ tai nạn, bệnh tật, mà tiền mất nhưng tật phải mang.
- Thứ năm, con cái hư phá tán tài sản.
- Thứ sáu, vợ hoặc chồng sống không chung thủy, làm tiêu tan sản nghiệp, đó là nỗi khổ đau của mọi người, mà người nào cũng không tránh khỏi.
- Thứ bảy, những người thân có tai nạn hoặc bệnh tật.
- Thứ tám, trong nhà anh em tranh giành của cải tài sản, kiện thưa.
- Thứ chín, khổ vì người khác nói trái ý, nghịch lòng.
- Thứ mười, khổ vì không đạt được ước nguyện.

Thường thường, người cư sĩ sống tại gia có nhiều duyên sự xảy đến, khiến cho họ phải chịu nhiều sự khổ đau như vậy. Cho nên, đời sống tại gia rất là phức tạp và khổ sở. Có một nhà thơ đã nói đến sự khổ đau của con người, từ khi bắt đầu sinh ra:

“Lúc sanh ra miệng đã khóc thóc
Trần có vui sao chẳng cười khi”.

Nếu là, một người có nhiều suy tư về đời sống thì chúng ta thấy rất rõ ràng, cuộc sống con người là biển khổ, khổ từ lúc sinh ra cho đến khi chết.

Do thấy đời sống tại gia khổ như vậy, nên chúng ta chịu chấp nhận một cuộc sống đi ngược lại với sự sống tại gia, đó là đời sống xuất gia. Đối với đời sống tại gia thì đời

sống xuất gia hoàn toàn khác hẳn, vì buông xả sạch vật chất chỉ còn sống với tinh thần phóng khoáng như hư không, vì thế tự tại thung dung, không lo đói, lo no, không còn kêu réo, làm bận tâm bận trí, bất toại nguyện. Với đôi mắt của người xuất gia, nhìn mọi vật đều vô thường. Cho nên:

*“Các pháp vô thường
là pháp sinh diệt
Sinh diệt, diệt rồi
Tịch diệt là vui”*

Vì thấu hiểu như vậy, nên đời sống xuất gia là một đời sống buông xả sạch, chỉ còn ba y, một bát đi xin ăn của những người hảo tâm. Đời sống như vậy rất khổ về vật chất, vì không có gì cả, nếu chúng ta không ý thức và thấu rõ chỗ không có gì cả là chỗ phóng khoáng như hư không, thì chúng ta sẽ khổ sở vô cùng. Nhưng nếu, chúng ta ý thức được điều này thì đời sống xuất gia thật là phóng khoáng như hư không, không có vật gì trói buộc; không có một đối tượng, một vật chất, một hoàn cảnh nào cảm dỗ được.

Đó là đời sống giải thoát, đời sống Phạm hạnh, đời sống Thánh Thiện, còn ngược lại đời sống xuất gia mà có chùa to, Phật lớn là đời sống vật chất nhiều, không giải thoát, đó là đời sống như người tại gia, những vị tu sĩ này bị trói buộc như cá mắc rọ, lưới, lò, câu không thể phóng khoáng như hư không được. Họ thường là những người phục dịch cho những Phật tử mê tín.

Đời sống xuất gia là đời sống trống rỗng cho nên mới gọi là như hư không.

Nếu hư không mà có, thì làm sao gọi là hư không. Vì thế, những tu sĩ có chùa to Phật lớn sang đẹp và vật chất nhiều

thì làm sao giống như hư không được. Do thế, không thể giải thoát. Phải không các bạn?.

Bởi vậy, các vị Tỳ-Kheo trong thời Đức Phật, các Ngài đã nói: “Vì giải thoát sanh tử luân hồi, chúng con mới chấp nhận sống đời sống Phạm hạnh của Gotama.”

Vì sanh tử luân hồi là đời sống tại gia, mà sanh tử luân hồi là sự đau khổ của loài người, không chỉ khổ có một kiếp mà khổ nhiều kiếp.

Đời sống xuất gia là đời sống Phạm hạnh, đời sống buông xả, đời sống phóng khoáng như hư không, cho nên còn có gì mà tái sanh luân hồi.

Một hôm Đức Phật đi khát thực, đi ngang qua một ngôi nhà giàu có, một con chó từ trong nhà chạy ra sủa to, Đức Phật dừng lại mới bảo rằng: *“Nhà người vì vô minh lầm chấp của cải tài sản là của nhà người, do đó nhà người phải tái sanh làm thân chó để giữ của cải đó, nhưng của cải đó không phải là của nhà người nữa đâu. Tội cho người không thấy mọi vật chất thế gian là pháp vô thường, nên phải chịu làm thân chúng sanh khổ sở muôn vàn từ kiếp này sang kiếp khác”*.

Con chó nghe được lời này, dường như nó ngộ được lý này, nên từ đó, nó buồn rầu và bỏ ăn, ít hôm sau con chó chết.

Loài chúng sanh còn nhận được lời Đức Phật dạy, mà xả tâm dính mắc thế gian để chuyển hóa thân chó.

Chúng ta là những con người khi nghe Đức Phật dạy: *“Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không, trắng bạch như vỏ ốc, không có gì trói buộc, không có một đối tượng, một vật chất, một hoàn cảnh, một sự việc nào cảm động họ được và làm cho họ động tâm được”*.

Đời sống Phạm hạnh, đời sống như vậy còn gì mà khiến cho họ tái sanh luân hồi.

Bởi, xét cho cùng Đạo Phật chỉ lấy cuộc sống Phạm hạnh, làm một chứng cứ cụ thể để mọi người thấy đó là sự giải thoát thật sự, không còn sanh tử luân hồi, như câu chuyện con chó lúc nãy, vì dính mắc của cái tài sản mà cha mẹ của nhà ấy, phải sanh làm con chó để giữ của cải đó.

Còn chúng ta, muốn tu theo Đạo Phật để cầu giải thoát thì tại sao lại không chấp nhận đời sống Phạm hạnh.

Đời sống Phạm hạnh là Niết Bàn, nếu chúng ta chấp nhận đời sống Phạm hạnh thì chúng ta phải đoạn dứt lòng tham dục, có đoạn dứt lòng tham dục thì chúng ta mới sống đời sống Phạm hạnh trọn vẹn. Nếu không đoạn dứt lòng tham dục thì đời sống Phạm hạnh không trọn vẹn, giống như các tu sĩ của Phật Giáo Đại Thừa hiện giờ; đời sống Phạm hạnh chưa trọn vẹn thì kiếp sau phải làm thân chó để giữ gìn những ngôi chùa sang đẹp. Đó là, sự dính mắc của các tu sĩ hiện giờ, họ đâu biết rằng, khi tâm tham dục còn một chút xíu dính mắc pháp thế gian là họ phải tiếp tục tái sanh trong vòng luân hồi khổ đau.

Họ đâu biết rằng đời sống Phạm hạnh là Niết Bàn của chư Phật, là chấm dứt tái sanh luân hồi. Đức Phật dạy: *“Này Bà La Môn, cảm thọ tham ái được đoạn tận, không có dư tàn; cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn; cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn. Như vậy, này Bà La Môn, Niết Bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí giác hiểu.”* (Kinh Tăng Chi Tập 1, trang 285).

Đời sống thế gian là ngục tối âm u đầy đau khổ.

Đời sống xuất gia Phạm hạnh hoàn toàn giải thoát như hư không, Cực Lạc, Niết Bàn.

Rõ thấy được như vậy, thì con nên chọn đời sống nào? Đời sống thế gian hay đời sống Phạm hạnh?.

Chọn nó thì phải có nhiệt tâm xả bỏ, tâm như cục đất, chỉ có nhiệt tâm và hướng tâm mình như cục đất.

Đời sống Phạm hạnh là đời sống từ bỏ tất cả sanh y. Nếu muốn từ bỏ tất cả những sanh y thì chúng ta phải dùng pháp Như Lý Tác Ý: *“Sanh y là đau khổ, là dính mắc, là tái sanh luân hồi ta phải từ bỏ, xa lìa vĩnh viễn những thứ đau khổ này”*.

Đức Phật sách tấn chúng ta sống đúng đời sống phạm hạnh. Ngài dạy: *“Này các Tỳ Kheo, tối thắng là tinh cần với mục đích từ bỏ tất cả sanh y. Do vậy, này các Thầy Tỳ Kheo, các Thầy cần phải học tập như sau: “Ta sẽ cố gắng tinh cần để từ bỏ tất cả sanh y”. Như vậy, này các Thầy Tỳ Kheo, các Thầy cần phải học tập”*.

Đây là, lời dạy chí tình của Đức Phật qua những danh từ *“tối thắng”, “tinh cần”, “từ bỏ”, “sanh y”*. Những danh từ này, đã xác định đời sống Phạm hạnh là giải thoát hoàn toàn, là Niết Bàn tại thế, là chấm dứt tái sanh luân hồi.

Bởi thế, cuộc đời tu hành theo Đạo Phật quan trọng nhất là đời sống Phạm hạnh. Đời sống Phạm hạnh không phải ở chiếc áo cà-sa và chiếc đầu cạo trọc mà là tâm Phạm hạnh. Bởi vì, chiếc áo cà-sa và chiếc đầu cạo trọc chỉ là một hình thức lừa đảo người, nó đã làm ô uế cho Phật Giáo từ bao nhiêu thế kỷ nay.

Xưa, khi Đức Phật nhập Niết Bàn đã nói lên lời nói di chúc: *“Giới luật Ta còn là đạo Ta còn, giới luật Ta mất là đạo Ta mất”*.

Giới luật là gì? Giới luật là Phạm hạnh. Nếu một tu sĩ còn có Phạm hạnh là Đạo Phật còn, nếu một tu sĩ Phạm hạnh không có thì Đạo Phật mất.

Lời di chúc này chúng ta cũng xác định Đạo Phật còn hay là mất, không thể che dấu ai được.

Phạm hạnh là gì? Là tâm ly dục ly ác pháp. Chỉ khi nào con ly dục ly ác pháp thì đời sống Phạm hạnh con trọn vẹn.

Con có nhìn thấy bạn của con không? Cũng cạo đầu, cũng mặc áo tu sĩ rồi một thời gian để tóc lại, mặc đồ đời, có chồng rồi đây sắp có con. Họ có thật sự thấy đời sống thế gian là khổ không? Hay chỉ muốn tu để có thần thông phép tắc và ngồi mát ăn bát vàng. Hay muốn tìm đường giải thoát mà không muốn buông xả bỏ sanh y thì làm sao tìm đường giải thoát cho được. Sanh y là gì?.

Là chồng con hay vợ con, là của cải tài sản v.v...

Này các con, sanh y trong lòng con chứ không phải sanh y là những vật chất bên ngoài.

Xả sanh y vật chất bên ngoài như Minh Tông, còn sanh y bên trong thì tâm không chịu xả, ngồi trong thất mà nhớ vợ, nhớ con, như vậy xả sanh y bên ngoài để làm gì? Có lợi ích gì? Phải không các con? Cuối cùng cũng chỉ trôi lăn trong lục đạo. Hễ gặp điều trái ý thì tâm sân của Minh Tông đã hiện ra, như người chưa bao giờ tu, chắc các con đã trực tiếp thấy và nghe rõ ràng.

Năm năm trời, mài miệt trong thất chỉ có một phút giây tâm sân hận nổi lên là tan tành như gió bụi, uổng công phu tu tập vô cùng.

Tới hôm nay, tâm con đã sống Phạm hạnh được chưa? Nếu chưa được, thì hãy cố gắng con ạ! Đừng bỏ cuộc, đừng nản lòng, đừng bắt chước các bạn con thôi tâm.

Hãy đứng lên chiến đấu tận cùng, để đạt được đời sống Phạm hạnh, để làm chủ đời sống sanh, già, bệnh, chết, đời sống cao thượng của một bậc chân tu với một tâm hồn phóng khoáng như hư không.

Nếu trên đường tu tập theo Phật Giáo mà con không có chí lớn như Bà Triệu Ẩu *“Cỡi cá kình, vượt sóng to, sống một đời không chịu luồng cúi làm thê thiếp cho thiên hạ”*. Ý chí này, với tư tưởng này thì mới có thể sống một đời sống cao thượng, phóng khoáng như hư không và trắng bạch như vỏ ốc của các bậc Thánh Ni, những đệ tử Ni của Đức Phật ngày xưa. Còn nếu, sống không được đời sống Phạm hạnh thì con chẳng khác gì như các bạn con, chỉ một đời luồng cúi làm thê thiếp cho kẻ khác và còn bị đánh đập chửi mắng và hành hạ nữa, con có thấy bạn con không???. Rắc tiếc, là bộ giới đức, giới hạnh và giới hành Thầy đã viết chưa xong. Giới đức, giới hạnh Giới hành tức là Phạm hạnh, hay gọi là Sa Môn hạnh hoặc gọi là Sa Môn Quả. Đó là, những Giới luật của Phật Giáo chứ không phải giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề. Giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề là giới luật của các Tổ biên soạn viết ra dựa vào kinh giới rút ra một số lập thành giới cấm.

Như chúng ta ai cũng biết, Đạo Phật là đạo tự lực không cầu tha lực. Vì thế, giới là sự sống của Tăng Ni và các cư sĩ, cho nên người nào đến với Đạo Phật là phải tự nguyện sống Phạm hạnh chứ không có sự bắt buộc như giới cấm của các Tổ. Vì cầu giải thoát, nên chúng tôi mới tự nguyện sống đời Phạm hạnh dưới sự chỉ đạo của Đức Gotama. Cho nên, giới cấm của các Tổ là sai, không đúng tinh thần tự nguyện, tự giác của Phật Giáo.

Đạo Phật là một tôn giáo tự do tín ngưỡng, không cấm dũ, mà cũng không bắt buộc ai. Ai tự nguyện, đến giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh thì dạy bảo và giúp đỡ cho tu hành, còn sống giới luật không nổi, xin ra, thì cũng vui vẻ chấp nhận ngay liền, không bắt buộc người theo Phật Giáo phải thề thốt “Trời tru đất diệt”.

Cho nên, giới cấm của các Tổ là sai, vì giới cấm là có sự bắt buộc. Đạo Phật không có cấm ai cả, chỉ người tu phải tự nguyện, tự lực, tự giác, tự ngộ mà đến với Đạo Phật. Còn giới luật đúng của Đạo Phật là giới đức, giới hạnh, giới hành. Những giới luật này, Đức Phật dạy cho đệ tử mình, sống một đời sống Phạm hạnh và tu tập để được giải thoát, nên giới luật này còn, gọi là Giới Vô Lậu. Vì thế, giới là đức hạnh sống của người tu sĩ, giới là pháp môn tu tập để dứt trừ các lậu hoặc. Các bạn đừng nhầm lẫn giới cấm và giới hạnh. Vì giới hạnh là thể hiện đời sống Thánh Tăng, Thánh Ni, Thánh cư sĩ.

HƯỚNG TÂM CÁC HÀNH NGỪNG NGHỈ

Hỏi: Kính bạch Thầy, khi hơi thở con gần như mất hẳn thì con thấy rõ cái bụng hoạt động (ra vô) càng mạnh, lúc đó, tác ý “các hành ngưng nghỉ” con không biết đúng hay sai?

Đáp: Khi hơi thở gần như mất hoặc mất hẳn, sức tỉnh thức sẽ tập trung vào các hành trong thân con phải hướng tâm nhắc: “Các hành phải ngưng hoạt động! Ngưng hoàn toàn !”.

Cách thức hướng tâm như vậy là đúng pháp và đúng lúc, không sai, nhưng có một điều con nên lưu ý: Khi một người tu hành mà tâm chưa ly dục ly ác pháp hoàn toàn,

hoặc chỉ ly một ít nào đó, hoặc chưa ly chút nào hết, lúc bấy giờ tâm dục và các ác pháp đang ẩn núp trong thân tâm hay nói một cách khác là tâm tham, sân, si đang nằm ngủ hay nói rõ hơn là tâm tham, sân, si đang bị ức chế nên lúc bấy giờ ý thức ngưng hoạt động thay thế tướng thức hoạt động, do tướng thức hoạt động con mới có cảm giác hơi thở gần như ngừng hẳn, đôi khi mất hẳn, mà chỉ có cơ bụng hoạt động rất mạnh (phình xẹp) giống như Thiền “Minh Sát Tuệ” do Mahasi dạy. Ngài cũng do tu tập ức chế nên lọt vào tướng thức, thấy cơ bụng phình xẹp rõ ràng. Từ đó, Ngài rơi vào tướng pháp, nên Ngài thường dạy đồ chúng Minh Sát để khắc phục tham ưu, nhưng khắc phục tham ưu bằng tướng thì làm sao ly dục ly ác pháp được.

Nếu không ly dục ly ác pháp, bằng ý thức để khắc phục tham ưu mà bằng tướng thức, thì giống như một loài vật ngu, tha một miếng thịt đi ngang qua một chiếc cầu, thấy miếng thịt dưới dòng sông lớn hơn, nên vội bỏ miếng thịt thật, nhảy xuống đón ngay cái bóng của miếng thịt, thì ôi thôi! Đã mất miếng mồi mà còn thiệt thân.

Thầy Thiện Thuận do tu sai nên lạc vào định tướng dùng pháp hướng tâm để tịnh chỉ hơi thở nên cơ thể rối loạn, khiến Thầy rối loạn thần kinh, mất tự chủ mà người đời gọi là “Tẩu hỏa nhập ma”. Nhờ Thầy kịp lúc ở gần mới xả được.

Cháu Ngọc, do tu sai ức chế lòng ham muốn, dồn nén đến tận cùng để đạt được cứu cánh, lúc bấy giờ có người gọi đúng lòng ham muốn của cháu, nên thân kinh hưng phấn quá mạnh mất thăng bằng, nên cháu nói lung tung với những điều bị quá nén, tức bực trong tâm, cũng giống như người đang sân họ nói tất cả những sự bực tức, khi đổ ra hết những sự bực tức thì họ cảm thấy như mình không

còn sâu, đó là sự tuôn trào của tâm sâu, tức là trong lúc sâu thì thần kinh hưng phấn, nên người sâu giống như người điên, nói ào ào dữ dằn như cọp béo, trâu rừng.

Khi muốn tịnh chỉ các hành trong thân, nhất là hơi thở, thì phải thấu rõ tâm mình, phải ly dục ly ác pháp tức là tâm như cục đất hoặc nói khác hơn là tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ, tâm bất động tức là không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa; tâm không phóng dật là tâm thường quay vô định trên thân. Nếu được vậy, tức là tâm nhập Bất động Định, chỉ khi nào tâm nhập Bất động Định thì con mới dùng pháp hướng tâm tịnh chỉ các hành trong thân thì mới có hiệu quả, còn không khéo bị tướng thì rất nguy hiểm cho sinh mạng con.

Minh Tông ức chế tâm không vọng tưởng, dùng pháp hướng tịnh chỉ hơi thở đứt mao phế quản khắc ra máu, đó là một kinh nghiệm xấu để chúng lấy đó mà cố tránh, đứng nhằm lại lối sai này con ạ!

Tu hành phải cẩn thận, những gì Thầy dạy phải làm đúng, đừng làm sai theo sự hiểu biết của mình, đừng làm sai, làm theo kiến giải tưởng giải của mình mà tự giết chết đời mình con ạ!

Cho nên, tu theo Đạo Phật điều quan trọng nhất là xả tâm, ly tham đoạn diệt lòng ưu não, để đạt được tâm bất động chứ không phải chỗ tịnh chỉ hơi thở.

Hiện giờ, lòng ham muốn tu hành của con người để đạt được sự giải thoát thì đã bị lệch lạc quá nhiều, do các Tổ tướng giải ra pháp môn tu tập ức chế tâm.

Người ta cứ nghĩ tưởng rằng, có thần thông thì sẽ không còn giận hờn, phiền não, đau khổ nữa và có thể chấm dứt tái sinh luân hồi. Sự nghĩ tưởng như vậy là sai.

Người ta cứ nghĩ rằng, khi tịnh chỉ hơi thở làm chủ sự sống chết là không còn tham, sân, si, phiền não, đau khổ nữa và chấm dứt tái sinh luân hồi. Sự nghĩ tưởng như vậy cũng là sai, không đúng.

Người ta cứ nghĩ tưởng rằng, khi Kiến Tánh là không còn tham, sân, si, phiền não nữa là thành Phật, là chấm dứt tái sinh luân hồi. Sự thực là không phải vậy, tất cả những sự nghĩ tưởng trên đây đều là sai cả. Vì những người có thần thông vẫn còn tham, sân, si như thường và còn tham, sân, si nhiều hơn. Đó là, những vị giáo chủ có thần thông mà chúng ta đã từng nghe báo chí trên thế giới loan tin.

Người ta cũng cho rằng, những nhà Yoga tịnh chỉ hơi thở, chôn trong đất, chìm trong nước mà không chết, các ông này có thể không còn tham, sân, si nữa, sự thật là không phải vậy.

Báo chí thế giới, đã loan tin có các đạo sĩ Yoga ở Ấn Độ đã biểu diễn bên Liên Xô khiến cho mọi người đều kính phục. Tưởng việc làm như vậy, của họ, là giải thoát, nhưng kỳ thực đó là những điều tu luyện cầu danh, mà còn cầu danh thì tham, sân, si còn đủ. Tham, sân, si còn đủ thì làm sao gọi là giải thoát được. Vì sự biểu diễn của họ, họ còn tâm háo danh.

Hiện giờ, đường lối Thiền Đông Độ đã hướng dẫn con người Kiến Tánh rất đông đảo, từ người trí thức làm việc văn phòng cho đến những người buôn bán và những lao công đều có thể Kiến Tánh dễ dàng, nhưng chứng minh chưa có ai hết tham, sân, si, phiền não cả và cũng không làm chủ bình đau và sự chết.

Vì thế, con người trên hành tinh này, chúng ta đang sống trong nỗi khắc khoải của sự đau khổ của kiếp làm người,

nhìn chung không có một tôn giáo và giáo phái nào đáp ứng được sự khắc khoải của nhu cầu này.

Thần thông để mà làm gì? Để lừa bịp thiên hạ ư?

Yoga luyện tập quá gian khổ để làm gì? Để ngừa bệnh, trị bệnh ư? Để biểu diễn đình chỉ hơi thở cho mọi người kính phục chơi thì có nghĩa lý gì?

Còn Kiến Tánh để mà Kiến Tánh thì có nghĩa gì? Khi tham, sân, si vẫn còn nguyên.

Chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy: *“Này Bà La Môn, có ba loại thần thông. Thế nào là ba?”*

- *“Thần thông biến hóa.*
- *Thần thông ký thuyết.*
- *Thần thông giáo hóa.”*

“Và này Bà La Môn, thế nào là thần thông biến hóa?”

“Ở đây, này Bà La Môn, có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không, độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước, đi trên nước, không nứt nẻ ra như trên đất liền, ngồi kiết già, đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên”.

“Và này Bà La Môn thế nào là thần thông ký thuyết?”

“Ở đây, này Bà La Môn, có người nói lên nhờ tưởng “Nhu vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông như thế này là tâm của Ông”. Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác”.

“Ở đây, này Bà La Môn, có người nói lên không nhờ tưởng, nhưng nghe tiếng của loài Người, hay của phi nhân, hay của chư Thiên, liền nói lên: “Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông.” Nếu vị ấy nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác”.

“Ở đây, này Bà La Môn có người nói lên không nhờ tưởng, cũng không nhờ nghe tiếng loài Người, hay loài phi nhân, hay chư Thiên mà nói lên, nhưng sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư; sau khi suy tầm và suy tư liền nói lên: “Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông.” Nếu vị ấy nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác”.

“Ở đây, này Bà La Môn có người không nói lên nhờ tưởng, không nói lên nhờ nghe tiếng loài Người hay phi nhân, hay chư Thiên, không nói lên sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tầm và suy tư. Nhưng, thành tựu định không tầm không tứ, với tâm (của mình) rõ biết tâm của người khác tùy theo hành ý của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Này Bà La Môn, đây gọi là thần thông ký thuyết”.

“Và như thế nào, này Bà La Môn, là thần thông giáo hóa?”

“Ở đây, này Bà La Môn, có người giáo giới như sau: “Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy! Hãy tác ý như vậy, chớ tác ý như vậy! Hãy từ bỏ cái này! Hãy đạt đến cái này và an trú!” Này Bà La Môn, đây gọi là thần thông giáo hóa.”

Trên đây, Đức Phật đã trình bày ba loại thần thông và Đức Phật đã chấp nhận loại thần thông nào?

Qua bài Kinh trên đây, chúng ta nhận xét, thấy ba loại thần thông này ở những pháp môn nào của Đức Phật đã thực hiện ra được.

Thần thông thứ nhất, là thần thông biến hóa, nó nằm ở pháp môn nào?

Thần thông này nó nằm ở từ pháp Tứ Thiên đến Tam Minh.

Thần thông thứ hai, là thần thông ký thuyết, nó bắt đầu từ pháp môn Nhị Thiên đến Tam Thiên, biết tư niệm của người khác. Thường thần thông này trong nhà tThiền người ta gọi là trực giác.

Thần thông thứ ba, là loại thần thông giáo hóa, tức là đức hạnh làm Thánh, làm Người.

Người dạy thần thông loại nào thì phải thể hiện loại thần thông đó.

Ví dụ: Người dạy về thần thông biến hóa thì phải thể hiện sự biến hóa để dạy cho người ta tu tập biến hóa.

Người dạy thần thông về trực giác thì phải thể hiện biết chuyện quá khứ vị lai và tư niệm của họ.

Người dạy thần thông giáo hóa thì phải thể hiện đức hạnh làm Người, làm Thánh.

Bây giờ, chúng ta tiếp nghe lời của Đức Phật, Ngài đã chấp nhận loại thần thông nào?

“Này Bà La Môn, trong ba loại thần thông này, Ông có thể chấp nhận loại thần thông nào là hy hữu hơn, thù diệu hơn?”

“Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, loại thần thông này: Ở đây, có người chứng được nhiều loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân... Có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với con, được xem tánh chất như là huyền hóa”.

“Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây có người nhờ tưởng nói lên... sau khi nghe tiếng chư Thiên... sau khi nghe tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư... Với tâm của mình, rõ biết tâm của người khác. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm thần thông ấy người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với con, được xem tánh chất như là huyền hóa”.

“Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây, có người giáo giới như sau: “Hãy suy nghĩ như thế này... hãy đạt đến cái này và an trú”. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, con có thể chấp nhận là hi hữu hơn, và thù diệu hơn trong ba loại thần thông.” (Tăng Chi Kinh Tập1, trang 304).

Xét qua những lời Đức Phật đã dạy trên đây, chúng ta biết con đường tu theo Đạo Phật là tu những gì có ích cho mình, cho người, còn những gì không ích lợi thì đó chỉ là những trò huyền hóa mà thôi.

Thế mà, hầu hết mọi người đến với tôn giáo không riêng gì Phật Giáo, họ đều nhắm vào mục đích thần thông, họ quý trọng mục đích thần thông như những gì siêu việt, người thực hiện được thần thông họ đều xem như Thánh, Thần, Tiên, Phật.

Trong lịch sử tôn giáo không có một tôn giáo nào mà không ca ngợi và tôn sùng thần thông, ngoại trừ có Phật Giáo không bài bác thần thông, nhưng xem thần thông như một trò ảo thuật huyền hóa. Đạo Phật không chấp

nhận nó, vì nó không ích lợi gì cho mình, cho con người, chỉ là một trò ảo thuật giải trí của thiên hạ, nói như vậy không có nghĩa là Đạo Phật không thực hiện được thần thông. Chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy: *“Thật vậy, này Bà La Môn, lời nói của Ông trước như là chống ta, sau xích lại gần ta. Và Ta sẽ trả lời cho Ông. Này Bà La Môn, Ta chứng được nhiều loại thần thông...”* (Tăng Chi Kinh Tập 1, trang 308).

Hướng tới tịnh chỉ hơi thở cũng là một loại thần thông, nó thuộc về loại thần thông biến hóa, thần thông biến hóa nó nằm trọn trong hệ thống Tam Minh. Hệ thống Tam Minh gồm có Tứ Thiên và Tam Minh; và Tứ Thiên là tịnh chỉ hơi thở, cho nên con tu tập cho các hành trong thân ngưng nghỉ, thì đó là một sự tập luyện về thần thông.

Ở đây, sự tập luyện về thần thông cũng không cần thiết. Đối với Đạo Phật sự tu tập cần thiết là phải ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp là một đạo đức làm Người, làm Thánh là giới luật của Đức Phật, là giáo pháp của Ngài, là Phạm hạnh của người tu.

Muốn được như vậy, thì hằng ngày con nên tu tập pháp hướng tâm, *“Tâm như cục đất”*. Tâm như cục đất thật sự, thì tịnh chỉ các hành trong thân của con không còn khó khăn nữa. Cho nên, Đức Phật dạy: *“Tâm nhu nhuyễn, dễ sử dụng”*.

Chỉ khi nào tâm con như cục đất thì lúc bấy giờ con muốn sử dụng nó như thế nào, nó sẽ làm theo ý muốn của con.

Tâm chưa như cục đất, mà lo tu tập tịnh chỉ các hành trong thân thì cũng giống như Minh Tông, Thiện Thuận và một ông bác sĩ ở Quy Nhơn đều là đem đến tai hại nguy hiểm khó lường.

Muốn tịnh chỉ các hành trong thân thì con nên xem tham, sân, si của con đã quét sạch chưa? Nếu chưa, thì con nên hướng tâm như cục đất, còn nếu tham, sân, si đã vắng bóng thì con hướng tâm tịnh chỉ các hành và sẽ có kết quả ngay liền, con không còn thấy khó khăn một chút nào cả. Vì khi tâm tham, sân, si vắng bóng thì bầy năng lực Giác Chi phải xuất hiện, nó xuất hiện để giúp con làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Sau khi đọc những đoạn Kinh trên đây mà Đức Phật đã dạy, nếu ai còn ham mê thân thông, tịnh chỉ các hành, tịnh chỉ hơi thở, khi mà tâm chưa thanh tịnh thì thật là điên rồ và ngu si như con vật ngu, bỏ môi bắt bóng mà còn phải thiệt thân.

Điều lo lắng nhất của con người tu hành, là làm sao ly dục ly ác pháp cho được. Điều đó, Đức Phật đã xác định cho chúng ta một pháp môn Hướng Tâm - Như Lý Tác Ý để chúng ta thành tựu, con nên nhớ kỹ mà ghi nhớ trong lòng mãi mãi “*Tâm như cục đất*”. Tâm như cục đất thì sự tu hành của con đã hoàn tất, không còn phải tu tập gì nữa cả, lúc nào muốn sống chết là quyền ở con, chứ không còn ở luật nhân quả nữa.

Đến đây, Thầy chúc con tu tập sớm thành công, trước tiên tâm con được an ổn, khi đứng trước các ác pháp như: Sanh, già, bệnh, chết, con không còn bận tâm và lo lắng nó nữa, trước khi chết con biết chỗ con về. Còn đối về mặt ân nghĩa thì con đã đền đáp ơn Phật, ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục và không phụ ơn Thầy và Đàn na thí chủ. Như vậy, con đã xứng đáng là một người Phật tử. Phải ráng lên con ạ!

**TRÍ TUỆ THẾ GIAN CÓ PHẢI LÀ
TRI KIẾN GIẢI THOÁT KHÔNG ?**

Hỏi: Kính bạch Thầy, sự suy tư trong việc làm, để làm việc không thất bại, đó có phải là trí tuệ hay không? Trí tuệ đó có bằng tri kiến giải thoát trong Đạo Phật không? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Sự suy tư trong hành động để làm việc không gặp thất bại, đó là tri kiến thế gian, nó thường mang theo những hành động thiện và ác, nên khi biến ra hành động việc làm thường mang theo quả khổ vui của tri kiến đó, nó không phải là tri kiến giải thoát của Đạo Phật, nó là tri kiến dính mắc khổ đau, còn tri kiến dùng để quán xét xả tâm diệt ngã, ly dục ly ác pháp, đó là tri kiến dùng để tu tập Định Vô Lậu trong từng tâm niệm, từng hành động việc làm để xả tâm tham ưu, phiền não, do sự quán xét tư duy này nên tâm được giải thoát an vui, thanh thản và vô sự đó là tri kiến giải thoát.

Tu tập trong tâm niệm và việc làm, tức là tu tập Thân Hành Niệm, đó là một pháp môn đệ nhất của Đạo Phật về việc chánh niệm tỉnh thức, nhưng đây là giai đoạn đầu của pháp Thân Hành Niệm.

Tu tập Định Vô Lậu, giúp chúng ta sống trong chánh niệm diệt trừ tà niệm.

Tu tập Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, là giúp chúng ta tỉnh thức phá trừ si mê hôn ám và thường sống trong thiện pháp. Để xác định một lần nữa về trí tuệ thế gian và trí tuệ giải thoát. Trí tuệ là sự hiểu biết và tư duy đều giống nhau cả. Nhưng sự tư duy suy nghĩ một điều gì mà do lòng ham muốn và nghiệp tham, sân, si thúc đẩy thì đó gọi là trí tuệ thế gian; còn sự tư duy, suy nghĩ đó mà đi ngược lại với lòng ham muốn và nghiệp tham, sân, si thì đó là trí tuệ giải thoát, còn gọi là tri kiến giải thoát.

Do sự phân tích và xác định này, thì trí kiến giải thoát không phải ngoài trí tuệ thế gian mà có, không phải do tu tập Thiền định mà sanh ra theo kiểu Thiền Đông Độ đã nghĩ tưởng. Ngồi yên lặng không niệm thiện niệm ác, tức là không có vọng tưởng thì trí tuệ phát sanh. Trí tuệ đó, không phải là trí tuệ giải thoát mà là tướng tuệ.

Có một câu chuyện xảy ra trong thế kỷ này, người ta ca ngợi về Thiền Đông Độ một cách huyền thoại:

Họ nói rằng trong thời chiến tranh Việt Nam có một vị Đại Sư Mỹ C.B.L. khi được Tổng Thống Mỹ đưa sang Việt Nam để giải quyết vấn đề Phật Giáo năm 1962-1963, thì Ông phải đi sang Nhật Bản học Thiền một khoá rồi mới đến Việt Nam giải quyết. Người ta bảo rằng mỗi khi có gặp một vấn đề khó khăn không giải quyết được, thì Ông tọa Thiền khoảng 30 phút là trí tuệ Ông phát ra và hôm sau Ông giải quyết sự việc một cách tốt đẹp, đó cũng là một trò lừa bịp.

Khi nghe trong Kinh điển Đức Phật dạy: *“Giới sanh định, định sanh tuệ”*. Do định sanh tuệ, rồi người ta lại tưởng ra và hiểu một cách sai lệch về định, cho rằng: Ngồi Thiền giữ tâm không vọng tưởng là định và khi ngồi im lặng được không vọng niệm xen vào thì trí tuệ phát sanh, trí tuệ này do định sanh rất thông minh. Người ta chưa biết định là gì, nên đã hiểu lầm chữ định sanh tuệ trong nhà Phật.

Chữ định trong nhà Phật, là chỉ cho tâm ly dục ly ác pháp, nếu tâm chưa ly dục ly ác pháp thì trí kiến đó là trí kiến thế gian, **còn tâm đã ly dục ly ác thì trí kiến ly dục ly ác pháp đó là trí kiến giải thoát, trí kiến giải thoát tức là định, tức là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức là tâm bất động, tâm bất động tức là định, định tức là trí kiến giải thoát.** Như

vậy, Đức Phật gọi định sanh tuệ, chứ không phải ngồi như con cóc không niệm thiện niệm ác rồi mới phát sanh trí tuệ. Đó là, một sự hiểu sai lệch, hiểu theo tưởng trí của các nhà học giả xưa và nay.

Hằng ngày, con tu tập diệt ngã xả tâm, ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp là con đã tu tập trí kiến giải thoát. Nhờ tu tập trí tuệ tri kiến giải thoát này tâm con nhuần nhuyễn, bén nhạy, phản ứng tự nhiên, khi gặp các ác pháp khiến tâm con thanh thản và an lạc thì đó gọi là tri kiến giải thoát. Cho nên, một sự tư duy suy nghĩ nào, mà khiến cho tâm lý dục lý ác pháp là trí tuệ tri kiến giải thoát của con chứ không phải ngồi Thiền mà phóng ra trí tuệ đó được.

Muốn có trí tuệ tri kiến giải thoát, thì ngày nào con cũng tu tập quán xét, suy tư để đẩy lùi các chương ngại pháp trong thân tâm đó là con tu tập rèn luyện trí tuệ tri kiến giải thoát, nó lớn mạnh dần theo sự tu tập của con là con đã khắc phục được tâm tham ưu khổ não của mình, tức là con khắc phục được sanh tử luân hồi.

Những việc tu tập này Đức Phật gọi là Thiền định: “*Này các Thầy Tỳ Kheo, đối với các pháp ác bất thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng... Đối với các pháp ác, bất thiện đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng... Đối với các pháp thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng... Đối với pháp thiện đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần, tinh tấn, quyết tâm, cố gắng...*” Trên đây, là một bài Kinh trong 37 phẩm trợ đạo mà Đức Phật đã dạy chúng ta tu Thiền định

thuộc Tăng Chi Bộ Kinh Tập 1, trang 82, bài 14-17, tựa là Thiên Định.

Tóm lại, từ định sanh ra trí tuệ tri kiến giải thoát thì phải ở trong thân hành niệm mà tu tập. Nhờ có tu tập pháp Thân Hành Niệm, thì mới đủ năng lực đẩy lùi các ác pháp và nội lực tham dục, sân dục và si dục. Những dục tham, sân, si này rất mạnh, nếu một người tu hành mà không hành pháp Thân hành Niệm thì chẳng bao giờ có nội lực để đương đầu với nội lực ác pháp tham, sân, si, chúng có một sức mạnh kinh khủng là vì chúng ta đã tập tham, sân, si nhiều đời nhiều kiếp chứ không phải có một đời này.

Thân Hành Niệm, là một tên pháp môn chỉ gồm chung nhiều pháp môn tu tập, rèn luyện về trí tuệ tri kiến giải thoát về nội lực bảy Giác Chi, về lệnh Tứ Như ý Túc.

Do sự suy tư tu tập này, chúng ta suy ra mới thấy rõ đường lối tu tập của Đạo Phật là chuyển từ tri kiến thế gian để trở thành tri kiến giải thoát, từ tri kiến giải thoát chuyển thành tâm lý dục lý ác pháp từ tâm lý dục lý ác pháp chuyển thành tuệ Tam Minh, chứ không phải từ sự yên lặng nào mà sanh ra được.

Đạo Phật, là đạo trí tuệ, là đạo chuyển hóa tâm phàm phu trở thành tâm Thánh.

Vậy, các con có muốn mình, có trí tuệ tri kiến giải thoát hay không?.

Muốn được như vậy không phải dễ đâu!

Phải bằng nước mắt và xương, máu của chúng ta, có nghĩa là chúng ta phải chết đi một lần và sống lại.

Nếu không có sự quyết tử ấy, thì cuộc đời tu hành của chúng ta hoài công vô ích mà thôi.

Bởi, tâm Thánh không thể dành cho những kẻ còn ham sống sợ chết, đàng nào rồi các con cũng phải chết, nhưng chết trong đau khổ và mãi mãi khổ đau. Ngược lại, người sống mà như đã chết, thì sẽ sống mãi, sống mãi muôn đời và không còn khổ đau nữa.

BUỒN CHÁN KHI XẢ TÂM KHÔNG ĐƯỢC

Hỏi: Kính bạch Thầy, con đã học, đã biết nhất là khép mình trong giới luật sao con vẫn phạm, lương tâm con cắn rứt, khổ sở vô cùng. Ngày nào, giữ đúng con thấy tâm con được yên ổn, thanh thản, an vui.

Sự tu hành cũng có nhiều khó khăn, tâm còn yếu con không thể vượt qua được, đôi lúc con cũng chán nản. Thưa Thầy, những lúc này con phải tu như thế nào? Trạch pháp ra sao để tiến bước trên đường tu tập?

Đáp: Còn phạm tức là tỉnh thức chưa đủ, chánh niệm còn yếu, nên cố gắng tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác Định và Định Vô Lậu, siêng năng cần mẫn tập nhiều hơn, thì sẽ khắc phục được không còn phạm (còn phạm tức là còn tu, hết phạm tức là hết tu.) Đường lối tu tập của Đạo Phật rất cụ thể, tu tới đâu biết tới đó, có kết quả hay không có kết quả. Bởi vì, pháp tu xả tâm, xả ít kết quả ít, xả nhiều kết quả nhiều.

Con nên quan sát lại tâm mình, con sẽ thấy những kết quả rất lớn, đời sống của con bây giờ so với lúc chưa tu, thì có khác xa nhiều, tâm con cũng vậy, nhưng chưa rõ rệt.

Gặp lúc tâm chán nản, con nên quán sát lại kiếp sống của con người “*Con người sanh ra vốn để mà khổ*”. Khổ thật, rồi con hướng tâm ám thị “*Ta phải thoát ra cảnh khổ này, dù cho xương tan thịt nát, máu trong thân này có khô cạn,*

ta cũng quyết chiến thắng tận cùng để giành sự giải thoát cho mình.”

Đọc đến câu hỏi này, Thầy cảm thông nỗi lòng đau khổ của con: *“Đạo cảm ứng giao nan tư nghi”*. Xưa, đọc đến câu kinh này, Thầy rơi nước mắt. Đạo quá khó khăn không thể nghĩ lường, nên chư Phật đã cảm thông nỗi khắc khoải tu hành của những người đệ tử của mình.

Bây giờ Thầy cũng vậy, khi nỗi lòng con trút lên trang giấy, để cầu Thầy cứu con thoát ra kiếp trầm luân đau khổ. *“Tâm còn yếu ớt, con không thể vượt qua được”*, lời nói này khiến Thầy cảm thông, con như người đang chới với giữa dòng sông sắp chết đuối tới nơi. Tiếng kêu cứu của con thét lên: *“Thưa Thầy những lúc này, con phải tu như thế nào? Trạch pháp ra sao để tiến bước trên đường tu tập?”*. Nghe tiếng kêu cứu này Thầy quá bồi hồi, cảm ứng như Thầy đang chới với giữa dòng sông như con vậy. Thầy là một con người không phải là một cây đá. Tu hành không có nghĩa là trở thành cây đá, tu hành là dẹp bỏ những tâm ích kỷ, nhỏ mọn để không làm khổ mình khổ người, không thương ghét trong sự đối đãi, chứ không thể nào làm mất tâm từ bi của một tu sĩ Phật Giáo. Do đó, sự cảm thông của Thầy không phải đây là lần đầu tiên, mà là của bao nhiêu lần, khi mỗi người đệ tử của Thầy bỏ cuộc ra đi, Thầy biết họ đang chìm dưới dòng sông khổ đau. Lòng Thầy tê tái. Bởi vì, luật nhân quả công bằng và công lý nên quá khắt khe không ai cứu cho ai được cả, chỉ có mỗi người phải tự cứu lấy mình. Xưa, Đức Phật cũng đã từng cảm thông, Ngài xót thương nói lên: *“Các con hãy tự thấp đuốc lên mà đi, Ta chỉ là người hướng đạo”*.

Cách đây ba, bốn năm Thầy đã trả lời con câu hỏi này ngắn gọn để con có một chiếc phao mà vượt qua, lòng Thầy cũng giao cảm, se thắt và thương xót, đến giờ này

con còn bám theo Thầy, nên khi nhuận lại tập sách này, một lần nữa Thầy đã xót xa, thương cảm và nhớ đến những người đệ tử của mình quá dại dột, nhẹ dạ, mềm lòng chạy theo những tà pháp cảm dỗ bằng những dục lạc, ăn uống, ngủ nghỉ phi thời, chùa to Phật lớn, đời sống vật chất đầy đủ, tu hành sung sướng như một nhà giàu, sống thì được nuông chiều nâng niu, còn ở đây, thì quá khổ cực trong giới luật ăn, ngủ, độc cư mà còn bị nhiều thử thách nghịch duyên. Khiến cho tâm các con tan nát. Nếu không tu tập rèn luyện như vậy thì làm sao thấy tâm mình giải thoát. Hoa sen nở trong lò lửa, chứ hoa sen nở nơi bùn lầy nước hôi thúi thì ra gì. Người tu sĩ Phật Giáo Nguyên Thủy như hoa sen nở trong lò lửa: *“Thắng trăm trận không bằng thắng tâm mình, thắng tâm mình mới là chiến công oanh liệt”*.

Thắng tâm mình tức là ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp không đơn giản, nó là một cuộc tranh đấu cam go giữa ánh sáng và bóng tối, giữa thiện và ác, giữa tội lỗi và không tội lỗi, giữa đau khổ và không đau khổ, giữa sống và chết, giữa thiên đàng và địa ngục.

Trong cuộc đời này, ai là người đã vượt qua dòng sông nhân quả, dòng sông đau khổ.

Tiếng kêu cứu từ tự thâm tâm của con, muốn vượt qua dòng sông đau khổ để đến bờ giải thoát, nhưng sóng gió bão bùng quá mạnh, sức con đã kiệt, hơi thở con đã tàn, con không thể vượt qua nổi, như các bạn con họ đã chìm tận đáy sông rồi còn mong gì Thầy cứu được. Hiện giờ, con còn đang lặn hụp chới với, sắp sửa chết đuối dưới dòng sông này nữa. Thầy cũng sẽ mất đi một người học trò, Thầy biết làm sao hơn để cứu con bây giờ, nếu không phải bằng sức lực của chính con thì còn ai hơn nữa. Thầy chỉ còn có chiếc phao cuối cùng, đó là pháp môn “Nhu Lý

Tác Ý: “*Dòng đời là khổ đau tâm ta hãy như cục đất, buông xuống! Buông xuống hết!*”.

Suốt ngày đêm trong 24 tiếng đồng hồ, con thường nhắc tâm như cục đất thì may ra con sẽ đến bờ bên kia.

Con hãy nỗ lực và dùng hơi thở cuối cùng để chiến đấu với nội tâm mình.

*“Buông xuống đi! Hãy buông xuống đi!
Chớ giữ làm chi có ích gì
Thở ra chẳng lại còn chi nữa
Vạn sự vô thường buông xuống đi!”*

Trước kia, hằng tuần Thầy thường gặp các con, là niềm an ủi trong khi bước chân của các con còn tập tễnh. Bây giờ, các con cứng cáp vững vàng hơn, Thầy không thể đưa tay dìu dắt cho các con từng bước nữa mà phải buông tay ra để các con tự bước vì sức Thầy đã già yếu, cứ một ngày qua là sức khỏe tàn tạ thêm theo năm tháng không thể dìu dắt như trước nữa, vì cơ thể là một phần vật chất vô thường. Thầy đã dùng nó tu tập khổ hạnh một đời để tìm ra ánh sáng của Đạo Phật đã bị chìm mất từ xưa, khi tìm ra được thì sức lực đã yếu lắm rồi, nhờ nỗ lực tu tập Thầy đã phục hồi và duy trì cho đến ngày nay Thầy gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh cho mọi người.

“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, sống không gia đình, không nhà cửa”.

Trời! Lời nói thì đơn giản, sao mà chẳng ai sống được?.

Bởi vì, người ta còn muốn sống, người ta chưa dám chết, nếu không dám chết một lần thì làm sao sống lại.

Tại vì, con chưa dám chết, nên con phải sống, sống trong đau khổ, đau khổ muôn đời.

Con thử nghĩ hiện giờ, con đang sống mà như người đã chết thì ai chửi mắng con, con có giận không?

Lửa cháy, nước ngập con có sợ hãi không?

Nếu tâm con như cục đất tức là con đã chết, cái chết đó là cái sống muôn đời con ạ! Sanh tử luân hồi không còn nữa.

Hãy thử chết đi một lần con ạ! Thì con sẽ thấy được vũ trụ này không gì mà con không thông suốt.

Thầy lúc nào cũng bên các con, mỗi sự đau khổ của các con, Thầy đều cảm thông và chia sẻ, những nỗi nghẹn ngào, khi nước mắt của các con tuôn trào, các con có biết chăng? Lúc bây giờ, Thầy đều cảm thông những nỗi thống khổ này, lòng Thầy se thắt, nước mắt Thầy cũng tuôn trào như các con.

Hãy ráng vượt qua các con ạ!

Đường đi không còn xa nữa, chỉ có phút giây tận lực cuối cùng này mà thôi. Phút giây tử thần: “Sống mà như chết”.

NHÂN QUẢ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Con có một số điều trần trở, mong Thầy tháo gỡ giải tỏa cho con.

Đạo Phật dựa trên cơ sở nhân quả và luân hồi. Mặc dù con đã đọc các cuốn sách của Thầy viết, như cái niềm tin trong con nó chưa được lớn, vì vậy sự buông xả còn kém cõi, sự tu tập còn lười biếng. Con từ nhỏ tới nay, vẫn cứ cho rằng: “Con người chỉ sống có một lần, sau khi chết tất cả đều tan hoại”, đó là vì con đã tiếp thu những tư tưởng duy vật biện chứng. Con đã đọc: “Kinh Nhân Quả Ba Đời” nhưng con vẫn thấy nó mơ hồ trừu tượng nên con không tin.

Đáp: Kinh sách Nhân Quả Ba Đời là kinh sách phát triển của Đại Thừa, kinh sách này luận về nhân quả thiếu tính khoa học nên lý luận mơ hồ, không thực tế, có vẻ hoang đường, làm mất tính chất đạo đức nhân bản - nhân quả của luật nhân quả. Người có sự hiểu biết về khoa học và chuộng sự thật thì không thể nào tin nhân quả theo kiểu lý luận mơ hồ, trừu tượng, đầy sự hoang đường mê tín lạc hậu này được. Đọc kinh sách Đại Thừa phần nhiều là những lý luận mơ hồ trừu tượng mê tín đầy đủ không có cuốn kinh nào mà không có. Cho nên, kinh sách phát triển Đại Thừa làm mất lòng tin của mọi người với Phật Giáo. Con cũng bị ảnh hưởng đó, chính vì con đã học về triết học duy vật biện chứng, nên con không thể tin những điều mơ hồ trừu tượng được, Phải không con?.

Muốn biết rõ nhân quả như thật thì chúng ta phải tự hỏi: “Khi người chết cái gì còn lại?”.

Đức Phật đã xác định điều này rất rõ ràng: “Khi người chết toàn bộ thân ngũ uẩn đều tan rã không còn một vật gì tồn tại”. Vậy, không còn một vật gì tồn tại, sao Đạo Phật còn chủ trương thuyết tái sinh luân hồi và như vậy có mâu thuẫn nhau không?.

Thưa các bạn! Đạo Phật không mâu thuẫn. Khi con người còn sống hằng ngày luôn luôn hoạt động theo tâm tham, sân, si của mình, do mỗi hành động thân, miệng, ý phóng xuất ra những từ trường thiện hay ác (từ trường là một danh từ vật lý tạm dùng để mọi người dễ hiểu, chứ nghĩa của danh từ “từ trường” chưa đúng hẳn) khắp nơi trong bầu khí quyển. Theo luật nhân quả thì từ trường ấy được gọi là nghiệp. Cho nên, con người chết là mất hết chỉ còn nghiệp (từ trường) thiện ác, nghiệp thiện ác không phải là linh hồn, thần thức hay Phật tánh.

Hầu hết mọi người, có tôn giáo hay không tôn giáo luôn cả các nhà Đại Thừa hiện đang có mặt trên hành tinh này, đều không hiểu lý duyên hợp duyên sinh, do đó tưởng khi người chết còn có linh hồn, thần thức, Phật tánh, tiểu ngã, bản thể v.v... là một vật thường hằng mang theo nghiệp đi tái sinh luân hồi, điều hiểu biết này là ảo tưởng, mê tín, không đúng sự thật, không có tính khoa học, là sai. Sự hiểu biết này, Đức Phật gọi “Chấp thường”. Còn có một số người dựa vào duy vật biện chứng, cho con người mất là mất cả, chỉ có một đời này mà thôi. Sự hiểu biết như vậy, Đức Phật gọi là “chấp đoạn”.

Những triết thuyết chấp thường, chấp đoạn là những triết thuyết còn mơ hồ chưa hiểu biết rõ về môi trường sống trên hành tinh này. Môi trường sống trên hành tinh này có nhiều chất liệu, có chất liệu có hình sắc, có chất liệu không hình sắc mà Đức Phật gọi chung là “các duyên”. Cho nên, giáo lý nhà Phật gọi môi trường sống trên hành tinh này là “thế giới duyên hợp”. Có duyên hợp mới sinh ra muôn loài, muôn vật, có duyên hợp mới tạo thành thế giới, không duyên hợp thì không có thế giới. Do thuyết nhân duyên mà Đạo Phật đã xác định được con người từ đâu sinh ra và chết đi về đâu rất khoa học mà không có một khoa học hay một triết học nào bắt bẻ được, vì đó là một sự thật, một sự thật do sự tu chứng đã thấy rõ như thấy những chỉ trong lòng bàn tay.

Đạo Phật chấp nhận thuyết tái sinh luân hồi, vì khi con người chết thì mất hết nhưng những nghiệp (tù trường) này không mất, do nghiệp này không mất nên tương ứng với tâm tham, sân, si của người khác hợp đủ duyên tạo thành thai nhi. Cho nên, Đạo Phật gọi là “nghiệp tái sinh luân hồi”, chứ không gọi “nghiệp đi tái sinh luân hồi”. Kinh sách Đại Thừa gọi nghiệp đi tái sinh luân hồi là sai.

Vì nghiệp, là từ trường nên bất cứ nơi đâu trong bầu khí quyền đều có nó, do đó từ trường không đến không đi, chỉ có hợp đúng thời, đúng duyên là tái sinh luân hồi tức khác.

TÂM SẮC DỤC

Hỏi: Pháp “Nhu Lý Tác Ý” con áp dụng vào cuộc sống thì có kết quả, tuy nhiên vẫn chưa mạnh. Con còn nhiễm sắc dục thể gian, nhất là đối với phụ nữ. Con dù quán bất tịnh nhưng lúc được lúc không. Xin Thầy cho con một lời khuyên.

Đáp: Muốn đổi trị tâm sắc dục, con nên đến nghĩa địa, nơi mọi người đang cải táng hài cốt để nhìn xem thi thể người chết, nhất là mùi hôi thối bốc lên, còn nếu không có dịp xem sự cải táng bốc mộ thì con nên đến bệnh viện xin được xem xác người phụ nữ đã chết đang ướp trong phòng lạnh. Chỉ một lần thấy thi thể người chết là về quán thân bất tịnh thì tâm sắc dục của con sẽ bị triệt tiêu.

Thăm và chúc con tu tập xả tâm tốt, sống đúng đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh.

NÊN NHỚ

LỜI PHÁT DẠY

“Nên nhớ khi thức diệt mọi thứ đều diệt tận”.

CHÚ GIẢI:

Trong thân chúng ta có năm uẩn; sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đây là một khối có năm duyên hợp lại mà thành con người. Khi một uẩn diệt, thì năm uẩn kia đều diệt theo, không còn có một vật gì là linh hồn hay Phật tánh trong

thân ngũ uẩn này còn lại, chỉ còn lại những từ trường thiên ác để tiếp tục tái sinh luân hồi.

Ở đây Đức Phật dạy: “*Khi thức diệt mọi thứ đều diệt tận*”. Có nghĩa là các bạn đừng tin theo tà thuyết ngoại đạo, có thể giới siêu hình, có linh hồn người chết, có Thần, Thánh, quỉ, ma, có Ngọc Hoàng Thượng Đế, có Đấng Tạo Hóa, v.v...

Thưa các bạn, tin như vậy là mê tín, lạc hậu. Các bạn tin như vậy mà không dùng trí tuệ quan sát để xem có đúng như thật không. Nếu đúng như thật thì các bạn tin, bằng không như thật thì xin các bạn đừng tin. Vì tin như vậy nó sẽ đem đến những tai hại cho các bạn và các bạn sẽ tiêu phí tiền bạc công sức của mình một cách nhảm nhí mà không ích lợi gì cả. Không quan sát kỹ mà tin như vậy các bạn sẽ bị những người khác lừa đảo dễ dàng.

Đức Phật dạy: “*Khi thức diệt mọi thứ đều diệt tận*”. Có nghĩa là khi người chết thì không còn một vật gì cả, chỉ còn một đồng đất hôi thối mà thôi. Do lời dạy này các bạn đừng tin có linh hồn hay Phật tánh gì cả. Linh hồn hay Phật tánh chỉ là một thứ ảo tưởng của những người lạc hậu trong những thế kỷ xa xưa.

NGƯỜI XUẤT GIA CÓ HAI VIỆC CẦN PHẢI LÀM

LỜI PHÁT DẠY

*“Im lặng như Thánh
Thưa hỏi pháp ngữ”*

CHÚ GIẢI:

Trong cuộc đời tu hành, muốn đạt kết quả giải thoát, thì có hai điều kiện các bạn cần nên nhớ và còn phải chấp hành nghiêm túc.

Điều thứ nhất: “*Phải im lặng như Thánh*”. Có nghĩa là các bạn khi khép mình vào khuôn khổ tu hành thì các bạn không nên hội họp nói chuyện. Không nên hội họp nói chuyện để làm gì các bạn biết không? Để tâm không phóng dật các bạn ạ! Đó chính là việc quan trọng nhất cho đời tu của các bạn. Nếu các bạn xem thường sự im lặng như Thánh là các bạn đã phản bội lại đường tu tập của mình. (Phản lại Phật Giáo).

Điều thứ hai: “*Phải thưa hỏi pháp ngữ*”. Có nghĩa khi tu tập phải thưa hỏi cho kỹ lưỡng rồi mới tu tập. Trong khi tu tập có điều chi bất ổn thì phải thưa hỏi để chỉnh sửa cho đúng cách, cho đúng pháp. Nếu không hỏi pháp ngữ thì sự tu tập sẽ tu tập sai pháp, có thể đi đến bệnh tật, điên khùng, rối loạn thần kinh.

Trên đây là hai điều kiện mà hành giả cần phải ghi nhớ, nếu không làm đúng hai điều kiện trên đây, thì cuộc đời tu hành của các bạn chỉ hoài công, vô ích mà thôi.

Các bạn nên nhớ hột cơm của đàn na thí chủ rất nặng, công ơn người nấu cho các bạn ăn cũng khó báo đáp, vì các bạn ngồi không mà ăn, thì các bạn liệu sức tu tập của mình đừng để mang nợ vào thân không biết đời nào các bạn trả xong. Nhưng các bạn đừng sợ, khi các bạn giữ gìn giới luật nghiêm túc thì công đức của các bạn rất lớn, nó như là thành trì bảo vệ, nó như phước điền để chúng sanh gieo trồng hạt giống giải thoát trên đó.

Trên đường tu tập có hai điều kiện quan trọng mà Phật đã dạy:

- 1- Im lặng như Thánh
- 2- Thưa hỏi pháp ngữ

Nếu các bạn giữ gìn chẳng hề vi phạm hai điều kiện trên đây thì cuộc sống của bạn là sự giải thoát thì còn đâu là nợ đàn na thí chủ nữa. Phải không các bạn?

PHÁP VI DIỆU

LỜI PHÁT DẠY

“Này các Tỳ Kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu chỉ người có trí mới hiểu thấu còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái dục, ham thích ái dục, khó mà thấy được định lý, sự kiện này thật khó thấy”.

“Tức là sự tịch chỉ tất cả các hành, sự trừ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham đoạn diệt, Niết Bàn.”

CHÚ GIẢI

Những lời dạy trên đây, Đức Phật đã xác định một cách quả quyết rằng pháp môn của mình đã tìm ra và đã tu chứng là *“sâu kín, màu nhiệm, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận và vi diệu”*. Nếu ai đã tu tập đúng những pháp môn *”Giới, Định, Tuệ”* thì lời ca ngợi này là một sự thật, không có một chút gì dối người.

Khi tu tập xong, chúng tôi mới hiểu rõ lời dạy của Phật thật là *“sâu kín, màu nhiệm, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận và vi diệu”*. Cho nên từ xưa đến nay các nhà học giả tu hành chưa tới nơi, tới chốn, lại đem kinh sách Phật ra giảng thuyết làm sai lệch nghĩa lý của Phật pháp.

Hiểu sai, làm lệch ý Phật, mà còn kết tập thành kinh sách thì kinh sách ấy là một mớ kiến giải chữ nghĩa, chứ tu hành làm sao đạt được cái gì?

Pháp của Phật đâu phải để cho người tâm còn dục mà tu tập. Vì tâm còn dục bạn không thể nào tu theo Phật Giáo được. Cho nên Đức Phật nói: *“quần chúng này thì ưa ái dục, khoái dục, ham thích ái dục, khó mà thấy được định lý, sự kiện này thật khó thấy.”*

Thưa bạn! Khi muốn tu theo Phật Giáo thì bạn có hiểu biết bạn không? Bởi vì bạn mang tâm dục đến với Đạo Phật, thì bạn chỉ uông công mà thôi. Nếu bạn xa lìa tâm dục thì sẽ không ưa ái dục, không khoái ái dục, không ham thích ái dục thì bạn mới thấy rõ định lý của Phật Giáo rất là màu nhiệm và sâu kín.

CÓ AI BẮT BUỘC BẠN TU ĐẬU!?

LỜI PHẬT DẠY

“Này các Tỳ Kheo, nghề sinh sống hèn hạ nhất là nghề khát thực (đi xin). Đây là một lời nguyện rửa trong đời. Này các Tỳ Kheo khi nói ông là kẻ khát thực (xin ăn) với cái bát trên bàn tay, ông đi chỗ này chỗ kia và đây là nghề sinh sống”.

“Này các Tỳ Kheo điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị nào, sống vì lý tưởng, mục đích. Duyên với lý tưởng mục đích, không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống mà với ý nghĩ, ta bị chìm đắm trong sanh già bệnh chết, sâu, bị khổ ưu não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị đoanh vây bởi đau khổ. Rất có thể sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này được tìm ra”. (Tương Ứng kinh tập III trang 171, 172, 173).

CHÚ GIẢI:

Lời Phật dạy trên đây, là khéo nhắc nhở chúng ta: Tu theo Phật Giáo không có danh dự gì cả các bạn ạ! Chỉ là một

người không tàn tật đi xin ăn. Không tàn tật đi xin ăn, thì hèn hạ lắm các bạn! Nếu bạn sống không đúng Phạm hạnh, người đời sẽ không cung kính và tôn trọng bạn. Do thế, họ sẽ không dâng lên cúng dường những nhu yếu phẩm cần thiết cho sự sống của bạn, thì bạn chỉ còn phải làm cái nghề gì để sống. Nghề làm để sống trong tôn giáo là một nghề mê tín bạn ạ! Nghề lừa đảo. Chính tu sĩ và cư sĩ Phật Giáo hiện giờ đang hành nghề mê tín, đang dạy người tu tập thiền định trong ảo tưởng để trao đổi sự sống với tín đồ.

Bạn quá xem thường giới luật, cho nó không phù hợp với thời đại, nên mục đích cao thượng của đời sống Tăng sĩ bạn đã đánh mất. Vì đánh mất đời sống Tăng sĩ, nên bạn đánh mất sự sống của mình. Mất sự sống, lại muốn sống, nên sống một cách thiếu sáng suốt, làm nghề mê tín lừa đảo người. Nếu bạn lìa ngũ dục lạc thế gian, sống đời Phạm hạnh, trở thành bậc Thầy đáng tôn kính của mọi người, thì các bạn đâu cần phải lo về sự sống nữa.

Vì bạn đã thực hành mục đích cao thượng của bạn. Đó là Phạm hạnh ly dục ly ác pháp. Phạm hạnh ly dục ly ác pháp chính là: *“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo vải bở, sống không nhà cửa, không gia đình, thiếu dục tri túc, ba y, một bát, sống độc cư trầm lặng một mình, không thích hội họp, nói chuyện, thường tư duy quán chiếu đạo lý, thấy cái hay thì không khoe khoang, thấy cái lỗi lầm thì mau mau phát lồ, hối cải sửa đổi”*.

Tóm lại bài này để thấy rõ Phật Giáo không phải là một tôn giáo mà là đạo đức của loài người. Vì lý tưởng mục đích cao đẹp của nền đạo đức nhân bản – nhân quả, không làm khổ mình khổ người, bạn tự nguyện, tự giác chấp nhận sống một đời sống lý tưởng ấy, không ai có quyền cưỡng ép, bắt buộc bạn và cũng không phải là những lý do thiếu nợ, sợ hãi điều gì v.v... Chúng ta hãy lắng nghe Đức Phật dạy:

“Này các Tỳ Kheo điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị nào, sống vì lý tưởng, mục đích. Duyên với lý tưởng mục đích, không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống”.

Cho nên Đạo Phật là một tôn giáo tự giác, tự nguyện, nên bạn theo Phật Giáo là vì toàn bộ khổ uẩn này đã được tìm ra và đã được đoạn trừ và không còn ý nghĩa ta bị chìm đắm trong những sự khổ đau của kiếp làm người: Sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ ưu não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị doanh vây bởi đau khổ.

THÔNG MINH

Hỏi: *Ăn mặn có nhiều prôtít để thông minh học giỏi, học bài mau thuộc, còn những người ăn chay trí tuệ không phát triển, học hành càng ngày càng sa sút có đúng như vậy không thưa Thầy?*

Đáp: Theo luật nhân quả thì người học giỏi là người đã huân học nhiều đời nhiều kiếp, đến đời này họ chỉ đọc sơ qua là đã thuộc lòng, còn những người không thông minh là những người nhiều đời nhiều kiếp trước không huân học nên đời này học lâu thuộc bài, cho nên học giỏi hay học dở không phải chỗ ăn mặn hay ăn chay.

Có người ăn mặn học giỏi nhưng cũng có người ăn chay học giỏi. Thầy ăn chay từ lúc tám tuổi thế mà học hành thì không thua ai, còn tu hành thì ai hơn được. Cho nên vấn ĐỀ thông minh không phải ăn chay, ăn mặn mà chỗ do siêng năng học tập nhiều đời nhiều kiếp.

DÙNG TƯỚNG TU TẬP

LỜI PHÁT DẠY

“Này các Tỳ Kheo, có mười sáu tướng này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là mười sáu tướng?”

- 1- *“Tướng bất tịnh*
- 2- *Tướng vô thường*
- 3- *Tướng chết*
- 4- *Tướng khổ trên vô thường*
- 5- *Tướng vô ngã trên khổ*
- 6- *Tướng đoạn tận*
- 7- *Tướng ly tham*
- 8- *Tướng đoạn diệt*
- 9- *Tướng vô ngã*
- 10- *Tướng nhàm chán trong các món ăn*
- 11- *Tướng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới*
- 12- *Tướng xương trắng*
- 13- *Tướng trùng ăn*
- 14 - *Tướng xanh bầm*
- 15- *Tướng nứt nẻ*
- 16- *Tướng trương phồng”.*

“Này các Tỳ Kheo, mười sáu tướng này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh”. (Tăng Chi Kinh tập 4 trang 380).

CHÚ GIẢI:

Trong pháp tu hành của Phật, chúng ta được phép dùng tướng để tu tập. Nhưng chúng ta phải hiểu khi dùng tướng có ích lợi về việc ly dục ly ác pháp trên thân tâm của chúng ta, chứ không phải dùng tướng xuất hồn, tướng hào quang, ánh sáng, tướng Nhân điện, tướng Khinh công, Khí công,

Nội công, tướng Phật Tánh, tướng Cực Lạc, Thiên Đàng, tướng thế giới siêu hình, tướng trí tuệ Bát Nhã tánh không, tướng Chân Không diệu hữu...

Pháp tướng của Phật dạy là một loại tướng có như thật. Ý thức không thể thấu suốt quá khứ và vị lai, nó chỉ xác định được trong hiện tại. Vì thế, nó không thể chỉ có lấy thời gian hiện tại mà xác định được vô thường của các pháp. Muốn xác định được sự vô thường của các pháp, thì phải lấy thời gian hiện tại và quá khứ của mọi vật mà so sánh. Cho nên muốn biết được thân vô thường thì chúng ta nhớ tướng về thân quá khứ (bằng tướng thức) mà so sánh lại thân hiện tại (bằng Ý thức). Nhờ đó chúng ta mới nhận ra thân chúng ta có nhiều sự thay đổi. Sự thay đổi ấy là sự vô thường.

Cho nên mới gọi là tướng thân vô thường. Có nghĩa là ngay trong hiện tại thân chúng ta thường thay đổi liên tục từng sát na đi qua (trong từng giây). Tướng vô ngã, tướng chết... tướng xương trắng, tướng trùng ăn, v.v... đều dùng tướng uẩn mà quán xét như trên Đức Phật đã dạy thì chúng ta sẽ thấy các pháp vô thường, vô ngã, bất tịnh,... như thật.

Những loại quán tướng Đức Phật đã dạy trên đây là những loại quán tướng các pháp thấy như thật, chứ không phải là những loại quán tướng mơ hồ, ảo giác, trừu tượng như kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông phát triển dạy.

Những loại quán tướng này dùng tướng uẩn để quán xét sự thật của kiếp người, khiến cho chúng ta thấu suốt và thấy rõ bản chất thật của các pháp trên thế gian này. Nhờ đó chúng ta không bị chúng lừa đảo và mê hoặc.

Mười sáu đề mục quán tướng trên đây, nếu chúng ta chịu khó tu tập, làm cho tích tập, làm cho sung mãn thì có lợi ích rất lớn cho cuộc sống của chúng ta, nó giúp cho thân

tâm được an lạc và hạnh phúc. Và cuối cùng tâm có thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

Trên đây là lời Phật dạy, các bạn có tin chẳng? Nếu các bạn tin thì các bạn cứ quán tưởng theo từng đề mục, khi đề mục này có kết quả thì các bạn quán tưởng đến đề mục khác và cứ tu tập như thế cho đến viên mãn 16 đề mục thì các bạn sẽ thấy tâm tham, sân, si của các bạn không còn nữa, chừng đó các bạn đã nhập vào bất tử tâm định.

Sự quán tưởng 16 đề mục trên đây là để tu tập Định Vô Lậu. Định Vô Lậu là một loại định quán tưởng tuyệt vời để đi đến chứng Thánh quả A La Hán. Xin các bạn lưu ý: Vì pháp quán tưởng này dùng để tâm nhằm chán các pháp thế gian và nhờ đó mới diệt ngã xả tâm, ly dục ly bất thiện pháp hoàn toàn, chứ không như pháp môn của Đại Thừa và Thiền Tông dùng tưởng pháp (thấy các pháp như mộng, như huyễn) để tránh né và để ức chế tâm cho hết vọng tưởng, cuối cùng rơi vào định tưởng (chẳng niệm thiện niệm ác), mà tâm chẳng ly tham đoạn ác pháp.

Qua 16 đề mục quán tưởng để tâm nhằm chán, nhờ có nhằm chán tâm mới xa lìa tham, sân, si mạn, nghi. Theo pháp quán tưởng này các bạn cứ suy ngẫm lại có đúng không? Chúc các bạn thành công tốt đẹp trên pháp hành này.

MA ĐỀ

Hỏi: Kính thưa Thầy? Cách đây khá lâu con bị tình trạng ma đề hay bóng đề (theo cách gọi dân gian). Toàn thân con bị tê cứng, con không điều phục được gì, ngoại trừ hơi thở, lúc đó vô tình con nhớ đến pháp môn Định Niệm Hơi Thở của Thầy bèn tác ý “hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra”.

Chỉ trong hai hơi thở con đã phục hồi trạng thái thân thể bình thường không cần xoa bóp chỗ tê như những người

*khác đã từng bị ma đè. Điều này được lý giải như thế nào?
Xin Thầy chỉ dạy.*

Đáp: Ma đè là một trạng thái tướng, khi ngủ nửa tỉnh nửa mê, tình trạng này sắc uẩn chưa ngưng nghỉ thần kinh tron ven, còn tướng uẩn mới bắt đầu hoạt động nên cũng chưa hoạt động tron ven, khiến thân con bị cứng không động đậy được, miêng chỉ ú ó, chứ không kêu la được như người ngủ mơ. Người bị ma đè cố gắng vùng vẫy cho đến khi tỉnh hẳn thì trạng thái ma đè biến mất.

Một người ngủ say thì không bị ma đè; một người ngủ trong chiêm bao cũng không bị ma đè, chỉ có người ngủ nửa tỉnh nửa mê, trạng thái ấy trong thiền định của Phật Giáo gọi là hôn tịch. Nhóm hôn tịch gồm có: Hôn trầm, thù miên, vô ký, hôn tịch, ngoan không, chiêm bao, v.v... đó là một nhóm trạng thái si mê, do tướng uẩn hoạt động. Tướng uẩn hoạt động điều khiển thần kinh chưa tron ven, nên lúc bấy giờ có một số thần kinh không hoạt động. Một số thần kinh không hoạt động, nên người ngủ nửa tỉnh nửa mê mới có cảm giác thân bị đè nặng và không động đậy được.

Ở đây, không có ma đè mà có một số thần kinh nghỉ ngơi chưa hoạt động trở lại bình thường trong khi còn đang ngủ nên cảm thấy thân cứng đơ.

LÒNG THƯƠNG VÔ BỜ BẾN CỦA MỘT VỊ THẦY

Hỏi: Kính thưa Thầy, con không có tài, cũng chưa có đức độ bao nhiêu. Nếu được Thầy chấp nhận cho ở lại tu học thì con cũng cố gắng nghe và thực hành theo sự chỉ dẫn của Thầy cho đến tận cùng đường tu, dù có cực khổ, gian nan, đói khát con cũng không hề than thở.

Đáp: Thầy hoan hỷ và rất xúc động, khi nghe con nói lời thiết tha đầy nhiệt huyết tu hành, thì làm sao không chấp nhận. Con đã có quyết tâm, có bền chí tu tập đến nơi đến chốn, không bỏ cuộc giữa đường tu thì nhất định không bao giờ bỏ con bơ vơ trên đường tu tập, mà phải hướng dẫn tận cùng đến nơi đến chốn, để có đủ tài, đủ đức, để hoàn thành được con đường giải thoát, nhất là nói lên tiếng nói chân thật của Đạo Phật và cũng là chấn hưng Phật Pháp mà từ xa xưa đã bị Bà La Môn Giáo dim mất chân pháp của Đức Phật. Trừ ra, con nhận thấy con đường tu theo Đạo Phật xả tâm quá khó khăn và sống một đời sống thiếu dục tri túc khiến cho con không thoái mái để chịu được, cũng như rèn luyện đức hạnh làm người không làm khổ mình khổ người thì các con cảm thấy như mình chịu thiệt thòi nhất, trong cuộc sống thường tình của thế gian, các con phải chịu kham nhẫn mọi mặt và mọi người luôn luôn chà đạp giày xéo lên tâm hồn của các con mà các con không bao giờ có ăn thua đủ với ai cả, vì đó là những Thánh hạnh của những bậc vĩ đại thoát ra khỏi cuộc đời thế tục thường tình. Cho nên các con có thể bỏ cuộc thì Thầy cũng chẳng biết làm sao hơn chỉ biết nhìn theo bước chân, nhưng rất thương tâm không biết cách nào để cứu và lôi các con ra khỏi những tư tưởng vô minh đen tối của những kẻ phàm phu tục tử chỉ biết tự ái và danh dự hão của thế gian, Vì bao đời tư tưởng vô minh này đã giết loài người chết trong đau khổ, chết trong ác pháp. Người ta luôn luôn đại đột sống với bản ngã anh hùng, sống với mặc cảm, với tự ái, với bản tính anh hùng. Anh hùng, mặc cảm, tự ái đối với Đạo Phật, nó là chướng ngại pháp, là ác pháp, là pháp làm khổ người khổ mình. Người đời cho nó là danh dự phải bảo vệ, phải ăn thua đủ còn đối với Đạo Phật cho nó là chướng ngại pháp, là địa ngục.

Trải qua một thời gian tu tập khá dài mà không thấy có thần thông chút nào cả, chỉ sống trong những ngày cô đơn buồn tẻ và có nhiều sự tức tối, buồn phiền, cho nên các con ngã lòng tìm cầu một pháp môn khác thì Thầy cũng đành bó tay trước nghiệp duyên của các con mà thôi, chỉ vì các con không đủ niềm tin với chánh pháp của Đức Phật nên đành phải rẽ sang đường khác, như huynh đệ của các con, thì Thầy cũng đành nhìn theo bóng dáng của những người đệ tử thân thương của mình, dù một ngày các con về đây tu học, nhưng tình Thầy trò không bao giờ phai mờ. Rồi đây dòng đời sẽ dẫn dắt các con đi vào con đường mờ mịt của kiếp người đầy gian truân và cay đắng.

Gần hai mươi sáu năm từ 1980-2005, Thầy bỏ ra công lao, biết là bao nhiêu, kể sao cho hết, để hướng dẫn đào tạo một số người có giới đức làm Người làm Thánh, nghiêm chỉnh nhất là áp dụng phương pháp độc cư để cho mọi người phòng hộ sáu căn, thúc liễm thân tâm, lìa xa các chương ngại pháp, để thực hiện tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ tức là để tâm hoàn toàn ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền, nhưng mọi người chịu ảnh hưởng của kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ nên tu tập cứ ức chế tâm, không nghe lời Thầy dạy sống độc cư, cứ hết giờ ngồi thiền ức chế tâm thì lại tìm gặp nhau để nói chuyện; có người bảo là đã nhập được Tam Thiền, Tứ Thiền; có người bảo là đã nhập định vong thân; có người bảo là đã có thần thông bay lên hư không; có người bảo là tịnh chỉ hơi thở; có người bảo là không còn nghe âm thanh v.v...nhưng tất cả các con đều lên lút Thầy phá hạnh độc cư, tìm cách nói chuyện với nhau. Cuối cùng có một người đệ tử thẳng thừng không chấp nhận hạnh độc cư của Thầy, xin Thầy cho phép tiếp chuyện với vợ con và bạn bè, chỉ một thời gian ngắn tu chứng thần thông sẽ dạy lại Thầy.

Bởi vậy, thời sau này con người tu hành chưa ra gì mà muốn hơn Phật như các Tổ Long Thọ, Thế Thân, Vô Trước, Mã Minh, rồi bây giờ các đệ tử của Thầy cũng vậy, họ muốn tu tập hơn thầy, chỉ vì Thầy không có thể hiện thần thông, trong lúc họ là những người đang cần thần thông. Người tu sĩ Đạo Phật mà ham mê thần thông là đi ngược lại Đạo Phật.

Những người tu hành theo Đạo Phật phá hạnh độc cư mà muốn chứng đạo thì cũng như lấy cát nấu cơm, làm sao mà thành cơm được.

Số đệ tử của Thầy không ngờ đến giờ phút cuối cùng thì Thầy bắt buộc họ phải sống độc cư trọn vẹn một trăm phần trăm thì họ lại bẻ ngang phá độc cư rồi bỏ cuộc tu hành. Họ đâu ngờ Thầy khép chặt họ vào hạnh độc cư cốt để họ xả tâm cho rốt ráo, hoàn toàn ly dục ly ác pháp để họ nhập được thiền đầu tiên của Đạo Phật, đó là “Sơ Thiền” hay nói một cách khác là giúp cho họ nhập được bất động tâm định để họ làm chủ được đời sống, nhưng họ lại không chấp nhận hạnh độc cư, họ còn bảo rằng: *“Đức Phật không có dạy độc cư, Đức Phật đã phá chấp hạnh độc cư, vì trước kia Đức Phật đã tu theo pháp độc cư của ngoại đạo, khi thấy một bóng dáng người thì Đức Phật đã chạy trốn mất không để ai gặp mình cả, do sự độc cư như vậy Đức Phật không tìm thấy sự giải thoát nên Ngài bỏ độc cư theo kiểu đó !”*.

Đệ tử của Thầy không hiểu sự độc cư là phòng hộ sáu căn nên họ lấy bài kinh Sư Tử Hống trong kinh tạng Pali này mà chống lại Thầy. Họ đâu biết rằng độc cư của Đạo Phật là giữ gìn tâm không phóng dật, vì vậy độc cư của Đạo Phật là phòng hộ sáu căn, là pháp xả tâm, ly dục ly ác pháp, độc cư của Đạo Phật là cấm nói chuyện phiếm, chuyện vô ích, độc cư của Đạo Phật còn có nghĩa là tránh xa sự ồn náo, sự ham vui của thế tục. Những người còn ham vui còn thích

hội họp nói chuyện thì đi tu theo Đạo Phật chỉ mất thì giờ vô ích, vì những người này không bao giờ xả tâm được. Đạo Phật vốn xả tâm và chướng ngại pháp mà thành tựu đạo giải thoát. Hạnh độc cư là bí quyết xả tâm, nhờ có xả tâm nên mới có thiền định.

Tất cả đệ tử của Thầy không tin hạnh độc cư, vì vậy Thầy phải đem 42 bài kệ dạy độc cư của Đức Phật ra chứng minh và rất nhiều bài kinh khác nữa của Phật dạy về độc cư trong kinh Nguyên Thủy Nikaya, thế mà họ vẫn không tin. Thầy Minh Tông còn thách thức với Thầy: *“Xin Thầy cho con tiếp vợ con và bạn bè, con sẽ thực hiện tu chứng giải thoát bằng một con đường khác không cần hạnh độc cư và thể hiện thân thông cho Thầy xem như trên đã nói”*.

Phần đông số đệ tử của Thầy không tin pháp của Thầy dạy tức là không tin pháp của Phật dạy, họ là những người muốn hơn Phật, muốn đưa ra một đường lối tu tập mới, nhưng cuối cùng cũng giống như Long Thọ, Thế Thân, Vô Trước, Mã Minh v.v... chỉ có giỏi lý luận ngôn ngữ mà thôi. Thầy cũng để nhìn xem những người đệ tử muốn hơn Phật, hơn Thầy sẽ làm được những gì lợi ích cho bản thân của họ.

Nếu quyết tâm tìm cầu con đường giải thoát sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi thì con nên bền chí mà tu tập pháp hướng tâm **“Như lý tác ý”**, pháp này phải bền chí lắm mới có hiệu quả. Hằng ngày phải cố gắng buông xả các chướng ngại pháp trong tâm, khi các pháp này thường hiện khởi trên bốn chỗ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Nếu con đẩy lui được thì tức khắc con có sự giải thoát nơi thân tâm con, thân tâm con sẽ được thanh thản an lạc và vô sự.

Đạo Phật tu hành không khó, khó là chỗ người ta không biết tu sai thành ức chế thân tâm và nhất là chỗ không dám buông xả đời sống thường tình thế tục, do chỗ tu sai và

không dám bỏ đời sống thế tục, nên tu hành chỉ có hình thức, chứ không có giải thoát rốt ráo được.

Tu theo Đạo Phật không phải chỗ ngồi thiền, chỗ đi kinh hành mà chỗ đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm, nhưng mượn tư thế ngồi, tư thế đi kinh hành là để dễ tỉnh thức xả tâm chướng ngại.

Xả hết tâm chướng ngại tức là ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp tức là xả ngũ triền cái và Thất kiết sử, chứ không phải xả vọng tưởng lăng xăng như Thiền Tông và kinh sách Đại Thừa dạy.

Con nên nhớ, sự tu tập này rất dễ dàng và thân tâm thoái mái dễ chịu, không có mệt nhọc, không có khó khăn, tu là có kết quả giải thoát ngay liền. Bình thường con nên tỉnh thức nhớ hướng tâm “*Tâm như đất không còn tham sân si nữa*” phải nhớ nhắc thường xuyên không được quên, quên tức là thiếu tỉnh thức, đó là với tâm bình thường còn tâm không bình thường đang bị chướng ngại pháp thì dùng Định Vô Lậu quán xét mà đẩy lui.

Đã quyết tâm theo Thầy tu tập đúng chánh pháp Phật Giáo Nguyên thủy thì phải cố gắng rèn luyện tu tập và bền chí nhẫn nại bám chặt theo những lời đã dạy để xả tâm cho thật sạch, suốt 24 tiếng đồng hồ không dụng công mà tâm định trên hơi thở, không dụng công mà khi đi tâm luôn định trên bước đi, đó là tâm xả sạch, tâm đã thanh tịnh, tâm ly dục ly ác pháp. Cách thức tu như vậy không khó chỉ có từng giây từng phút quan sát các chướng ngại pháp phát khởi tại bốn chỗ thân, thọ, tâm và các pháp, lúc không có chướng ngại pháp thì tâm sẽ định trên thân, còn khi có chướng ngại pháp thì con nên dùng Định Vô Lậu quán xét mà đẩy lui nó như trên đã dạy, đẩy lui nó cho đến khi tâm như đất, tâm con được như đất thì con đã hoàn toàn giải thoát.

Một người đệ tử quyết tâm tu hành để tìm cầu sự giải thoát, dù có gian nan khó khổ đến đâu cũng không lìa thiện hữu tri thức của mình, mặc dù nghịch cảnh có thử thách đuổi xô thậm tệ đi chăng nữa cũng chỉ để tạo đối tượng cho con xả tâm như đất mà thôi. Chính lúc bây giờ con áp dụng Định Vô Lậu quán xét nhân quả của mình để buông xả cái tâm oán ghét, giận hờn đó, chứ không nên như người thế tục có những gì trái ý nghịch lòng thì ôm lòng thù oán ghét giận, bằng chứng như con đã thấy, biết bao nhiêu người khi đến sống với Thầy để học tu hành đều bị thử thách, trắc nghiệm xem có xả tâm được hay không, tức là có sống đúng đức hạnh nhân bản làm người không làm khổ mình khổ người hay không? Khi mà mọi người được Thầy hướng dẫn và dạy tu tập rèn luyện những đức hạnh nhân nhục, tùy thuận, bằng lòng, nhưng cuối cùng mọi người nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng ngoài mặt mà trong lòng thì oán hận, cho nên thường tìm cách nói xấu thiện hữu tri thức của mình với mọi người để hạ nhục cho hạ cơn hận thù và khi rời khỏi tu viện lại còn nói xấu hơn. Các con là những người xa lạ từ những phương trời xa đến đây tu học, có thù có oán nhau đâu, có sao lại có những điều này xảy ra, những điều này xảy ra là do duyên nhân quả để rồi gặp nhau, gặp nhau để xả tâm, để ly dục ly ác pháp, để được giải thoát, để làm chủ được tâm hồn của mình, để làm chủ cuộc sống của mình, để học được những đạo đức không làm khổ mình khổ người, để trở thành những bậc Thánh nhân.

Một người Thầy dạy đạo đức giải thoát cho đệ tử thật là khó vô cùng, lòng thương yêu của vị Thầy ấy phải bao la như đất trời, tâm vị ấy như đất, như nước thì mới dám đem đạo đức này dạy người. Tại sao vậy?

Vì đạo đức này con người chưa bao giờ được nghe, được thấy, được học. Từ khi Đức Phật ra đời chỉ có một khoảng thời gian quá ngắn 100 năm thì được Ngài dạy đạo đức này

cho những người đệ tử của mình rồi từ đó về sau này không còn ai nhắc đến nữa, cho nên bây giờ đem đạo đức này ra dạy là một việc làm rất khó, khó vô cùng.

Một đạo đức giải thoát thật sự không làm khổ mình khổ người đem đến cho mọi người một cuộc sống an vui và hạnh phúc bằng những đức hạnh cao thượng nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng khiến cho mình vui, người khác vui. Nhưng khi áp dụng những đức hạnh cao thượng này vào những người đệ tử của mình, Thầy đã được trả một ơn quá lớn..., nhưng đối với học trò của mình thì Thầy rất thương yêu và tha thứ, nếu người học trò quyết tâm trở lại tu tập thì Thầy sẵn sàng hướng dẫn từng phương cách xả tâm để thực hiện đạo đức làm người, không làm khổ mình khổ người, vì Thầy nghĩ rằng cần phải có những người đầy đủ đạo đức nhân bản – nhân quả làm gương cho những người khác thì sau này dạy đạo đức mới dễ dàng hơn.

Con người trên hành tinh này đang cần có một nền đạo đức để đối xử và đem lại cho nhau những sự an vui và hạnh phúc. Thầy nghĩ rằng tại tu viện Chơn Như mới bắt đầu nhen nhúm một ngọn lửa đạo đức nhân bản - nhân quả của Đạo Phật ra dạy lần đầu tiên sau 100 năm Đức Phật nhập diệt, Thầy là người áp dụng đạo đức nhân bản - nhân quả vào những tu sĩ và cư sĩ ở đây trước tiên, khiến cho quý vị ở đây chao đảo, dao động gần như không chịu nổi, các tu sĩ và cư sĩ nam cũng như tu sĩ và cư sĩ nữ ở đây đều muốn bỏ cuộc.

Thầy là người đã am hiểu rất rõ đường lối tu tập thiền định của Đạo Phật, nhất là phải xả tâm như đất thì mới có thiền định, mà muốn xả tâm được như đất thì phải sống cho đúng ba đức ăn, ngủ, mặc và ba hạnh nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng, nhưng toàn bộ tu sĩ và cư sĩ nam và nữ ở đây không có một người nào sống đúng ba đức, ba hạnh.

Nếu sống không đúng ba đức, ba hạnh thì làm sao tâm như đất được mà tâm không như đất thì làm sao sống đúng đạo đức không làm khổ mình khổ người, mà còn làm khổ mình khổ người thì làm sao có giải thoát được.

Mỗi tu sĩ và cư sĩ về đây tu hành họ đều phạm vào ba đức, ba hạnh này nên cuối cùng họ phải ra đi, nhưng tâm nguyện của người Thầy thầm ước nguyện một ngày nào đó họ tỉnh ngộ, nhận ra ba đức, ba hạnh là một đạo đức cao thượng tuyệt vời không làm khổ mình khổ người để trở về rèn luyện đức hạnh làm gương sáng cho mọi người soi, để mọi người nương vào ánh sáng đạo đức đó mà sống không làm khổ mình khổ người đem lại cho thế gian này thành cõi Thiên Đàng, Cực Lạc.

Một vị Thầy luôn luôn tâm niệm có những người đệ tử tu tập không phải vì mình mà vì mọi người thì mới có đủ nghị lực kiên cường sống đúng ba đức, ba hạnh, hầu hết tất cả tu sĩ và cư sĩ về đây tu tập, tu cho cá nhân chứ chưa có người nào có nguyện ước tu vì mọi người.

Bởi con đường tu hành của Đạo Phật rất khó, nếu nghĩ tu cho cá nhân mình thì chẳng bao giờ sống đúng đạo đức không làm khổ mình, khổ người được.

Vì thế mỗi khi có một người đệ tử ra đi là lòng của vị Thầy xót xa thương tưởng cho người đệ tử của mình đang đi vào bước đường cùng trong đêm đen u tối, bởi vì vị Thầy đã biết duy nhất chỉ có một con đường Giới, Định, Tuệ của Đạo Phật sẽ đưa họ đến nơi giải thoát hoàn toàn và chấm dứt đau khổ của kiếp làm người, ngoài ra không còn giáo pháp nào hơn nữa. Nếu họ bỏ Giới, Định, Tuệ mà đi tìm một giáo pháp khác là họ đã tự mở cửa bước vào địa ngục.

Cho nên những người học trò của Thầy ra đi là lòng Thầy bồi hồi thương tiếc một kiếp người vô duyên với Phật pháp,

vô duyên với sự giải thoát, đáng thương nhất là những người đệ tử theo Thầy tu hành mà đắm mê thần thông, sau thời gian theo Thầy tu tập chỉ mong Thầy thể hiện thần thông, nhưng họ thất vọng vì Thầy không thể hiện thần thông, từ đó họ nghi Thầy không có thần thông, nên lần lượt họ bỏ ra đi, nhìn những người đệ tử này ra đi mà Thầy buồn ngùi xót xa. Tại sao người ta vô minh quá vậy? Tu có thần thông để làm gì? Để khoe khoang làm trò ảo thuật cho thiên hạ xem chơi, để được ca ngợi, tán thán, chứ có ích lợi gì cho mình cho người đâu. Phải không các con?

Tâm tham vọng của những người này quá cao, muốn cho mình trở thành siêu nhân hơn tất cả mọi người trong thế gian này. Hơn tất cả mọi người trong thế gian này để làm gì? Để làm bá chủ toàn cầu. Nếu muốn trở thành siêu nhân như vậy thì nên qua Tây Tạng tu tập với các vị Lạt Ma chứ theo Đạo Phật thì không có dạy điều đó mà chỉ dạy cho chúng ta làm người có đạo đức không làm khổ mình khổ người, được như vậy thế gian này là Thiên Đàng thì chúng ta đã mãn nguyện lắm rồi.

Hỡi các người đệ tử của Thầy! Các con có hiểu nỗi lòng của Thầy chăng? Thầy chỉ mong các đệ tử hãy tin nơi Thầy, Thầy sẽ dẫn dắt các con trên con đường đạo đức nhân bản nhân quả làm người, thoát ra khỏi bản chất của loài cầm thú để trở thành thật sự là con người thật, con người có một tâm hồn cao thượng không làm khổ mình khổ người, các con theo Thầy quyết tìm con đường thoát khổ, có sao các con không chịu buông xả những thói đời thường tình của mình, để làm chi ôm ấp sự đau khổ trong lòng; có sao các con không chịu buông xả những kiến chấp thần thông của Mật Tông, lý luận mơ hồ trừu tượng ảo giác của Thiên Tông và mê tín, dị đoan của Tịnh Độ Tông mà chính những điều Thầy dạy đạo đức nhân bản - nhân quả lợi ích cho mình cho người thì các con lại xem thường lại bỏ đi, để đi

tìm những cái cao siêu, cái cao siêu đó là cái mà các con đang bị các tôn giáo lừa đảo.

Nhìn những người đệ tử ngu si của mình đang lầm lạc trên đường tu tập, hầu hết mọi người đều bị các tôn giáo ru hồn vào cõi mộng siêu hình và thần thông. Một vị Thầy rất đau lòng và thương yêu những người đệ tử của mình, nhưng biết làm sao hơn khi họ đã gieo hạt giống đắng thì phải gặt lấy quả đắng, luật nhân quả quá khắc nghiệt, nếu những người đệ tử ấy không biết thay đổi hạt giống thì muôn đời ngàn kiếp phải chịu lấy quả cay đắng mà thôi, dù cho Thầy có thương yêu các con bao nhiêu cũng không thể làm gì được cho các con mà chính các con phải thương yêu các con, các con phải biết từ bỏ những cái sai và nhận lấy những cái đúng, cái sai cái đúng này không ai bỏ giúp cho các con được mà phải chính các con tự bỏ lấy.

Lòng thương yêu vô bờ bến của một vị Thầy các con đâu hiểu được, khi các con đến xin Thầy tu học, Thầy biết thói thường tình đời các con khó bỏ, nhưng trước lòng tha thiết của các con Thầy không nỡ nhẫn tâm từ chối, nhận rồi thì phải có trách nhiệm, nhưng những lời Thầy dạy mà các con vâng theo làm không sơ sót thì lòng Thầy vui sướng biết bao, nhưng khi các con làm không đúng lời dạy thì lòng Thầy đau xót vô cùng và biết rằng một ngày nào đó các con sẽ rời khỏi vòng tay của Thầy, vòng tay thương yêu tận tình đưa đường dẫn lối cho các con đi được an toàn và đến nơi đến chốn đạo đức nhân bản - nhân quả làm người không làm khổ mình khổ người. Điều này không làm thỏa mãn ước vọng của các con, vì tâm các con còn tham đắm một điều cao hơn.

Thế rồi các con lần lượt ra đi, đi với một lòng oán hận chỉ vì Thầy cấm không cho các con nói chuyện tào lao, phóng tâm phóng dật và cấm không cho các con tu theo những

pháp tà giáo ngoại đạo, nhưng làm sao cảm được lòng người, chỉ các con phải biết tự giác ý thức pháp nào đúng, pháp nào sai.

Rồi những buổi chiều hoàng hôn khi tắt nắng Thầy nhìn ra cổng chùa như hướng về một chân trời xa thăm nơi ấy có những người đệ tử của mình đang tu hành sai pháp, rồi đây chúng sẽ chôn vùi cuộc đời chúng trong biển khổ muôn đời muôn kiếp.

Lòng thương yêu của một vị Thầy vô bờ bến lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ những lỗi lầm bất nghĩa và thương yêu những người đệ tử của mình đến hơi thở cuối cùng.

*“Những buổi chiều tà mưa phủ trắng
Thầy cười tha thứ kẻ vong ân”.*

KHÔNG CHỐNG ĐỐI VÀ CHẠM

Hỏi: Kính thưa Thầy, câu “không chống đối và chạm”, và chạm là như thế nào? Nếu sống riêng một mình, không tiếp xúc, không va chạm thì tu hành có được không?

Trong cảnh động muốn tránh va chạm thì phải sống như thế nào? Có phải giữ gìn thân, khẩu, ý hay không?

Đáp: “Không chống đối và chạm” không có nghĩa là sống một mình.

Không chống đối tức là nhẫn nhục; không va chạm tức là tùy thuận.

Sống chung đụng với nhau biết nhẫn nhục, tùy thuận là sống không chống đối và chạm.

Giữ gìn thân, khẩu, ý tức là tu tập hạnh nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

Nếu sống riêng một mình không chống đối không va chạm với ai thì tu hành dễ dàng không khó, nhưng phải hiểu rõ các pháp tu và còn phải biết cách tu tập cho đúng pháp, chỉ cần tu sai một tí là lọt vào thiên ức chế tâm rất là nguy hiểm, hoặc sống không đúng cách cũng có thể rơi vào sự ức chế tâm.

Cho nên sự tu hành có va chạm, có chống đối thì ít bị ức chế tâm. Tại sao vậy?

Tại vì có đối tượng nên thấy được tâm mình còn tức giận hay hết tức giận rõ ràng. Nếu thấy được tâm mình còn phiền não giận hờn hay tức tối thì cố gắng xả ly đẩy lui các chướng ngại pháp đó để tâm được thanh thản, an lạc, còn nếu không đẩy lui các chướng ngại pháp đó mà cứ để trong tâm ôm áp, đó chỉ là những người chưa biết cách tu, người chưa học đạo đức làm người, người còn vô minh, ngu si, đại dốt cứ để ôm áp sự đau khổ đó trong lòng, người không trí tuệ thường sống ngược lại với người biết tu, người có trí tuệ đạo đức nhân bản nhân quả, họ chẳng ngu gì mà để ôm áp sự đau khổ trong tâm như vậy, họ luôn luôn sáng suốt và nhất định dù một giây một phút cũng không để ác pháp trong tâm.

Trong cảnh động muốn tránh va chạm thì phải sống phòng hộ khẩu hành, nghĩa là phải giữ gìn miệng lưỡi, không được nói chuyện phiếm, chuyện tào lao, chuyện người khác, không có ý kiến trong tất cả mọi việc, ai làm gì mặc họ, mình chỉ biết giữ gìn tâm và ý của mình lúc nào cũng thanh thản, an lạc, vô sự, ngoài chuyện thanh thản, an lạc của tâm, nhất định mình không để ý chuyện gì khác như lời Đức Phật đã dạy: “*Chuyện mình, mình biết chuyện người, người hay*”. Biết chuyện người thì tâm bất an tức là tâm phóng dật, biết chuyện mình là để xả tâm ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp là tâm thanh thản, an lạc, đó là một trạng

thái tâm giải thoát không còn khổ đau tức là tâm không phóng dật, tâm không phóng dật tức là tâm thiền định.

Người tu hành mà sống đúng cách, biết phòng hộ sáu căn, giữ gìn tâm ý không tham dự vào chuyện của ai cả thì người ấy sống độc cư trọn vẹn. Sống độc cư mà không ức chế tâm đó là đời sống của con tê ngu một sừng. Suốt ngày gặp mọi người mà không ai tác động được vào tâm tư của mình đó là sống độc cư. Có nhiều người hiểu độc cư là trốn tránh né mọi người, riêng ở trong cảnh một mình không dám gặp ai hết như lúc Đức Phật tu tập hạnh độc cư của ngoại đạo. Ngài ở trong một khu rừng hoang vắng hễ thấy bóng dáng có người là Ngài trốn chạy chưa từng để cho ai gặp mình cả, đó là độc cư ức chế tâm.

Tóm lại, sống chung với mọi người nhưng không nói chuyện với ai cả, ai hỏi thì trả lời, không hỏi thì không kiếm chuyện nói, sống mà cứ lo giữ gìn tâm mình thanh thản, an lạc và vô sự, đó là độc cư, độc bộ, độc hành, đó là im lặng như Thánh. Suốt ngày sống với mọi người mà chỉ có một mình, sống như vậy không bao giờ có va chạm, đó là sống phòng hộ sáu căn giữ gìn tâm ý. Người sống được như vậy thì sự tu hành không bao lâu sẽ thành đạt, nghĩa là người ấy sẽ đạt được Thiền Định và Tam Minh một cách dễ dàng không mấy khó khăn và mệt nhọc.

Bởi vậy, người biết sống độc cư như vậy là người tu đúng pháp, không bao giờ sợ sai pháp. Sống độc cư được như vậy tức là đã biết ôm pháp tu hành, lúc nào cũng không lìa pháp, vì thế tâm hồn họ thanh thản, an lạc và vô sự, đó là một trạng thái giải thoát của người tu theo Đạo Phật.

GIÁO ÁN TU TẬP QUÁ NHIỀU,

KHÔNG BIẾT PHÁP NÀO TU CHO KẾT QUẢ?

Hỏi: *Kính thưa Thầy, giáo án tu tập thì mênh mông, như hiện nay con thực hiện như thế nào để đạt kết quả viên mãn trong cảnh động.*

Đáp: Trong cảnh động con nên tu tập, nhưng cũng tùy theo đặc tướng của con hợp với pháp nào nên lấy pháp ấy tu hành. Nghĩa là pháp ấy có kết quả giải thoát rõ ràng đối với bản thân của mình như:

Phòng Hộ Sáu Căn
Tứ Vô Lượng Tâm
Tứ Chánh Cần
Tứ Bất Hoại Tịnh
Thiếu Dục Tri Túc
Chánh Niệm Tĩnh Thức
Định Niệm Hơi Thở
Định Vô Lậu
Định Sáng Suốt
Trạch Pháp
Hương Pháp
Quán Pháp
Đoạn Dứt Pháp
Viên Ly Pháp
Tùy Pháp
Nhẫn Pháp
Tịnh Chỉ Pháp
Ức Chế Pháp
Xả Pháp
Từ Khước Pháp.

Trong hai mươi pháp này Thầy sẽ chọn cho con để con tu tập cho dễ dàng, về cuộc sống thì con nên chọn bốn pháp như:

Phòng Hộ.
Thiếu Dục Tri Túc.
Nhẫn Pháp.
Từ Khước.

Về các pháp tu tập thì con nên chọn sáu pháp như:

Tứ Chánh Cần.
Chánh Niệm Tỉnh Giác.
Định Niệm Hơi Thở.
Định Vô Lậu.
Định Sáng Suốt.
Pháp Hướng Tâm.

Trong sáu pháp này Thầy sẽ chọn gọn lại cho con để con có một pháp duy nhất tu tập hằng ngày đêm, đó là Định Vô Lậu câu hữu với Thân Hành Niệm nội ngoại trên bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp để ngăn ác diệt ác pháp và không cho tâm con dính mắc vào các pháp ấy.

Nếu con quyết tâm tu hành để cầu giải thoát thì các pháp duy nhất này sẽ giúp con mãn nguyện trên đường tu tập, chỉ còn tu tập đúng theo lời dạy của Thầy và có nhiệt tình quyết tâm thì thời gian không còn lâu, nếu không quyết tâm nhiệt tình thì sự tu tập không biết bao lâu mới xong.

Phải cố gắng lên con ạ! Cuộc đời chẳng có gì là của chúng ta cả, chỉ toàn là một trò ảo ảnh lừa đảo con người mà thôi, khi đã chết đi rồi, danh cũng không còn, của cải, tiền bạc châu báu ngọc ngà, còn có vật gì mà mang theo chúng ta được, thân này cũng không còn là ta, thì còn gì là ta nữa, của ta nữa thôi hết rồi chỉ còn một nghiệp lực khổ đau tiếp diễn luân hồi tái sinh rồi lại tiếp tục trò ảo ảnh của cuộc sống này nữa mãi mãi muôn đời muôn kiếp.

Tóm lại, hằng ngày con nên quan sát thân, thọ, tâm và pháp, trên bốn chỗ này có chướng ngại pháp thì con hãy

mau mau đẩy lui nó khỏi thân tâm con thì ngay đó là con giải thoát, đó là một pháp duy nhất mà Thầy chọn cho con để đem lại cho con một sự giải thoát chân thật nơi tâm hồn, con hãy cố gắng lên con ạ !

SẮC DỤC

Hỏi: Kính thưa Thầy, tâm sắc dục là gì? Đối trị nó thế nào?

Đáp: Tâm sắc dục là lòng thương yêu giữa trai gái gồm có tình yêu và tình dục.

Muốn đối trị tâm này, người tu sĩ và người cư sĩ phải tu tập Định Vô Lậu, quán xét như:

Quán xét tâm sắc dục bất tịnh, uế trước, bản thúu...

Quán thân bất tịnh.

Quán tử thi sinh trưng hôi thúi.

Quán xương trắng.

Quán xét tâm sắc dục, trong nhân quả nối tiếp sanh tử luân hồi nhiều đời, nhiều kiếp khổ đau, không những một người mà nhiều người.

Quán xét tâm sắc dục, trong 12 nhân duyên hợp lại tạo thành một thế giới khổ đau triền miên, bất tận.

Quán Tứ Diệu Đế.

Quán xét sắc dục, trong đời sống vợ chồng nghèo đói, con cái nhe nhóc thiếu ăn thiếu mặc, không được học hành tới nơi tới chốn.

Quán xét sắc dục, trong đời sống đôi vợ chồng gây gổ đánh nhau, chửi mắng la khóc.

Quán xét sắc dục, trong đời sống vợ chồng ghen tuông.

Quán xét sắc dục, khi người phụ nữ đang sanh.

Quán xét sắc dục, khi người phụ nữ ôm con nuôi nặng cho đến lớn khôn.

Sắc dục là con đường đi tái sinh luân hồi của tất cả các loài động vật, không riêng gì loài người, cho nên trên đời này không có người nào thoát khỏi, chỉ vì sắc dục có mùi vị dục lạc cám dỗ rất mạnh khiến cho ai cũng đắm mê.

Dục lạc của sắc dục chỉ chốc lát mà để lại cho con người biết bao nhiêu là sự khổ đau của cả một đời người.

Con đường tái sinh luân hồi ai cũng biết đó là sắc dục, muốn chấm dứt tái sinh luân hồi mà không dứt tâm sắc dục thì làm sao mà tránh khỏi tái sinh luân hồi được.

Có người bảo rằng: “Nếu mọi người trên thế gian này ai cũng ngăn chặn và tránh sắc dục thì con người trên hành tinh này sẽ không còn nữa, loài người sẽ tuyệt chủng”. Nếu mọi người ai cũng không đi vào con đường sắc dục thì trong môi trường sống này sẽ có một loài động vật sanh ra nơi thanh tịnh và cao quý hơn.

Loài động vật sanh ra có bốn chỗ sanh:

Hóa sanh.

Thấp sanh.

Noãn sanh.

Thai sanh.

Trong bốn loại sanh này có hai loại sanh không đi vào con đường sắc dục, đó là hóa sanh và thấp sanh còn noãn sanh và thai sanh thì phải đi vào đường sắc dục. Từ thấp sanh, noãn sanh và thai sanh đi vào con đường bất tịnh ô uế bản thủ để tạo môi trường hợp duyên sản sinh các loài động vật.

Hóa sanh, các con đùng hiểu sự biến hóa ra con người, mà là sự chủ động phối hợp các duyên để sản sanh ra một con người bằng một khả năng tâm lực, mà chỉ có những người tu hành lìa khỏi các duyên hợp bất tịnh và đoạn dứt tâm

dục thế gian thì mới có đầy đủ tâm lực hòa hợp các duyên trong môi trường sống tạo nên một con người hoàn thiện, hoàn thiện cả thân và tâm, có nghĩa là thân tâm của người hóa sanh thanh tịnh không còn một chút dục và ác pháp.

Như vậy, trên hành tinh này sẽ có một số lượng con người được sanh ra theo sự chủ động của con người và những con người hóa sanh này sẽ có một tuổi thọ theo ý muốn của loài người.

Như chúng tôi đã nói ở trên, do tâm lực mà người tu hành tạo ra khi họ còn mang thân ngũ uẩn, thân ngũ uẩn là một loại thân bất tịnh được sanh ra nơi con đường sắc dục, con đường ô uế, bản thủ.

Nếu con người toàn bộ đều chấm dứt con đường sắc dục thì thế gian này rất thanh tịnh và con người sẽ xuất hiện bằng con đường hoá sanh. Con đường hóa sanh là con đường chủ động sanh ra chứ không phải như con đường sanh sản bị động như thập sanh, noãn sanh và thai sanh. Nếu trên thế gian này con người không sợ nạn nhân mãn cứ để tự do theo đường sắc dục mà sanh đẻ thì trái đất này sẽ không còn chỗ ở và cũng không có lấy vật gì để đủ ăn mà sống.

Kế hoạch hóa gia đình là chiến lược hàng đầu của thế giới chống nạn nhân mãn, cho nên sự sanh sản đi qua nẻo sắc dục là một sự lo lắng và đau khổ nhất của loài người, nhưng con người cứ mãi đấm đuổi trên sắc dục mà không thấy sự khổ đau, sự lo lắng, sự ưu tư mà những người trí hiểu biết đang tìm mọi cách thoát ra con đường tái sanh bản thủ nguy hiểm và đau khổ này.

Đạo Phật đã thấy được điều này, vì vậy Ngài chủ trương tuyệt dục để chấm dứt con đường thai sanh, khiến cho loài người không còn khổ đau nữa.

Nếu như vậy, trên hành tinh này loài người sanh ra bằng con đường hóa sanh thì sẽ có một số lượng con người vừa đủ để sống không thừa, không thiếu. Tại sao vậy?

Vì con người chủ động sự sanh sản bằng cách hoá sanh, sanh mà không bị sắc dục lôi cuốn, sanh mà không bị sự đam mê của dục lạc, sanh mà không bị đau khổ, tự tại thật là hạnh phúc biết bao, sanh mà không bị động như ba loại sanh sản kia.

Như vậy chúng ta nên chọn lấy con đường sanh sản nào hơn, nếu chọn con đường sanh sản hóa sanh thì chúng ta phải chấm dứt con đường sanh sản bằng tình dục. Con đường sanh sản bằng tình dục là con đường sanh sản bản thủ hôi thúí bất tịnh, ứế trước, khổ đau, cho nên loài người sanh ra trên hành tinh này đều vô minh dù là một nhà bác học vẫn là vô minh. Tại sao vậy?

Tại vì sanh ra từ con đường bất tịnh, ứế trước, hôi thúí, dục lạc hèn hạ, ích kỉ, dơ bẩn giữa đôi trai gái. Cho nên nhà bác học cũng còn mang bản chất vô minh, còn tự làm khổ mình khổ người, có nghĩa là nhà bác học vẫn ăn thịt chúng sanh, vẫn còn tham muốn, vẫn còn sân hận, vẫn còn buồn lo, sợ hãi, phiền não, bất toại nguyện, v.v... Những con người còn mang bản chất này là còn vô minh, u tối, đại dột, ngu si dù là họ có những bằng Tiến sĩ.

Người ta nghĩ rằng con người là một con vật thông minh, biết sáng tạo, sang chế ra mọi thứ vật chất để phục vụ con người, nhưng con người đã làm to dù phục vụ con người có tiện nghi thế nào đi nữa, thì con người càng khổ đau nhiều hơn vì sự sanh, già, bệnh, chết con người không giải quyết được, cuối cùng những nhà bác học vẫn đau khổ, phiền não, bất toại nguyện vì lòng tham, sân, si trong cuộc sống của họ; họ vẫn khổ đau vì thân già yếu lụm cùm; vẫn khổ đau vì các chứng bệnh; vẫn khổ đau vì phải chết.

Hiện giờ khoa học đang ráo riết đưa ra những đề án để giải quyết sanh, già, bệnh, chết của loài người, nhưng nếu con người còn sống trong dục thì những đề án này khó thành công.

Cách đây 2548 năm Đức Phật là người đầu tiên đưa ra đề án này để giải quyết sanh, già, bệnh, chết của loài người, đề án đó đã trở thành một chân lý của loài người “*Tứ Thánh Đế*”. Nếu con người trên hành tinh này thực hiện Tứ Thánh Đế là để giải quyết sanh, già, bệnh, chết thì phải đi về ngã hóa sanh, chứ không thể còn có con đường nào khác hơn nữa được.

Trên hành tinh này có nhà bác học nào đã thoát ra khỏi bốn sự đau khổ này chưa? Cho nên vật chất của các ông sáng tạo ra đối với người vô minh thì nó là phục vụ tiện nghi cho đời sống con người, nhưng đối với người có trí hiểu biết thì rất lo lắng nó là tai họa của loài người. Tại sao người ngu cho những phát minh sáng tạo ra vật chất phục vụ tiện nghi cho con người là hạnh phúc còn người trí thì cho là tai họa?

Tại vì người ta sanh ra nơi con đường tình dục nên phải ngu si thấy vật chất cho là hạnh phúc, chứ kỳ thực nó là một đối tượng để con người chà đạp lên nhau, xâu xé lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, làm khổ cho nhau, trừ ra khi nào con người tránh sanh nơi con đường tình dục thì vật chất phát minh sáng tạo ra kia mới là hạnh phúc chân thật.

Đạo Phật ra đời giúp con người sanh ra bằng con đường hoá sanh, vì thế Ngài dạy chúng ta “Ái dục” là khổ đau, là vô thường cần phải chấm dứt. Nếu loài người ai cũng biết và hiểu được như vậy thì nên cố tránh xa con đường tình dục, vì con đường đó sản sanh ra con người u mê, uế trước, bất tịnh, vô minh, vô thường, khổ đau và luôn luôn chịu chi phối trong luật nhân quả sanh, già, bệnh, chết.

ĐIỀU PHỤC TÂM MÌNH

LỜI PHÁT DẠY

“Dạy người như thế nào ?

Hãy dạy mình như vậy.

Khéo điều, mới điều người .

Khó thay tự điều phục”. (Kinh Pháp Cú XII: Phẩm Tự Ngã (159).

CHÚ GIẢI:

Thường ở đời người ta hay đem đạo lý này đạo lý kia ra dạy người khác, nhưng chính bản thân chưa làm đúng những đạo lý ấy. Cho nên Đức Phật dạy:

“Dạy người như thế nào ?

Hãy dạy mình như vậy”

Điều tâm là một việc làm rất khó, nếu ai có tu tập thì mới biết. Khó vô cùng khó là phải điều tâm cho đúng cách, nếu điều tâm không đúng cách thì bị ức chế tâm; ức chế tâm là tự làm khổ mình, con đường tu hành chẳng đi đến đâu cả. Điều phục được tâm mình tức là làm chủ được tâm. Làm chủ được tâm có nghĩa là tâm ham thích một việc gì thì không làm theo.

Ví dụ 1: Tâm muốn ăn, ngũ phi thời thì không làm theo ăn ngũ phi thời, đó là điều phục tâm.

Ví dụ 2: Tâm tức giận, sân hận một người nào đó, ta không làm theo như vậy, luôn giữ tâm thanh thản, an lạc và vô sự, đó là điều phục tâm.

Ví dụ 3: Khi thân bị bệnh đau nhức ta giữ tâm bất động, không dao động, không hề sợ hãi, không sợ chết, không lo bệnh nặng hay nhẹ, không đi bác sĩ uống thuốc này, thuốc nọ, để trấn áp tinh thần, v.v... đó là điều phục tâm, chứ

không phải điều phục tâm theo kiểu Đại Thừa và Thiên Đông Độ là tập trung tâm cho hết vọng tưởng.

Khi điều phục tâm được như vậy thì tâm được thanh thân an lạc và vô sự. Khi tâm ta sống được an lạc và vô sự thì ta mới dạy người điều phục, như kinh dạy:

*“Khéo điều, mới điều người
Khó thay tự điều phục”.*

Bài kệ này hàm ý Đức Phật dạy các đệ tử của mình, khi tu tập chứng đạo xong thì mới dạy người, còn nếu như tu chưa chứng đạo mà vội dạy người tu tập là dạy sai. Tại sao vậy?

Tại vì tâm mình còn như đồng rác bần chưa tự điều phục được: *“Khó thay tự điều phục”*. Vậy mà đi dạy người là dạy làm sao? Nhưng khi biết cách điều phục tâm, tâm không còn ương ngạnh tức là tâm không còn tham, sân, si. Tâm không còn tham sân si tức là tâm bất động; tâm bất động là tâm nhu nhuyễn, dễ sử dụng; tâm nhu nhuyễn dễ sử dụng là tu đã xong. Chừng ấy ta mới dạy người đâu có muộn. Phải không các bạn?

*“Khéo điều, mới điều người
Khó thay tự điều phục”.*

Mục đích tu hành của chúng ta là nhắm vào chỗ cứu mình ra biển khổ, chứ không phải làm thầy dạy người tu. Cho nên khi tu chưa xong mà dạy người thì làm sao người tu cho được. Phải không các bạn?

Hai câu đầu của bài kệ trên đây xin các bạn lưu ý: Đây là lời nhắc nhở của Đức Phật đối với những người tu chưa chứng mà đi giảng đạo. Phần đông các giảng sư dạy người tu rất hay, nhưng chính ông dạy ông rất dở.

Ví dụ: Các bậc tôn túc thường truyền dạy Phật tử phải giữ gìn năm giới, tám giới hoặc mười giới, nhưng trái lại các ông đều phạm tất cả các giới cấm này, không còn một giới nào mà các ông không phạm. Cho nên Phật dạy:

*“Dạy người như thế nào ?
Hãy dạy mình như vậy”.*

Ghi nhớ lời dạy trên đây các bạn hãy nhìn xem các ông giảng sư thời nay có đúng như lời chúng tôi đã nói không?

PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ (Niệm Phật)

Hỏi: Kính thưa Thầy! Niệm Phật là pháp môn mà Phật và Bồ Tát khai mở ra để độ quần chúng nhất là những chúng sanh có căn cơ, trình độ thấp trong thời kỳ mạt pháp này. Nếu nói pháp môn niệm Phật là sai thì tại sao lại có những người hành pháp đó mà chứng được thần thông giải thoát? Điển hình như nhị Tổ Thiện Đạo ở Trung Hoa, Ngài leo lên cây dương rồi buông hai tay ra từ từ rơi xuống đất ngồi thệ kiết già thị tịch. Hòa Thượng Quảng Khâm (Trung Quốc) tu pháp giải thoát thời cận đại khi chết có nhiều xá lợi.

Đáp: Pháp môn Tịnh Độ không phải Phật thuyết mà do các Tổ Đại Thừa chế ra để gieo sự mê tín vào lòng người tín đồ. Một truyền thống mê tín lạc hậu tai hại rất lớn trong mọi tầng lớp dân gian. Hiện giờ pháp môn Tịnh Độ đã làm hao tổn tiền của một cách nhảm nhí (đốt tiền vàng mã, cầu siêu, ma chay, v.v...)

Câu hỏi này khiến chúng tôi nghi ngờ Tổ Thiện Đạo và Tổ Quảng Khâm tu pháp môn gì mà có thần thông để lại xá lợi?

Hai vị Tổ này đều tu pháp môn Tịnh Độ: Một người thị hiện thần thông; một người để lại xá lợi. Điều này không

đúng nghĩa của pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn Tịnh Độ là một pháp môn tu tập để cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương, chứ không phải pháp môn tu tập có thần thông và để lại xá lợi.

Chúng ta phải thẳng thắn và xác định cho rõ ràng không được đánh lộn pháp môn để lừa đảo tín đồ. Pháp môn tu tập có thần thông là pháp môn Mật Tông; pháp môn tu tập để lại Xá Lợi và nhục thân là pháp môn Thiền Tông. Cho nên người tu Tịnh Độ mà thị hiện thần thông là không đúng mục đích của nó. Đây dùng trò ảo thuật thần thông của Mật Tông để lừa đảo người tín đồ Tịnh Độ. “Tổ Thiền Đạo khi tịch treo lên cây dương rồi buông hai tay ra từ từ rơi xuống đất ngồi thể kiết già thị tịch”; còn Tổ Quảng Khâm thị tịch để lại xá lợi tức là Ngài dùng câu niệm Phật A Di Đà làm phương tiện tu thiền định tướng theo kiểu Thiền Tông “Chẳng niệm thiện, niệm ác”, chứ không phải pháp môn tu Tịnh Độ. Chính các Tổ tu lầm lộn pháp mà không biết mình tu lầm lộn pháp. Nếu không có câu hỏi này thì ngàn đời các Tổ và người sau này không ai giải thích được sự lầm lộn tu pháp này sang pháp khác, mãi mãi muôn đời cứ cho tu Tịnh Độ là có thần thông và có để lại xá lợi. Thật là sai lầm mà không biết sai lầm.

Các Tổ này sống không giữ gìn giới luật đức hạnh của một bậc tu hành chân chánh. Do không giữ giới luật nghiêm chỉnh nên chết mới bày những trò huyền hoặc để lừa đảo tín đồ để xây tháp và tạc tượng to. Xưa Đức Phật đã lên án những trò thần thông huyền hóa lừa đảo này. Giới luật Phật cấm không cho thị hiện thần thông tướng, cơ sao các Tổ lại thị hiện thần thông, thị hiện thần thông là phạm giới lừa đảo lường gạt người trong giới kinh Phật dạy rất rõ ràng.

Sống giới luật không nghiêm chỉnh chết làm trò lừa đảo người, thật đáng trách. Thân tứ đại này có chết thì tự tại mà chết có đâu lại trèo lên cây dương rồi buông tay rơi xuống cho thiên hạ tán thán, tu hành mà còn háo danh như vậy là tu theo ngoại đạo, có xứng đáng gì cho người Phật tử ca ngợi. Trò ảo thuật mấy người bán thuốc dạo theo các chợ, họ vẫn thể hiện cho mọi người xem chơi để bán thuốc. Các Tổ thể hiện như vậy là phạm giới, phá giới trong khi Phật cấm thị hiện thần thông, vì thị hiện thần thông có mục đích lừa đảo tín đồ, họ không xứng đáng người đệ tử Phật, là không phải tu sĩ Phật Giáo mà là tu sĩ ngoại đạo đội lốt Phật Giáo. Xin các bạn lưu ý, cảnh giác những giới tu sĩ này, họ không phải là người tốt, hãy tránh xa họ.

Pháp môn Tịnh Độ tu tập để có nhất tâm, nhờ nhất tâm mới được sanh vào cõi Cực Lạc, chứ pháp môn Tịnh Độ tu tập không bao giờ có thần thông như trên đã nói. Có thần thông là do tu Mật Tông. Vậy Tổ Thiện Đạo vừa tu Tịnh Độ vừa tu Mật Tông, nhưng lại dùng Mật Tông mà lừa đảo tín đồ. Những pháp tu tập rèn luyện có thần thông như: Yoga, Khí công, Mật Tông, v.v... Các Tổ lừa đảo những người tu chưa chứng, chứ không thể lừa đảo qua mắt những người đã tu chứng quả A La Hán.

CHƠN TÂM

***Hỏi:** Kính thưa Thầy, ở Thường Chiếu có Thầy nhập thất trên 15 năm. Có phải vị đó ngộ được Chơn tâm và sống với nó? Hay nhập Chơn tâm rồi và nuôi dưỡng nó càng ngày càng sâu mầu hơn?*

Đáp: Lẽ ra, câu hỏi này con nên hỏi Hòa Thượng Thanh Từ, vì đó là nguồn gốc của Thiền Tông Trung Hoa, chứ

không phải của Phật Giáo Nguyên Thủy. Chơn tâm là sự tướng giải của kinh sách phát triển Ấn Độ (Đại thừa), ảnh hưởng Lão giáo để ra thiên Đông Độ.

Mục đích của người tu thiên Đông Độ là kiến tánh rồi khởi tu (thấy tánh rồi mới tu) tu như vậy gọi là “bảo nhập”, giữ “ông chủ” đó là chỗ ngộ được chơn tâm rồi mới sống với nó chứ không phải nhập chơn tâm vì đã nhập vào thì đâu còn gì phải nuôi dưỡng.

Mục đích của thiên Đông độ không phải làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi, mà chỉ nhắm vào bản thể bất biến thường hằng bốn tánh Niết bàn “thường, lạc, ngã, tịnh”.

Nhập thất 15 năm cho đến 1000 năm tu theo Thiên Đông Độ thì chỉ có triệt ngộ các công án tức là triệt ngộ các pháp tướng hay nói cách khác là nhập vào tướng định, phát triển tướng tuệ, tu đến đây hành giả không còn biết đường nào đi tới nữa, nên tâm tham, sân, si của họ vẫn như xưa, đưng chướng ngại pháp thì hiện tướng ra liền, do đó pháp môn Thiên Đông Độ không phải là Phật Pháp nên không làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi, tu theo pháp môn này chỉ uổng một đời tu hành mà thôi, chẳng có ích lợi cụ thể thiết thực gì chỉ là một trò hý luận ảo tưởng thơ văn của những tâm hồn giàu tưởng tượng.

Còn nói về sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì một Thiên sư Việt Nam danh tiếng nhất vào thế kỷ thứ XIII, Ngài Thường Chiếu đã xác định: “Đó là bọn đại bịp, một con chó sủa một bầy cho sủa theo”.

TƯỚNG UẨN

Hỏi: Kính thưa Thầy, có lần Hòa Thượng nói, có vị Thiên sư khi chứng ngộ khóc ròng, nhưng cũng có vị Thiên sư khi

chúng ngộ cười hoài. Có phải đó là cảm xúc của người thấy được Chơn tâm không thừa Thầy?

Đáp: Khóc rờn và cười hoài đó là những người tu rơi vào định tướng, tướng uẩn tác động gây cảm xúc tướng mình đã ngộ nhập vào bản thể Chơn Như (chân thật có), nên mới có những trạng thái kỳ lạ.

Sự tu hành này chính là sự ức chế ý thức khiến cho ý thức không khởi niệm thiện cũng như niệm ác, nên ý thức ngưng bật làm cho tướng thức bắt đầu hoạt động, khi tướng thức bắt đầu hoạt động thì hành giả có những cảm giác hỷ lạc hoặc các sắc tướng, hương tướng, vị tướng, thính tướng, cho đến khi pháp tướng xuất hiện, pháp tướng xuất hiện có nhiều trường hợp xảy ra khi tâm dừng bật vọng tướng.

Có vị pháp tướng xuất hiện nhận ra Phật Tánh bằng một câu kinh, như Lục Tổ Huệ Năng “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, câu này trong kinh Kim Cang Bát Nhã. Mã Tổ ngộ Phật Tánh bằng câu kinh: “Tức tâm tức Phật, Phật tức tâm” Có vị pháp tướng xuất hiện ngộ Phật Tánh bằng một câu công án của Thiền sư Triệu Châu: “Con chó có Phật Tánh hay không? – Không”. Nhờ câu này mà Thiền sư Huệ Khai đã ngộ được tâm “Vô, vô, vô, vô ...”

Hoàng Bá ngộ được Phật Tánh khóc mãi, Linh Vân ngộ được Phật Tánh cười hoài.

Tất cả những sự ngộ này đều do ảnh hưởng của tướng uẩn tạo ra khiến cho người khóc, kẻ cười, người la, kẻ hét, người đánh, kẻ làm thính, gần như người điên, may là họ ngộ pháp tướng còn như vậy huống là rối loạn thân kinh thì hết cứu chữa.

BỒ TÁT QUAN ÂM DO TƯỚNG

SAO CÓ SỰ LINH THIÊNG?

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Bồ Tát Quan Thế Âm do tưởng mà có, nhưng sao cũng có sự linh thiêng và cứu độ? Xin Thầy giảng cho chúng con được hiểu.*

Đáp: Chính vì người ta thấy những bóng ma phẳng phất, những sự linh thiêng của những nhân vật tưởng tượng nên thế giới siêu hình mới có. Không ai giải thích được những hiện tượng kỳ lạ đó, do đâu mà có, khoa học cũng đành bó tay. Chỉ có những người nhập được chánh định, vượt qua cảnh giới hữu sắc và vô sắc tức là vượt qua các loại định tưởng thì mới thấy được thế giới siêu hình rõ ràng và sự linh thiêng đó do đâu mà có.

Thân chúng ta gồm năm âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức

- Sắc là thế giới hữu hình.
- Tưởng là thế giới vô hình.

Người ta hiểu tưởng là do sự tưởng tượng. Tưởng ở đây không phải là tưởng tượng là tưởng âm cũng như sắc âm vậy, chứ không phải sự tưởng tượng. Sắc âm có cảnh giới của sắc âm như: Nhà cửa, cây cỏ, vạn vật, cầm thú, vạn hữu, v.v...thì cảnh giới tưởng âm cũng vậy nó chỉ khác là vô sắc. Vì nó là hình ảnh bóng dáng theo khuôn mẫu của thế giới sắc âm (hữu hình), nó cũng giống như cây cỏ thụ kia, hình và bóng của nó. Cây là thế giới hữu hình, còn bóng của nó là thế giới siêu hình, cho nên cây không có thì bóng cũng không có. Vì thế thân người mất thì linh hồn người cũng không còn.

Cảnh giới hữu hình và siêu hình của một người nó theo nhau như hình với bóng. Phước đến thì nó hiện ra giải nạn do một niềm tin ở vị Thần, Thánh nào đó, ngược lại người đó không tin Thần, Thánh thì nó khiến người đó lỡ tàu, lỡ xe để thoát nạn.

Đồng thời mọi người cùng thấy ở một góc độ nào đó, thì đó là do cộng nghiệp và do lòng tin, nhưng nó còn tùy ở tướng ấm hoạt động giao cảm mạnh hay yếu.

Người tu tập thiền định, trạng thái tướng xuất hiện kỳ lạ, nếu không có thiện hữu tri thức thì không thể nào ngồi yên nổi để tu. Trường hợp đó người tu nào cũng đều cho đó là thế giới oan hồn đến phá. Thấy một tảng đá, hoặc một người ngồi giữa đường, người lái xe lạng tay lái, gây tai nạn, đó là nghiệp ác đến, tướng ấm xuất hiện ra. Một người té xuống sông, có cảm giác như có người lôi họ xuống nước, đó là nghiệp ác lôi họ xuống, nhờ tạo thiện nên có người cứu thoát họ.

Luật nhân quả nghiệp báo sử dụng sắc ấm và tướng ấm rất là vi diệu mà loài người không thể lường được.

Hàng ngày, một người không tu tập và không trau dồi thân tâm bằng thiện pháp, nhân quả nghiệp báo sai sắc ấm của họ làm những điều tội ác mà họ không hề hay biết, đến khi tội khổ thì họ lại than trời trách đất, đi cầu khẩn Thần, Thánh gia hộ.

Còn nhân quả nghiệp báo sai tướng ấm của họ gây tai họa hoặc cứu họ thoát chết thì họ cho oan hồn, quỷ ma tác họa, ngược lại được phước báo thì cho là Thần Thánh, chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ bình an.

Mọi người sống trong thế giới đối đãi mà không thấy đối đãi. Sống trong thế giới nhân quả mà không thấy nhân quả.

Con người từ nhân quả sanh ra, chết đi về nhân quả, lại không thấy, cho rằng có những linh hồn người chết, có những Thần, Thánh, quỷ, ma. Cho nên Đức Phật dạy: *“Con người là thừa tự nhân quả”*. Đã thừa tự nhân quả thì

làm sao có ma được? Có thể giới linh hồn người chết được?

Tất cả các tôn giáo khác đều không vén màn vô minh này, nên tôn giáo nào cũng xây dựng thế giới siêu hình có thật. Và vì thế cuộc đời này đã làm mất đi sự công bằng và công lý của loài người.

Người ta theo các tôn giáo thì được cứu rỗi, được gia hộ; còn ai không theo tôn giáo thì chẳng được ai cứu rỗi và gia hộ cả. Như vậy có bất công không? Chỉ có Phật giáo dám xác định thế giới siêu hình khách quan không có, mà có thế giới siêu hình chủ quan do từ tưởng ám lưu xuất. Khi một người còn sống thì có, nhưng khi đã chết thì không có. Vì thế, đức Phật cả quyết xác định thế giới siêu hình là do tưởng tri sản xuất sanh ra chứ không có thế giới thật. *“Tưởng tri chứ không phải Liễu tri”*

TRAI HAY LÀ CHAY

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trong một bài giảng về chánh tín và mê tín đăng trên nguyệt san Giác Ngộ. Hòa Thượng Thích Thanh Từ có giảng ... Trong Miền Nam các nhà sư Nguyên Thủy chỉ có ăn trai chứ không ăn chay. Vì trong khi hành hạnh khát thực, ai cho gì ăn nấy kể cả thức ăn mặn. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Trai là một danh từ chữ Hán. Chay là một danh từ chữ Việt.

Nghĩa của “traï” và “chay” thì đồng nghĩa, có nghĩa là không ăn thịt chúng sanh. Vì thế mới có «nguyệt trai», “nhật trai”.

Nguyệt trai là một tháng ăn chay (không ăn thịt chúng sanh), như: Tháng giêng, tháng bảy và tháng mười.

Nhật trai là ngày ăn chay (không ăn thịt chúng sanh) như:

- Nhị trai
- Lục trai
- Thập Trai

Nhị trai: Gồm có ngày rằm và ngày 30 Âm lịch.

Lục trai: Gồm có ngày 8, 14, 15, 23, 29, 30 Âm lịch.

Thập trai: Gồm có các ngày như: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 Âm lịch.

Theo chữ nghĩa thì Bắc Tông Đại Thừa hiểu chữ trai là “ăn chay”. Nam Tông Tiểu Thừa hiểu chữ trai là “giới cấm”, cho nên mới có Thọ Bát Quan Trai, ngũ trai.

Nhưng nói đến giới cấm thì không nói đến chay và mặn, mà chỉ nói đến thiện và ác. Vì vậy trong giới luật của Phật mới có “Giới thứ nhất dạy chẳng sát sanh”, nghĩa là cấm không cho giết hại chúng, không bảo, không xui bảo người khác giết hại.

Ở đây có nghĩa giới luật cấm các vị Tỳ Kheo không được ăn thịt động vật, vì ăn thịt động vật tức là bảo người khác giết hại chúng sanh.

Cho nên chữ trai bên Nam Tông Tiểu Thừa cũng có nghĩa là ăn chay, nhưng các sư biến chữ trai thành nghĩa khác như HT Thích Thanh Từ giảng như vậy là để tùy thuận với các sư Nam Tông, nuốt trôi những miếng thịt động vật.

ỨC CHẾ TÂM

Hỏi: Kính thưa Thầy! Theo sự hiểu biết của con, thì ức chế vọng tưởng là do những niệm khởi lên mà ta không tỉnh thức quán xét là thiện hay ác pháp, để xả bỏ. Vội vàng đoạn diệt không cần truy tìm xem xét nó thuộc về lậu hoặc nào.

Vả lại, ức chế tâm còn do sự ham muốn dục lạc, khi dục lạc ham muốn khởi lên ta cũng không quán xét lợi hay hại để xả bỏ mà chỉ có nhẫn chịu, vì thế, nếu có dịp nó sẽ bung ra. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, sự ức chế tâm có hai cách:

1- Chịu đựng mọi sự giận hờn, căm tức, phiền não, sợ hãi, lo rầu, v.v... mà không bao giờ nói ra cho một ai biết. Sự chịu đựng này gọi là kham nhẫn.

Ví dụ: Trong gia đình có người chồng độc tài luôn luôn bắt vợ con phải tuân theo lệnh của mình, sai bảo đâu làm đó, không được làm trái. Những người bị bắt buộc như vậy gọi là chịu đựng, những người chịu đựng là những người ức chế tâm.

Sức chịu đựng sẽ đến một mức độ nào đó, thì không còn chịu đựng được nổi. Khi không còn chịu đựng nổi thì thần kinh hưng phấn, thần kinh hưng phấn thì người ấy bị rối loạn thần kinh, bị điên khùng, bị tẩu hỏa nhập ma, v.v...

Suốt thời gian chịu đựng thì người ấy là người khổ đau tận cùng của cuộc đời mình.

2- Người dùng một đối tượng, một pháp môn để ức chế tâm để không khởi niệm vọng tưởng, đó là loại ức chế có pháp môn, có phương cách.

Loại ức chế tâm này có đường lối, có phương pháp để dẫn tâm vào thế giới tưởng như: Thiền xuất hồn, Thiền Yoga, Thiền Đại Thừa, Thiền Đông Độ, Thiền Lục Diệu Pháp Môn, Mật Tông, Tịnh Độ Tông, v.v...

Cho nên các pháp môn này đều xây dựng cho mình một thế giới siêu hình mơ hồ, trừu tượng, ảo giác, khiến cho con người phải mê mẫn với nó, nhưng không ích lợi thiết thực cho đời sống.

Chỉ riêng có thiên của Phật giáo Nguyên Thủy thì xả tâm “*ly tham đoạn ác pháp*”. Do đó người tu hành sẽ không bị ức chế tâm và đạt được kết quả giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt tái sanh luân hồi.

DUYÊN NHÂN QUẢ

Hỏi: *Kính thưa Thầy, vợ chồng lấy nhau, người ta bảo rằng, đều có số định cả, có nghĩa là người này phải lấy người mà có số định với mình, không được lấy người nào khác. Có phải vậy không thưa Thầy?*

Đáp: Không phải số định mà cũng không phải số mệnh mà là duyên nhân quả nợ vay trong thuận cảnh, cũng như trong nghịch cảnh.

Ví dụ: Kiếp trước chúng ta đối xử với những người làm công cho mình quá khắc nghiệt, đánh đập, chửi mắng, trả tiền công ít, v.v...

Kiếp này họ làm vợ hoặc chồng hoặc con cái trong nhà, họ phá tán của cải tài sản và còn chửi mắng đánh đập, khiến cho gia đình đau khổ bất an.

Cho nên kiếp trước gieo nhân nào thì kiếp này phải trả quả nấy. Tình nghĩa vợ chồng con cái đều do nhân quả, chứ không phải do số mệnh duyên nợ tiền định. Vì không có tiền định. Tiền định là cái vật gì? Ông gì? Ông Ngọc Hoàng Thượng Đế ư ?

Vì không hiểu môi trường sống nên người ta đặt ra những câu hỏi để có hỏi mà không có trả lời: “Con người từ đâu sanh ra? Chết đi về đâu”?

Do không hiểu, người ta dùng tưởng tri, tạo ra một Đấng Vạn Năng, một ông Ngọc Hoàng, một ông Trời, một ông Tạo Hóa sanh ra vạn vật trên hành tinh này. Lại có thuyết cho rằng từ trong Đại ngã vạn vật sanh ra và mỗi vật được

sanh ra là tiểu ngã. Những thuyết này mơ hồ và trừu tượng không thể trả lời hai câu hỏi trên. Và vì vậy, hai câu hỏi trên vẫn còn đóng kín cửa.

Duyên tiền định giữa đôi vợ chồng cũng là sự tướng tri của con người đặt ra, chứ không có định số, số mệnh.

Theo đạo Phật con người từ nhân quả sanh ra, chết trở về nhân quả, chứ không từ đâu đến và chết cũng không đi về đâu.

Còn duyên vợ chồng, con cái đều là do vay nợ của nhân quả theo định luật của nhân quả “Vay thì phải trả”.

Vậy, chồng vợ có số mệnh là không đúng, mà có nợ nhân quả ác hay thiện với nhau là đúng.

Nhìn cuộc sống của họ chúng ta có thể biết chắc chồng nợ vợ hay vợ nợ chồng một cách cụ thể và rõ ràng.

Vì thế, trong cuộc đời này vợ chồng thường làm khổ cho nhau nhiều hơn là đem lại hạnh phúc an vui cho nhau. Họ sống với nhau phần đông là chịu đựng.

TƯỚNG TRI VÀ THẬT TRI

Hỏi: Kính thưa Thầy! Tướng tri và thật tri nghĩa như thế nào?

Đáp: Tướng tri và thật tri khác nhau không giống nhau. Tướng tri là sự hiểu biết qua tướng thức, thật tri là sự hiểu biết qua ý thức.

Ví dụ: Một người chưa từng bao giờ thấy ma, nghe người ta nói ma, họ diễn tả con ma hình thù bằng cách này, bằng cách khác. Do sự tướng diễn tả những hình ảnh của ma. Từ đó năng lực tướng thức của chúng ta mô phỏng theo hình dáng đó xuất hiện, khiến chúng ta nhìn thấy con ma

như thật. Cái thấy con ma thật sự như vậy gọi là tướng tri. Cho nên cái thế giới siêu hình cũng do từ năng lực của tướng tạo ra, chứ không phải có linh hồn người chết nhập vào người còn sống, mà chính người còn sống mới có năng lực tướng tri của mình tạo ra. Chính năng lực tướng tri của người đó đã nói chuyện với người đó.

Vì thế các nhà ngoại cảm vẫn thấy có linh hồn người chết mượn xác thân mình nói chuyện với người còn sống.

Những sự hiểu biết như vậy qua tướng thức như vậy gọi là tướng tri.

Còn thật tri là sự hiểu biết qua ý thức, chắc quý vị ai cũng đều rõ. Khi chúng ta phân biệt mọi vật trước mắt mà hiểu được mọi vật đó một cách rõ ràng và cụ thể thì đó là thật tri.

Thật tri chính là ý thức của chúng ta đang sử dụng hằng ngày trong cuộc sống. Đó là sự hiểu biết phân biệt phải, trái, tốt, xấu, trắng, đen, dơ, sạch, thiện, ác v.v...

PHẠM HẠNH

Hỏi: Kính thưa Thầy! Thân người do tâm ham muốn (dục) mà có. Do ái dục mà có sanh y. Muốn bước lên quả vị Thánh thì phải triệt tiêu ái dục, triệt tiêu ái dục thì phải triệt tiêu sanh y. Vậy triệt tiêu sanh y như thế nào? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Muốn triệt tiêu sanh y, tức là phải sống đúng đời sống giới luật của Phật, có nghĩa là sống đúng Phạm hạnh của một vị Thánh Tăng. Phạm hạnh của một vị Thánh Tăng như thế nào?

Chúng ta hãy nghe kinh dạy: “*Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không gia đình, không nhà cửa, thiếu dục, tri túc, ba y một bát, tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không*”. Đó là một lối sống triệt tiêu sanh y, lối sống giới luật, có sống đúng giới luật thì tâm mới ly dục ly ác pháp, tâm có ly dục ly ác pháp thì mới đoạn dứt sanh y, đoạn dứt sanh y thì tâm mới bất động trước các ác pháp.

Như vậy chúng ta thấy rõ ràng, muốn làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì sanh y là cửa vào của chúng ta. Muốn bước vào cửa sanh y thì phải mở ống khóa giới luật. Cho nên giới luật là một pháp môn vô cùng quan trọng cho người mới bắt đầu tu theo đạo Phật.

Nếu tu hành theo đạo Phật mà không nghiêm trì giới luật, thì tu hành chẳng ích lợi gì và còn phí công vô ích, uổng một đời tu chỉ có hình thức mà thôi.

Vì thế người cư sĩ tu theo đạo Phật, muốn làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì phải Thọ Bát Quan Trai, một tháng ít nhất cũng phải có một ngày tu tập làm Phật, tức là một ngày giữ tám giới trọn vẹn.

Một ngày giữ tám giới trọn vẹn là một ngày lìa xa sanh y, lìa xa sanh y tức là lìa dục, lìa ái dục tức là giải thoát.

Vậy, giới luật là một pháp môn quan trọng nhất cho con đường giải thoát của đạo Phật, nếu ai tu theo đạo Phật mà phạm giới, phá giới, xem thường giới luật Phật, là tu theo ngoại đạo, tu theo tà giáo thì con đường tu tập để được giải thoát sẽ còn rất xa và xa biệt mù.

**VỊ LA HÁN TỪ TUỆ SINH ĐỨC
HAY TỪ ĐỨC SINH TUỆ**

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trên bước đường Thầy đào tạo A La Hán tương lai thì giữa Đạo đức và Trí tuệ Thầy chú trọng mặt nào hơn? Vị A La Hán đó từ Tuệ sanh Đức hay từ Đức sanh Tuệ?*

Đáp: *Thầy đào tạo bậc A La Hán đúng theo tiêu chuẩn của đức Phật đã dạy: ‘Trí tuệ ở đâu thì đức hạnh ở đó, đức hạnh ở đâu thì trí tuệ ở đó; trí tuệ làm thanh tịnh đức hạnh, đức hạnh làm thanh tịnh trí tuệ.’*

Câu hỏi của con *trí tuệ* và *đức hạnh* là hai pháp. Đó xác định sự hiểu biết của con về đạo Phật chưa toàn diện. Chưa hiểu rõ đạo Phật nên con mới hỏi Thầy: *“Đào tạo A La Hán tương lai thì giữa đạo đức và trí tuệ Thầy chú trọng mặt nào hơn?”*. Con đã từng đọc sách Phật mà lại hỏi Thầy. Như vậy con có ngờ ngẩn không?

Trong đạo Phật đức hạnh là giới luật, ngoài giới luật đi tìm đức hạnh thì không bao giờ có. Cho nên đức hạnh của Phật là giới luật. Vì vậy Phật dạy: *“Đức hạnh ở đâu thì trí tuệ ở đó”*. Con có nghe lời dạy này chăng ?

Bậc A La Hán đức hạnh và trí tuệ là một. Còn phàm phu thì trí tuệ là trí tuệ, đức hạnh là đức hạnh. Cho nên trí tuệ và đức hạnh là hai pháp. Do đó người đời thường hay đau khổ vì trí tuệ không có đức hạnh, nên tâm tham, sân, si, mạn, nghi lầy lùng.

A La Hán không phải từ *tuệ sinh đức*, mà cũng không phải từ *đức sanh tuệ*. A La Hán là trí trong đức, đức trong trí. Người có trí tuệ đức hạnh không làm khổ mình, khổ người là A La Hán. Do trí tuệ đức hạnh như vậy tâm mới vô lậu. Tâm vô lậu là quả A La Hán tại đó, không cần tìm đâu xa, không tu tập thêm gì cả.

MANG LẤY NGHIỆP THẨM HẠI

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Những người về Chơn Như tu học có người thật sự nhiệt tâm tu, tu rất tốt nhưng lại không chứng quả A La Hán còn mang lấy nghiệp thẩm hại. Thầy có thể nói rõ nguyên nhân để những người sau biết đường tu, tránh dẫm lên bước chân lầm lạc.*

Đáp: Tại sao con hỏi như vậy? Có ý nghĩa gì? Những người về tu viện Chơn Như có người tu thật sự nhiệt tâm, tu rất tốt nhưng lại không chứng được quả A La Hán, còn mang lấy nghiệp thẩm hại. Con hỏi như vậy có nghịch lý không con?

Tại sao tu thật nhiệt tâm, tu rất tốt nhưng không chứng quả A La Hán mà còn mang lấy nghiệp thẩm hại?

Một câu hỏi không có lý, một người tu thật nhiệt tâm, tu rất tốt, ngay trong sự tu tập nhiệt tâm buông xả, rất tốt buông xả là đã chứng quả A La Hán ngay đó rồi, vì nhiệt tâm và rất tốt buông xả thì tham, sân, si đã quét sạch thì quả A La Hán tại đó con ạ! Tâm còn tham, sân, si thì còn mang lấy nghiệp thẩm hại; tâm hết tham, sân, si thì còn mang lấy nghiệp thẩm hại chỗ nào được? Cho nên tâm tham, sân, si sạch thì quả A La Hán tại chỗ đó như đã nói trên.

Những người về tu viện Chơn Như tu tập xả tâm chưa sạch, nhưng vẫn làm muội lượt tham, sân, si. Tham, sân, si muội lượt thì sự đau khổ cũng giảm rất nhiều và như vậy còn mang nghiệp thẩm hại ở chỗ nào? Khi người ấy biết xả tâm.

Ở tu viện đâu có dạy trộm cướp, giết người mà phải mang lấy nghiệp thẩm hại vào thân. Chỉ có những người về tu viện không tu tập dùm năm, dùm ba nói xấu người này, nói xấu người kia thì phải mang lấy nghiệp thẩm hại vào

thân; chỉ có những người về đây tu tập kết phe, kết đảng, li gián, gây rối thì những người này mới mang lấy nghiệp thảm hại vào thân.

Những ngày qua các con tu tập nói chuyện quá nhiều, nên mang lấy nghiệp thảm hại vào thân. Các con có biết không?

Nghiệp thảm hại là gì các con có biết không? Đó là những sự kiện xảy ra làm cho thân tâm bất an. Thân tâm bất an thì tu hành rất khó khăn, có khi phải bỏ cuộc trở về thế tục.

Thầy rất đau xót khi thấy các con tập họp nhau nói chuyện thì công lao dạy dỗ của Thầy như nước chảy qua cầu, còn gì nữa đâu. Phải không con?

HAI TÂM ĐÓ CÓ KHÁC NHAU KHÔNG?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Mục đích của người tu theo Thiên tông, để trở về với tâm Chân Như, còn tu theo pháp Nguyên Thủy của Thầy thì sống với tâm bất động trước ác pháp, hai tâm đó có khác nhau không vậy Thầy?

Đáp: Tâm Chân Như là tâm chẳng niệm thiện, niệm ác. Tâm chẳng niệm, thiện niệm ác là tâm tưởng không niệm. Tâm tưởng không niệm là tâm chẳng có ích lợi gì cho đời sống tu hành giải thoát của mình, tâm Chân Như khi xả ra, trở lại tâm bình thường thì tham, sân, si vẫn còn đầy đây, không muội lượt chút nào.

Ngược lại tâm bất động Nguyên Thủy không có nghĩa là tâm không có niệm thiện, niệm ác. Tâm bất động Nguyên Thủy là tâm ly dục ly ác pháp, nên tâm tham, sân, si đều xả sạch; tâm bất động là tâm không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

DUY TRÌ TUỔI THỌ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Nếu chưa đào tạo được A La Hán kế tiếp mà Thầy nhập diệt, con e rằng Chánh pháp sẽ bị chìm mất lần thứ 2. Thương chúng sanh đau khổ Thầy có thể nào duy trì tuổi thọ lâu dài hay hóa sanh trở lại tiếp tục dẫn dắt đàn con qua bờ bên kia không Thầy?*

Đáp: Nếu mọi người về đây không lo tu tập xả tâm, thường phá hạnh độc cư, hội họp nói chuyện. Đó là phước báo của chúng sanh đã hết, không còn đủ duyên với đạo đức nhân bản - nhân quả, thì Thầy đào tạo A La Hán làm chi nữa cho khổ nhọc. Viết sách đạo đức có lợi ích gì cho ai nữa. Trường hợp này Thầy sẽ đi ẩn bóng là vừa, và cũng là sự ra đi vĩnh viễn, để ngày mai có những vị Phật tương lai ra đời dạy họ tu tập tốt hơn.

THIỆN PHÁP

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Người mới vào tu thiền định, giai đoạn cơ bản và sơ cơ của người mới tập tễnh vào thiền định. Vậy Sơ Thiện có phải theo lời Thầy dạy: Trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi lúc nào cũng đều sống trong thiện pháp, tức là tu tập Tứ Chánh Cần, thường ngăn ác diệt ác pháp và khởi thiện tăng trưởng thiện pháp?*

Thưa Thầy! Diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp cho thật sạch thì thân, thọ, tâm, pháp của người đó sẽ có thanh tịnh. Phải không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, Thầy dạy người mới sơ cơ tu tập thiền định cơ bản, lúc nào cũng phải sống trong thiện pháp. Muốn sống trong thiện pháp, thì phải tu tập Tứ Chánh Cần, tức là ngăn ác diệt ác pháp, khởi thiện tăng trưởng

thiện pháp, chứ không phải ngồi thiền nhiều, ức chế tâm, dùng vọng diệt vọng như thiền Đông Độ và kinh Đại Thừa dạy. Đó là đường lối tu tập thiền định của đạo Phật mà trong kinh sách Nguyên Thủy dạy rất rõ ràng: “*Định Tu Cự là Tứ Chánh cần*”

Câu hỏi thứ hai: Hành giả mới diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp cho thật sạch thì thân, thọ, tâm, pháp của người đó có thanh tịnh hoàn toàn chưa? Hành giả diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp cho thật sạch thì thân, thọ, tâm, pháp của người đó mới được thanh tịnh chứ chưa hoàn toàn chỉ mới nhập được Bất Động Tâm, làm chủ được tâm, tâm mới được thanh thân, yên tịnh và vô sự. Chính tâm mới được thanh thân, yên tịnh và vô sự là thiền định sơ khởi của đạo Phật.

Con nên ghi nhớ và phân biệt thiền của đạo Phật và Thiền Đông Độ, Thiền của Phật là chỗ tâm hết tham, sân, si, chứ không phải chỗ hết vọng tưởng; còn thiền Đông Độ và kinh sách Đại Thừa là chỗ hết vọng tưởng.

Người mới nhập Bất Động Tâm Định, chỉ làm chủ được đời sống (sanh y), chứ chưa làm chủ được thân, có nghĩa là làm chủ sanh, già, bệnh, còn làm chủ sự chết chưa được, phải đợi nhập xong Tứ Thiền. Con nên nhớ Bất Động Tâm Định chỉ có ly dục ly ác pháp, chứ chưa có diệt dục và diệt ác pháp. Vì vậy thân, thọ, tâm, pháp chưa làm chủ trọn vẹn, tức là lậu hoặc chưa xả sạch, còn phải trải qua một thời gian tu tập nữa.

Đây là giai đoạn đầu tiên của người mới tu tập Tam Vô Lậu Học “*Giới, Định, Tuệ*” mà giáo pháp của đức Phật đã chỉ dạy rõ ràng. Thế mà người đời nay chẳng tu theo Chánh pháp của Phật, lại chạy theo tu giáo pháp của ngoại đạo (Thiền Đông Độ và Đại Thừa). Cho nên tu mãi mà chẳng làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt sanh tử

luân hồi. Họ chỉ sống trong ảo tưởng (Phật tánh, Tánh không, Tánh biết, Tánh nghe, Tánh Thấy và những trạng thái xúc tưởng hỷ lạc).

Tâm ly dục ly ác pháp là tâm mới thực hiện được sự thanh tịnh giới luật, tức là giới luật nghiêm tịnh, không còn vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Còn muốn thân, thọ, tâm, pháp thanh tịnh thì phải tu tập “*Tứ Niệm Xứ*” Khi tu tập Tứ Niệm Xứ sung mãn thì Tứ Thần Túc xuất hiện, nhờ Tứ Thần Túc chúng ta mới nhập “*Tứ Thánh Định và thực hiện Tam minh*”, tức là tu tập hai giai đoạn sau: “*Định và Tuệ*”.

Muốn diệt lậu hoặc cho sạch, tức là ngũ triền cái và thất kiết sử thì phải tu tập Tứ Niệm Xứ rồi nhập Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên và thực hiện Tam Minh mới làm chủ được thân, thọ nghĩa là thân, thọ mới được thanh tịnh, tức là bệnh tật, sống, chết đã được tự tại theo ý muốn (bệnh, tật, sống, chết không còn chi phối thân, tâm).

Muốn chấm dứt sanh tử luân hồi, diệt sạch gốc lậu hoặc (không còn đi tái sanh luân hồi nữa) thì phải tu tập Tam Minh quét sạch gốc lậu hoặc, mới làm chủ tất cả các pháp.

Theo đường lối tu tập của đạo Phật, phải nhập từ Sơ Thiên, Nhị Thiên đến Tứ Thiên, thì thân, thọ thanh tịnh, rồi tiếp tục thực hiện Tam Minh mới dễ dàng. Thực hiện Tam Minh xong thì mới làm chủ được sự sống chết hoàn toàn, còn diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp, thì hành giả được tâm bất động giải thoát. Diệt ngã xả tâm, ly dục ly ác pháp chỉ là mới nhập được tâm Bất Động Định, giai đoạn thứ nhất trong đường lối tu tập của Phật giáo. Nhưng đó là đạt mục đích giải thoát của Phật giáo làm chủ trong thân. Vì thế, hành giả còn phải tu tập và trải qua nhiều giai đoạn thử thách ngoại ma và nội ma, nếu vượt qua những giai đoạn này, thì tâm định trên thân, thân định trên tâm chừng đó hành giả mới dễ dàng thực hiện Tứ

Như Ý Túc và Tam Minh.

Khi thực hiện Tứ Như Ý Túc và Tam Minh thì tâm mới vô lậu hoàn toàn. Tâm vô lậu hoàn toàn thì mới chấm dứt tái sanh luân hồi. Tu theo Phật giáo đến đây mới thành tựu viên mãn, chỉ còn một kiếp này nữa mà thôi.

PHẬT TÁNH

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thiên Tông gọi Phật tánh. Phật tánh có phải là ý thức hay không?*

Công án thiên có câu chuyện thiên ngữ: “Con chó có Phật tánh không?” nếu có Phật tánh, tại sao lại chui vào cái dĩa bần thỉu để làm gì cho khổ? Cầu mong Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Câu này có hai câu hỏi, nhưng rất liên hệ với nhau (tuy hai mà một). Câu hỏi một, trong tất cả kinh sách Đại Thừa đã xác nhận ý thức, không niệm thiện niệm ác, là “*Phật tánh*”. kinh Kim Cang dạy: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, Bồ tát độ hết chúng sanh thì thành Phật*”, kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy: “*Tánh thấy, tánh nghe, tánh biết và chủ, khách*”, kinh Pháp Bảo Đàn dạy: “*chứng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền*”, v.v...

Đó là chỉ cho ý thức chẳng khởi niệm, kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông cho trạng thái đó là “*Phật tánh*”. Cho nên câu công án “*con chó có Phật tánh không?*”. Đó là công án của Thiên Sư Triệu Châu. Một hôm, có một thiên Tăng đến hỏi Ngài: “*Con chó có Phật tánh không?*”? Ngài đáp: “*có*” Vị thiên Tăng lấy làm lạ hỏi lại: “*Có Phật tánh tại sao nó lại chui vào dĩa da bần thỉu để làm gì cho khổ?*”.

Phật tánh là một “*tánh giác*”, tánh giác là tánh sáng suốt, không có si mê, thê mà không sáng suốt lại chui vào dĩa da uế trược, hôi thúi. Nếu theo ý thức phân biệt thì đây là một điều vô lý hết sức.

Còn Thiền Tông, cách thức lập công án, có nghĩa là khiến cho người ta bật đường suy nghĩ; bật đường suy nghĩ, thì ý thức không hoạt động; ý thức không hoạt động thì niệm thiện niệm ác không có; niệm thiện niệm ác không có thì trạng thái đó Thiền Tông và kinh sách Đại Thừa cho đó là Phật tánh. Mục đích câu công án trên giúp cho người tu thiền định không suy tư phân biệt được để nhận ra gọi là “ngộ” trạng thái này thành Phật “*kiến tánh thành Phật*”. Ngược lại trong kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: “*Ý thức thanh tịnh (chẳng niệm thiện niệm ác), không liên hệ năm căn, (vô phân biệt) thì hành giả rơi vào không vô biên xứ định*”, một loại định tướng vô sắc của ngoại đạo trong bốn loại định tướng. Thời đức Phật còn tại thế, Ngài đã được ngoại đạo dạy, và đã thực hiện được các loại định này đến nơi đến chốn, nhưng không tìm thấy có sự giải thoát gì trong đó và cũng không tìm thấy “*Phật tánh*” ở đâu, nên Ngài bỏ các pháp môn này, trở lại tìm lộ trình Tứ Thánh Định.

Cho nên, đức Phật đã xác định: “*Chỗ không niệm thiện niệm ác không phải là Phật tánh, mà là Không vô biên xứ định tướng*”. Các nhà Đại Thừa và Thiền Đông Độ đã lầm lạc ở trạng thái này, nên dựng nó thành “*Phật tánh, Thần thức*”. Bồ Đề Đạt Ma gọi là “*Tâm*”, Lục Tổ Huệ Năng gọi là “*Bản lai diện mục*”.

Khi tu đến đây, các Thiền Sư Trung Hoa và các Thiền Sư Thiền Trúc Lâm Yên Tử (Việt Nam) sau này không chấp nhận, cho “*Vô tâm còn cách một lớp rào*”. Họ lấy tướng thức làm Phật tánh, vượt qua trạng thái không vô biên xứ định tướng nhập vào thức vô biên xứ định tướng, ở trạng thái này họ tướng, thấy các pháp chỉ là “*một*” chứ không hai (bất nhị) nên trong Thập Mục Nguồ Đồ gọi là “*Phân bốn hoàn nguyên*” hoặc còn gọi là “*Bản thể vạn hữu*”. Bà

La Môn Giáo cho đó là “*Đại ngữ*” kinh sách Nguyên Thủy Phật giáo cho đó là “*Thức vô biên xứ tưởng*”.

Như vậy Phật tánh chỉ là ý thức không niệm thiện niệm ác. Giả dụ nếu Phật tánh có thật đi nữa mà không làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không chấm dứt được sự luân hồi tái sanh thì chúng ta cũng ném bỏ như đức Phật đã ném bỏ các pháp ức chế thân tâm và bốn định vô sắc tưởng của ngoại đạo, như ném bỏ một chiếc giày rách.

Trong thế kỷ thứ hai mươi, Thiên Tông đã phát triển cao độ, người theo tu có hằng vạn triệu, nhưng nhìn lại ai là người đã tu tập thiền định này mà đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết chấm dứt luân hồi chưa? Nếu một loại thiền định tu tập mà không làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà chỉ có đạt được trạng thái tĩnh lặng và khinh an cùng một số ngôn ngữ đối đáp lý luận và trực giác biết chuyện quá khứ vị lai của người khác, người tu hành đạt được như vậy để làm gì? Kính thưa quý Phật tử! Quý Phật tử hãy trả lời đi!?! Để làm sáng tỏ pháp môn tu hành của Phật giáo.

Kính thưa thưa quý vị! Điều này quý vị cần suy ngẫm kỹ, thời gian là thước đo của sự xác chứng nghiêm chỉnh về sự chứng đắc của các loại thiền định Đại Thừa này, riêng chúng tôi có nói gì, xin quý vị đừng tin mà hãy tự xét, tự kiểm lại mình trên bước đường tu tập theo kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông.

PHẬT VÀ A LA HÁN

Hỏi: Kính thưa Thầy! Thầy dạy trên bản thể giải thoát của một vị A-La Hán và Phật hoàn toàn đồng nhau. Cả hai đồng nhau mà sao vị A-La-Hán không thành Phật liền, và đến bao giờ vị đó thành Phật?

Đáp: “Phật” là một danh từ chỉ cho người tu hành đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi, gọi là “Chúng đạt chân lí, tâm vô lậu hoàn toàn”.

“A-La-Hán” cũng là một danh từ chỉ cho người đã tu hành làm chủ sanh, già, bệnh, chết chấm dứt tái sanh luân hồi, cũng gọi là “Chúng đạt chân lí”, tâm cũng vô lậu hoàn toàn.

Nếu chúng ta gọi Phật là A-La-Hán có đúng không?

Đúng, vì tâm vô lậu và làm chủ sanh tử luân hồi giống nhau, nhưng Đức Phật cũng tự xưng mình là A-La-Hán.

Nếu chúng ta gọi A-La-Hán là Phật có đúng không?

Đúng, vì A-La-Hán tu hành giải thoát như Phật, cũng tâm vô lậu, cũng làm chủ sanh tử luân hồi như nhau.

Hai người giải thoát giống nhau, làm chủ giống nhau, người thì gọi là “*Phật*”, người thì gọi là “*A-La-Hán*”, đó là thâm ý độc ác của các nhà Đại Thừa giáo, quyết tâm đìm các bậc tu hành chơn chánh của đạo Phật, xuống hàng chót “*Tiểu Thừa*”, thiên của bậc A-La-Hán tu hành, thì gọi là “*Thiên Phạm Phu*”, còn thiên của Bồ tát tu thì gọi là “*Đại Thừa Thiên, Phật Thiên, Như Lai Thiên*”. Chỉ được có danh từ rất vĩ đại còn tu tập thì rơi vào tướng định, một loại bệnh thiên định.

Mưu đồ nham hiểm của ngoại đạo, đưa giáo pháp của mình vào đạo Phật và tìm cách tiêu diệt giáo pháp của đạo Phật để thành lập một Phật giáo mới “*Đại Thừa Phật Giáo*”. Ý đồ rất rõ ràng qua kinh sách Đại Thừa, Bồ Tát Giới và nhất là bốn bộ kinh A Hàm. Một bộ kinh mà các Tổ biên soạn để làm bước chuyển tiếp bằng những bài kinh móc nối chuyển qua Đại Thừa một cách có hệ thống,

khuyến cho hàng tín đồ Phật giáo không cách nào tìm ra sự gian dối và thâm ý ác độc của các giáo sĩ Bà La Môn.

Đọc bốn bộ kinh A Hàm và năm bộ kinh Nguyên Thủy, so sánh lại ta thấy có nhiều bài kinh mà các Tổ bịa đặt thêm để chuyển tiếp qua Đại Thừa một cách rõ ràng và cụ thể, nếu có dịp thuận tiện Thầy sẽ kê ra những bài kinh đó để cho tất cả tín đồ Phật giáo hiểu rõ thâm ý độc ác của họ hơn.

Hiện giờ, mọi người tu theo đạo Phật mà lại tu tập theo giáo pháp của ngoại đạo (Bà La Môn) thì thật là đau lòng, mọi người bị gạt mà không biết, tu hành chẳng đi đến đâu mà không hay, chỉ có ba hoa tranh luận hơn thua cao thấp bằng ba tác lưỡi, thiên miệng, thiên ngôn ngữ.

Các Bà La Môn giết đạo Phật mà không cần gươm đao, chỉ bằng những danh từ cay độc, hiểm ác sâu sắc “*Đại Thừa, Tối Thượng Thừa, Phật Thừa của giáo pháp Bà La Môn, còn Phật Giáo chánh gốc thì gọi là Tiểu Thừa*”, những danh từ đó cũng đủ đã giết chết đạo Phật. Thật sự là vậy, đạo Phật đã chết từ lâu.

Hiện giờ tu sĩ Phật giáo đều chịu ảnh hưởng rất sâu về giáo lý Bà La Môn Đại Thừa, Tối Thượng Thừa. Kinh sách của họ viết ra đều lý luận theo kiểu Đại Thừa và Tối Thượng Thừa thuộc kinh sách Vệ Đà. Còn Phật Giáo Nguyên Thủy thì họ đã bỏ quên mất, mặc dù có nhiều thầy Tỳ kheo đi học đại học Phật Giáo Nguyên Thủy ở Ấn Độ về, nhưng lối lý luận của họ đều chịu ảnh hưởng sâu sắc giáo pháp của Bà La Môn.

Tại sao vậy?

Tại vì giáo pháp Nguyên Thủy của đức Phật giới luật và đạo đức rất nghiêm chỉnh, đời sống phạm hạnh không thể tu sĩ thời nay sống nổi, chỉ vì tâm tham đắm vật chất danh

lợi thế gian nên quý thầy dù học kinh sách Nguyên Thủy, nhưng vẫn thích sống đời sống Đại Thừa.

Bởi vậy, Phật là A-La-Hán, A-La-Hán là Phật. *“Phật là chúng sanh đã thành và chúng sanh là Phật sẽ thành”*, câu nói này giữa chúng sanh và Phật còn không khác, chỉ khác nhau chỗ thời gian mà thôi, còn bậc A-La-Hán là người tu đã giải thoát hoàn toàn mà gọi là Tiểu Thừa, như vậy quý vị có thấu hiểu lòng dạ của các nhà Đại Thừa như thế nào không?

Hai người tu hành đều chứng như nhau, làm chủ sự sống chết như nhau, có khác nhau là chỗ Phật là Đấng Giáo Chủ, người sáng lập ra tôn giáo Phật Giáo (Đạo Phật).

Tuy biết rằng giáo pháp của đạo Phật tu hành không phải khó, nhưng khó với thời đại vật chất hiện nay, vì quá tiện nghi và quá đầy đủ, khiến người ta không bỏ được lòng tham muốn, giáo pháp của Phật rất rõ ràng và cụ thể tu hành đến đâu có giải thoát đến đó, không có mơ hồ trừu tượng. Vậy mà đã bị chìm mất hàng bao thế kỷ nay, khiến cho tín đồ Phật giáo không còn biết đường tu hành. Chúng tôi hiện giờ khai hoang lại con đường này, mong sao những thế hệ sau này có lộ trình tốt đẹp hơn để có pháp môn tu tập, đi đến nơi đến chốn giải thoát hoàn toàn. Và những ước nguyện của chúng tôi được thấy con người trên hành tinh này, sống đối xử với nhau bằng đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình khổ người. Nếu được vậy thì đó là đạo Phật đã sống lại với con người và sống mãi mãi.

BẢN THỂ TUYỆT ĐỐI

Hỏi: Kính thưa Thầy, bản thể tuyệt đối là gì? Người xả tâm sạch, có phải đạt được bản thể tuyệt đối hay không? Thỉnh Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Với trí hữu hạn của con người, mà đòi hiểu bản thể tuyệt đối của vạn hữu, cũng như dùng mắt thường mà muốn tìm thấy vi trùng trong ly nước. Do đó cả thế gian hiện giờ, người ta xây dựng bản thể tuyệt đối bằng “tưởng tri”.

Bởi vậy, con người với trí hữu hạn không hiểu, lại không chịu không hiểu, rồi dùng tưởng tri để hiểu, nên hiểu sai tất cả, mà cứ ngỡ rằng mình là hiểu đúng, rồi đem truyền dạy cho người khác cũng hiểu như vậy. Từ đó thế giới tưởng thành hình, mọi người ai cũng tôn thờ và cung kính, xem như một thế giới vĩnh hằng bất biến của loài người.

Người xả tâm sạch, không phải đạt được bản thể tuyệt đối, mà chỉ mới làm chủ tâm mình (ly dục ly ác pháp). Đối với đời sống hằng ngày, không còn phiền não đau khổ, thương, ghét, giận hờn, hận thù, v.v...

Trong bốn cái khổ của kiếp người, họ mới làm chủ được một cái, trên đường đi đến cứu cánh giải thoát, họ còn phải tu tập nhiều nữa.

Bản thể tuyệt đối, do các tôn giáo khác tưởng ra như: Đại Thừa, Thiên Tông, Mật Tông, Bà La Môn, v.v... Riêng đạo Phật biết đó là tưởng tri của loài người và của các tôn giáo khác, nên Ngài nhắm vào mục đích khác, để giải quyết bốn nỗi khổ của kiếp người “sinh, già, bệnh, chết”.

Sau khi giải quyết bốn cái khổ của kiếp người xong thì đức Phật xác định: “sinh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc làm đã làm xong, không còn trở lui trạng thái này nữa”. Đến đây nếu ai có hỏi: Còn có cái gì không? Nếu nói

còn, tức là chấp thường, chấp ngã, nếu nói không thì chấp đoạn.

Bởi vì, trí hữu hạn của con người, đừng nên hiểu xa hơn, mà chỉ biết tu tập như thế nào để thoát khổ của đời người là hạnh phúc lắm rồi. Theo mục đích của đạo Phật là như vậy, còn tìm hiểu thêm thì hiểu sai và hiểu sai thì lại sanh ra chấp đắm, tạo nhiều điều đau khổ và còn đau khổ nhiều hơn. Vì chính hiểu sai (vô minh) sự vật, nên đã làm chấp thế giới hữu hình và thế giới vô hình là thật có, vì thế mới tạo ra muôn vàn đau khổ cho nhau.

Bây giờ đã thoát khổ mà lại hỏi, còn có hay không thì thật là điên đảo. Không còn chỗ nói được, đã giải thoát hết kiếp khổ của đời người mà hỏi có còn gì không. Chỗ này trí phàm phu, ai hiểu sao cứ hiểu, còn người tu đến đó, có trí vô hạn thì hiểu rõ ràng, kẻ không tu mà muốn biết, cố tìm hiểu cũng chỉ tưởng hiểu mà thôi (hiểu sai bét), và sự hiểu sai đó tạo ra sự mê tín, lạc hậu của những con người cổ xưa, mà bây giờ chúng ta còn giữ mãi, không dám bỏ những cái sai đó, thật là ngu si điên đảo.

Trong thời đại văn minh khoa học như thế này, mà con người còn tin bản thể tuyệt đối. Cách đây 2548 năm Đức Phật đã xác định, qua bài kinh “Pháp Môn Căn Bản”. Lúc bây giờ con người còn lạc hậu, dân trí còn thấp kém, sự hiểu biết chưa có khoa học chứng minh cụ thể, nên dùng tưởng tri quá nhiều, biến thành một thế giới siêu hình vĩ đại, điều khiển thế giới hữu hình, từ đó con người đã lạc vào thế giới mê tín, trù tượng. Còn bây giờ chúng ta như thế nào? Cũng sống trong tưởng tri nữa sao? Cũng lạc hậu như những người xưa nữa sao? Trong khi khoa học tiến triển hiện đại hóa đời sống con người mà còn đại khờ, ngu ngốc để kẻ khác lừa đảo, lường gạt lặp lại những bài vở lỗi thời.

Đời sống con người đầy đủ vật chất tiện nghi, bệnh đau có bệnh viện, có bác sĩ chăm sóc, có thuốc thang đầy đủ, có sao lại còn lạc hậu mê tín, tin vào cái thế giới siêu hình ấy, để tự làm khổ mình và người khác, phỏng có ích lợi gì. Thật là ngu si vô minh không chỗ nói.

Chân lí của đạo Phật là gì? Là tâm không còn tham, sân, si. Tâm không còn tham, sân, si là tâm không còn dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, tức là tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ. Đó là tâm thanh thản, an lạc và vô sự, là chân lí thứ ba của Phật giáo. Cho nên Phật và A La Hán đều chứng đạt chân lí này, chứ không phải bản thể tuyệt đối mơ hồ của ngoại đạo.

A LA HÁN

Hỏi: Kính thưa Thầy! Cho phép con xin được hỏi: Không có quả nào cao hơn quả A La Hán phải không?

Đáp: Đối với đạo Phật chỉ có quả A La Hán là cao nhất. Mục đích của đạo Phật là phải đạt được tâm vô lậu mà quả A La Hán là quả Vô lậu. Nếu ai tu hành tâm chưa vô lậu thì chưa chứng quả A La Hán. Ngoài quả A La Hán đạo Phật không còn có quả nào khác nữa, nếu có quả vị nào khác nữa là do ngoại đạo bịa đặt ra để phá hoại đạo Phật.

Tâm vô lậu là tâm giải thoát hoàn toàn, là tâm toàn thiện, là tâm không làm khổ mình khổ người... Mục đích tu hành của đạo Phật đến đây là xong, nếu ai bảo tu đến đây là tu chưa xong, còn phải tu tập hay phải hành Bồ Tát đạo thì người ấy chưa thông hiểu Phật giáo, hay nói cách khác hơn là người ấy đang bị Đại Thừa lừa đảo.

Tóm lại, trong đạo Phật không quả nào cao hơn quả A La Hán. Quả A La Hán là đệ nhất vô lậu.

Thưa các bạn! Đạo Phật là một tôn giáo bình đẳng nên không có nhiều quả vị, chỉ có một quả vị giải thoát mà thôi. Khi tu tập chứng đạt chân lí thì ai cũng như ai Phật cũng như A La Hán đều bình đẳng như nhau, chứ không phải Phật có quả vị cao hơn A La Hán. Các bạn đừng nên tin kinh sách Đại Thừa vì kinh sách Đại Thừa là kinh sách phong kiến.

NHỮNG QUẢ A LA HÁN CỦA ĐẠI THỪA

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Do nguyên nhân nào, khi chứng quả A La Hán:*

- *Có người chứng A La Hán Toàn Giác.*
- *Có người chứng A La Hán Độc Giác.*
- *Có người chứng A La Hán Thịnh Văn Giác?*

Đáp: A La Hán là quả vị vô lậu cao nhất trong đạo Phật, nhờ vô lậu nên tâm được thanh tịnh hoàn toàn. Tâm thanh tịnh hoàn toàn như nước hồ thu trong vắt, vì vậy dưới đáy hồ có những vật gì chúng ta đều thấy rất rõ ràng. Sự thấy biết rất rõ ràng gọi là Toàn Giác.

Người chứng quả A La Hán nào, tâm cũng phải hoàn toàn vô lậu, tâm vô lậu thì người nào cũng giống như người nào, không có khác nhau. Cũng như nước hồ thu trong vắt, thì nước hồ thu nào trong vắt đều cũng giống như nhau. Nhưng vì trong sự tu hành đến với pháp tu có duyên khác nhau nên khi chứng quả A La Hán có tên gọi khác nhau.

Người chứng quả A La Hán Độc Giác là người tự mình tìm ra pháp môn tu tập đạt được tâm vô lậu hoàn toàn, trên đời này chỉ có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người duy nhất, ngoài ra thì chúng ta không thấy có người thứ hai.

Ở đây, chúng ta phải hiểu quả vị A La Hán Độc Giác là quả vị A La Hán toàn giác, không sai khác và không hơn kém nhau ở chỗ nào cả.

Người chứng quả A La Hán Thanh Văn Giác là người được đức Phật dạy cho tu tập theo giáo pháp của mình đã tu chứng, hoặc người ấy tự nghiên cứu trong kinh sách theo những lời dạy của đức Phật mà tu tập cho đến khi tâm vô lậu hoàn toàn. Do đó mới có tên gọi là A La Hán Thanh Văn Giác.

Người chứng quả A La Hán Thanh Văn Giác không sai khác quả vị A La Hán Toàn Giác, có nghĩa là mọi năng lực của người chứng quả A La Hán Toàn Giác và người chứng quả A La Hán Thanh Văn Giác đều giống nhau, không hơn không kém.

Sự phân chia ra hơn kém này là do các nhà học giả tu hành chưa tới nơi tới chốn. Đọc trong kinh sách Đại Thừa chúng ta nhận thấy sự phân biệt này rất rõ ràng. Đó chứng tỏ các nhà sư Đại Thừa tu chưa tới nơi tới chốn, dùng kiến tưởng giải của mình phân chia ra làm nhiều quả vị A La Hán Như vậy.

Xin quý vị lưu ý: Kinh sách Đại Thừa không đáng cho chúng ta tin cậy lắm.

CHÍ NGUYỆN CHÚNG QUẢ A LA HÁN TOÀN GIÁC

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nếu con có chí nguyện chứng quả A La Hán Toàn Giác thì con phải gieo nhân tu như thế nào? Và làm sao để được như nguyện?

Đáp: Phải sống đúng giới luật, đời sống phải ba y một bát, đi xin ăn, sống không nhà cửa, không gia đình, tâm hồn luôn luôn phải giữ gìn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không, đó là gieo nhân chứng quả A La Hán Toàn Giác. Nhờ gieo nhân như vậy tâm mới ly dục ly

ác, tâm có lý dục lý ác pháp thì tâm mới có vô lậu. Nếu đời sống, không sống đúng như vậy thì muôn đời ngàn kiếp chẳng bao giờ chứng quả A la Hán Toàn Giác.

Làm sao để đạt được như nguyện? Muốn đạt được như nguyện thì phải tu tập bảy nẻo trong Đạo Đế, có nghĩa là phải tu tập hằng ngày bốn loại định ngăn ác diệt ác sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp trên bảy nẻo của Bát Chánh Đạo tức là: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm.

Có sống như trên đã nói, có tu tập hằng ngày như vậy thì quả A La Hán Toàn Giác sẽ đạt được như ý nguyện.

VỊ A LA HÁN CÓ VÀO SANH RA TỬ ĐỂ ĐỘ CHÚNG SANH KHÔNG?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Một người đã chứng quả A La Hán Thanh Văn cũng như một người chứng quả A La Hán Độc Giác có thể thị hiện vào sanh ra tử hành Bồ Tát Đạo để thành tựu quả A La Hán Toàn Giác (như kinh sách Đại Thừa nói) không? Hay người đã chứng A La Hán Thanh Văn Giác mà thôi, có nghĩa là chỉ thành Phật Thanh Văn Giác. Độc Giác cũng vậy, chứ không thể thành Phật Toàn Giác.

Kính thưa Thầy, con có lòng tin nơi Thầy, kính xin Thầy chỉ dạy cho con tất cả sự thật và hỗ trợ cho con để tương lai con thành một vị A La Hán Toàn Giác, làm lợi ích rộng lớn như huyền cho tất cả chúng sanh.

Đáp: Ở đây con phải phân minh cho rõ ràng:

Pháp tu chứng
Quả tu chứng
Năng lực tu chứng

- Pháp tu chứng như thế nào?

Tự tìm pháp tu, chứng quả vô lậu, có đầy đủ năng lực như Phật, nên tên gọi là Độc Giác A La Hán hay là Độc Giác Phật

Nghe Phật dạy hoặc đọc kinh sách thấu hiểu lời dạy của đức Phật mà tu tập chứng quả vô lậu, có đầy đủ năng lực như Phật, nên tên gọi là Thanh Văn A La Hán hay là Thanh Văn Phật.

- Quả tu chứng như thế nào?

Quả tu chứng là tâm vô lậu tên gọi của tâm vô lậu là A La Hán.

Nếu tự tìm pháp tu mà tâm vô lậu thì gọi là chứng quả A La Hán Độc Giác còn nếu nghe Phật dạy hay đọc kinh sách lời dạy của đức Phật mà tu chứng thì gọi là chứng quả A La Hán Thanh Văn.

Nếu quả vô lậu chưa tròn đủ có nghĩa tâm vô lậu từng phần, vô lậu từ ít đến nhiều, vô lậu từ thô đến tế, vô lậu từ từ. Vô lậu như vậy không được gọi là vô lậu trọn vẹn. Và như vậy không được gọi là vô lậu bậc A La Hán. Ví dụ: Một người tu tập vô lậu được 99 phần trăm, chỉ còn một phần trăm li ti nữa, thì cũng chưa được gọi là vô lậu trong đạo Phật. Mà chưa được gọi là vô lậu trong đạo Phật thì cũng chưa được gọi là chứng quả A La Hán. Đại Thừa không hiểu vô lậu như thế nào, nên quá xem thường quả A La Hán vô lậu của Phật giáo. Do vì không biết tầm mức vô lậu của bậc A La Hán như thế nào, nên đặt ra có nhiều quả A La Hán để dễ đánh lộn người khác và còn dùng câu để che mắt mọi người: *“Chứng quả A la Hán mà còn thấy mình chứng quả A La Hán là chưa chứng quả A La Hán”*.

- Năng lực tu chứng như thế nào?

Năng lực tu chứng của Phật như thế nào thì năng lực tu

chứng của các bậc A La Hán cũng như vậy có nghĩa là Phật có 10 lực và minh, hạnh đầy đủ; thì các bậc A La Hán cũng có được như vậy. Phật có gì thì Alahán cũng đều có vậy. Alahán chỉ thua Phật là vì Phật là người sáng lập ra đạo Phật mà thôi. Tại sao năng lực tu chứng lại giống nhau như vậy?

Bởi vì pháp tu của Phật giúp cho tâm mọi người thanh tịnh, vô lậu, chứ không phải pháp tu tập để tạo ra năng lực có cao có thấp, vì thế tâm mọi người thanh tịnh, vô lậu thì giống nhau, từ tâm thanh tịnh vô lậu lưu xuất ra bảy năng lực Giác Chi. Bảy năng lực Giác Chi tạo ra Bốn Thần Túc. Do đó người tu sĩ nào tu tập chứng đạt chân lý đều có Tứ Thần Túc, nên năng lực phải giống nhau.

Xin các bạn đừng hiểu rằng năng lực là do độ chúng sanh mà có, hiểu như vậy không đúng các bạn ạ! Bồ Tát Hạnh chẳng qua đó là trả nợ cơm ăn áo mặc cho đàn na thí chủ chứ chẳng có công đức gì cả.

Người tu Bồ Tát Đạo hành Bồ Tát Hạnh là người mang nợ đàn na thí chủ nhiều nhất, nên phải trả nợ, chứ không phải tu Bồ Tát Đạo hành Bồ Tát Hạnh là có nhiều công đức và năng lực. Người tu sĩ tu Bồ Tát Đạo hành Bồ Tát hạnh là những người tu chưa chứng của Đại Thừa. Còn người tu theo Phật giáo đã chứng đạt chân lý, thực hành Bồ Tát Hạnh là để trả nợ cơm áo của đàn na thí chủ hoặc tạo duyên mới để độ mọi người nên gọi là hóa duyên độ chúng sanh.

Khi tâm thanh tịnh (Vô lậu) thì từ nơi tâm thanh tịnh đó lưu xuất ra năng lực mà chúng tôi đã nói ở trên, chứ không phải do pháp tu hành tạo ra năng lực.

Một người tập pháp môn thiên định để mong nhập được định thì định ấy là tà định không phải chánh định.

Người muốn tu tập thiền định để được nhập chánh định, thì phải tu pháp môn ly dục ly ác pháp. Khi tâm đã ly dục ác pháp sạch thì tâm thanh tịnh (hết tham, sân, si) Tâm hết tham sân si thì lưu xuất ra 7 năng lực (thất giác chi) để tự điều khiển thân tâm nhập định, chứ không phải do pháp tu mà nhập định được. Nhập định như vậy mới gọi là chánh định.

Muốn hành Bồ Tát Đạo thực hiện Bồ Tát Hạnh thì phải nên tu chứng quả A La Hán xong thì mới đi độ chúng sanh, còn tu tâm chưa vô lậu thì đừng mơ ước độ chúng sanh. Vì chúng sanh nghiệp chướng sâu dày, không độ được chúng sanh mà chúng sanh lại xô mũi, dắt mình theo danh và lợi thì rất uổng phí một đời tu hành của một kiếp người. Bằng chứng các nhà Đại Thừa, các vị Thiền sư đang bị chúng sanh xô mũi trong danh lợi chức phẩm, tiền bạc, ăn ngủ phi thời, chùa to Phật lớn v.v...

PHỤ LỤC – THƯ GỬI BẠN ĐỒNG TU *(Trích Lục ở Tâm Ký của một Phật Tử.)*

Cốc Cô Liêu chiều 17-9 Ngày Sinh Nhật Thầy.

Kính Gửi: Bạn Đạo Đồng Môn kính mến,

Thưa bạn, bạn đã biết lập hạnh giải thoát, sống ít nói, thường im lặng để luôn xét lại tâm mình, thì không nên nghe những chuyện thị phi của người khác đầu độc, nhất là cố tránh nói những chuyện thị phi để khỏi rơi vào lưới rập cạm bẫy của ác pháp, tâm mình bất an là vì mình đã bị người khác gieo mầm thị phi li gián vào lòng! Cho nên những sự việc xảy ra gần đây đều do nơi lòng tật đố thị phi nghi ngờ nên có kẻ đã sanh lòng lợi dưỡng muốn làm giáo

chủ lợi dụng chỗ sơ hở đó để phá sự hòa hợp của hội chúng gây chia rẽ li gián phá hoại tín tâm tứ chúng, khiến niềm tin nơi Phật Pháp và Chánh Pháp Thầy đã triển khai bị lung lạc và chúng đồng tu trong Pháp hội cũng bị chao đảo rối ren gần như sụp đổ, nếu như Thầy không chứng đạt tâm bất động, không xem danh lợi thị phi tai tiếng khen chê như nước chảy qua cầu, không giữ hạnh trầm lặng như Thánh thì hôm nay chắc chắn chúng ta không còn có ngày gặp nhau nữa. Khi niềm tin đối với Đức Thầy đã mất thì Đạo tình đối với Huỳnh Đệ nơi Pháp hội không còn nữa thì sẽ mất chỗ nương tựa để tu tập chứng đạt tâm bất động quả vô lậu phải không bạn?

Bạn đã đọc sách Văn Hoá Truyền Thống chưa? Hãy theo lời Thầy dạy trong kinh sách này mà giữ đức hạnh cẩn ngôn: Không đem chuyện xấu của người khác ra nói, khi tiếp chuyện với bất cứ một ai dù người đó là em của Phật. Tuy sống tùy thuận với kẻ khác nhưng không để bị lôi kéo vào màn tạt đổ thị phi, khi có ai khen mình thì bạn nên cảnh giác tránh nhận lời khen đó. Khi có ai tiếp xúc với bạn, gợi ý nói xấu người khác hoặc nói những lời li gián thị phi thì bạn nên bảo: “Chuyện đó bạn không muốn nghe, xin đừng nói...” Khi tâm bạn đầy niệm tạt đổ muốn tìm hiểu chuyện bỉ thử ngã nhân thân sơ của một ai đó, thì bạn hãy mau mau tác ý đuổi nó đi ngay !...

Sống trên đời này, bạn nên biết chuyện mình, không nên biết chuyện người, biết nhiều chuyện của người thì bạn sẽ gặp nhiều điều bất hạnh.

Người đời, không ai mà không nhiều chuyện, cần phải cảnh giác với mọi người, đừng nên tin ai hết bạn ạ, dù người đó là em của bậc vô lậu Alahán! Mà tâm họ còn tham cầu lợi dưỡng, còn tạt đổ sân si, còn thị phi nhân ngã thì họ sẽ mang đến những điều bất hạnh cho bạn đấy!...

Bạn nên luôn quay vào nhìn mình, đóng cửa thất mà lo giữ gìn trau dồi giới luật, gạn lọc tâm tư của mình, vì tâm mình ly dục, ly ác pháp chưa sạch, nên còn nhiều đau khổ, phải tránh ác duyên của mọi người, nhưng khi bắt buộc phải tiếp duyên với một ai thì phải cẩn thận từng lời nói, không được nói theo người khác, không được đem chuyện của người khác nói ra, nhất là chuyện xấu của thiên hạ lại không được nói. Khi tiếp duyên với người nào thì bạn phải biết người đó có cùng một chí hướng với mình không. Nếu không cùng một chí hướng thì không nên đem chuyện tu tập riêng tư của mình ra kể, dù người đó là thân quyến mình hay em của Phật. Cũng phải giữ trầm lặng như Thánh đưng nên nói một lời nào? Mong bạn nhớ những lời khuyên này để chúng ta cùng nhau chuyển nhân quả xấu ác đang phá sự hòa hợp của tứ chúng, như hiện giờ chúng ta đang bị tà tướng bủa vây đó bạn ạ!

Sở dĩ chúng ta không muốn đi đâu xa Thầy xa bạn cả, vì chúng ta đã có pháp duyên với Thầy và chúng ta đã có bao kỷ niệm dưới chân Đức Thầy kính mến cùng bao năm tu học với nhau rồi phải không thưa bạn!? Sự việc đã như vậy sao mình lại nỡ bỏ mặc cho nhau để rồi cuu mang những nỗi niềm thương tiếc ở nhau, thì tội nghiệp cho nhau lắm bạn ạ! Mình phải cùng biết hòa hợp với nhau, ổn định nơi chốn để được thanh tịnh yên ổn tu hành, chứ người tu không thể ở chung với người thế tục đội lớp đạo đức như vậy! Nơi mình tu hành cũng sẽ là nơi để thực hiện bốn nguyện độ sanh sau này. Vì Thầy mong mỗi mỗi đệ tử của Thầy sau này tu xong sẽ đem đạo độ đời bạn ạ! Nơi đó là nơi đánh dấu cho một chặng đường mới của những người có niềm tin và ý chí quyết vượt khỏi ác duyên triền phược để cùng chung sống “Lục Hòa” cùng nhau tu tiến dưới chân Đức Thầy mong sớm giải thoát khổ đau cho mình rồi mới đem nền đạo đức nhân bản Thầy đã triển khai giúp đời.

Chúng ta hãy cùng nhau bắt tay vào việc kiến lập tịnh thổ thiền môn ngay từ bây giờ, đừng để phí thời gian và cuộc sống, vì đây là thời điểm tốt nhất bạn ạ! Bạn đừng đắn đo do dự chần chờ, như trước đây đã phí bỏ quá nhiều cơ hội thiện duyên rồi phải không thưa bạn!? Đừng vì một lý do gì để kể ác đầu độc mua chuộc (rồi đi viết mướn sách nhiều nội bộ) gây mầm thị phi ly gián như vậy nha bạn!!!...

Chúng ta muốn hộ trì Chánh Pháp thì giới luật và đức hạnh nơi mình phải nghiêm chỉnh, phải làm gương sáng cho người khác soi. Phải biết tôn trọng thanh qui. Vì vậy ngay từ bây giờ mình phải nhẫn nại trầm lặng lắng nghe, không nên trả lời những điều mọi người muốn hỏi, muốn biết, để gieo rắc mầm thị phi ly gián... Chúng ta im lặng như Thánh đó là ta đã sử dụng đức hạnh của những người biết tu tập chơn chánh theo Phật Giáo Nguyên Thủy đó bạn.

Việc này tuy khó nhưng chúng ta tin rằng sẽ nhắc nhở nhau tạo thành từ trường tốt ở chốn thiền môn, để sách tấn nhau tu tập và sẽ thành công tốt đẹp, như vậy mới xứng đáng là đệ tử của Đức Thầy, là con của Đức Phật.

Phải cố gắng lên bạn ạ! “Đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Mình đã mang dòng họ Thích là Pháp Vương Tử, là con của Đức Phật – Bậc Pháp Vương, lẽ nào lại đầu hàng trước những hoàn cảnh khảo đảo, sóng gió của Tà Thần sao bạn? Hãy dũng mãnh vượt trên sóng gió của ma giáo phá đạo, giữ vững niềm tin để tu tiến giải thoát khổ đau cho mình như bao nhiêu đệ tử của Phật xưa kia cũng đã vượt qua pháp nạn tà tâm muốn làm giáo chủ thay Phật lãnh chúng của Đề Bà Đạt Đa cũng gây ly gián đầu độc tứ chúng lúc Phật còn đang tại thế đó bạn.

Hôm nay mọi sự xảy ra được xem là cái rủi, nhưng ngày mai sẽ là cái may, mình phải cố gắng diệt ngã xả tâm, nếu

không nhân quả sẽ đến, phải gánh chịu mọi gian khổ, thử thách mà chúng ta đã có nhiều lần nếm mùi, nhưng không sao đâu bạn ạ! Vì cái gì cũng có cái giá của nó: “Vượt khỏi nhân quả trần lao, thì khó khổ và bị ma khảo là lẽ thường tình...” Thầy đã nhiều lần tha thiết sách tấn nhắc nhở chúng ta nhưng bạn nào có nghe đâu! Nên cái gì đến rồi phải đến, bây giờ hãy giữ tâm bất động đừng để ác pháp nó chi phối tâm mình nữa. Tất cả mọi sự việc xảy ra như nước chảy qua cầu. Bạn phải nhớ rằng: “có sắc có tài thì nên ẩn dấu mình đi bạn ạ!” Vì thế Phật dạy: “Có danh, có lợi thì nên ẩn bóng” Nếu chúng ta nghe Thầy biết ẩn sớm thì bây giờ mình đâu có gian nan gánh chịu mọi sự khó khăn như vậy. Phải không bạn?! Buông xả ác pháp thì phải biết tránh trần duyên để luôn phòng hộ sáu căn giữ tâm hồn thanh thản, thì mới đi tới chỗ “Bất Động Tâm” đối với các ác pháp và cảm thọ bạn ạ! Mình cố gắng diệt ngã xả tâm và được sự trợ duyên sách tấn giúp đỡ nhau mới vượt qua những âm mưu thâm độc ở dư luận búa riều, thị phi ly gián của tà Thần... họ đang bủa vây rình rập đợi chờ sự sơ hở của tứ chúng (với ý đồ phá hoại chánh pháp của Phật mà Đức Thầy đã dựng lại, họ tìm mọi cách khai thác chụp mũ trừ dập móc bươi), lẽ nào bạn lại mãi quẩn quanh nơi lòng vị kỷ tư dục buộc ràng bạn vào nơi Tà Thần không buông ra nổi sao bạn!? Mình tin là bạn sẽ tỉnh mê lánh xa ác duyên không chút luyến tiếc. Vì bạn thường nói: “Mình phải hành sống có lợi ích cho mọi người không nên vị kỷ riêng ai...”

Với người có tâm tha thiết tìm cầu sự tu tập giải thoát luân hồi, muốn ra khỏi sự ràng buộc khổ đau của cuộc đời như chúng ta, trong thời đại này thì thật là hi hữu lắm bạn ạ! Bạn đừng để đánh mất nhiệt tâm ban đầu. Khi bị ma lực của tà Thần dụ dỗ lung lạc rồi bị tà kiến đồng hóa thì tâm dục của bạn sẽ lấy lừng, bạn chỉ thích được tà Thần o bế muốn sống đầy đủ tứ sự vật chất hơn mọi người, thì tà Thần

sẽ luôn đáp ứng để cảm dỗ bạn, luôn đeo đuổi theo bám bạn như đĩa đói thì tâm bạn khó lòng buông xả, nếu không mau rời xa ác duyên thì sẽ bị nhân quả tham dục xô mũi sóng với “Bát Tà” mà không hay biết ! Vì đã bị ma lực của lợi danh tiền tài vật chất che mờ lương tâm bạn... Rồi bạn tự lý luận theo kiểu tà kiến tư dục. Vì phải giúp Thần hoặc phải làm hết trách nhiệm này, bốn phận kia, hy sinh nợ... nhưng bạn đâu biết đó là tự tạo nhân quả, ác pháp để tự trói mình, là lối biện minh của đạo đức trá hình nơi lòng thân sơ bỉ thử của tâm tham dục ngã nhân đánh lừa bạn đó. Phải không thưa bạn!?

Cho nên, tu phải có Trí Đức và biết nương vào thiện hữu tri thức để chuyển nhân quả ác, chuyển tình đời thành đạo tình, có nghĩa là biết buông xả tình tiền, danh, lợi, biết ly dục ly ác pháp, tức là sống thiện. Tu phải có chỗ nơi nương tựa, phải có bậc thiện hữu tri thức bậc Thầy có đức hạnh tu chứng trợ duyên sách tấn nhắc nhở, thì mới tu đúng đường để báo đáp tứ ân, là tu tập giải thoát sanh tử mới đi giúp đời. Bạn đừng do dự, mà tự làm khổ mình khổ người, phải tự tin vào chính mình sẽ có đủ sức chuyển hóa nhân quả kiết sử triền phược. Để không bị lôi cuốn vào ác pháp, bạn phải lập tức lánh xa kẻ ác đi nha bạn, phải nhận chân rõ ràng thiện và ác để tránh xa nhân ác, có tránh làm những điều ác thì thiện căn mới tăng trưởng và luôn nhớ lời Phật dạy: “Biết Như lý tác ý thì lâu hoặc chưa sanh sẽ không sanh, lâu hoặc đã sanh liền bị đoạn diệt”. Không nên tranh luận với ai, chỉ sống trầm lặng như Thánh đừng để bị lôi cuốn vào đường ác, làm theo kẻ ác, hành sống điên đảo nơi “Bát Tà”!.

.....

Hiện giờ chung quanh bạn họ sống phi phạm hạnh, xe cộ nhờn nhờn, họ ăn uống phi thời, thậm chí họ mua cả thịt cá

vào chốn Thiên Môn để người tu trai giới như bạn phải đi nấu hầm xương thịt của chúng sanh để nuôi chó giữ chùa! Họ dùng đủ thủ đoạn gian tham để tóm thâu của người, chà đạp lên sự sống của kẻ khác, họ chỉ biết ăn uống thụ hưởng cho khoái khẩu, để trường dưỡng xác thân sống tham dục lạc theo thú tánh như vậy! Chả lẽ bạn là người tu lại lao thân đi phục dịch cho nhu cầu dục lạc của những kẻ ác đó mãi như vậy ư? Rồi tự an ủi mình, đó là đức hạnh của người tu là phải nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng...như bạn vậy sao? Trí huệ của bạn ở đâu!?

Đạo lý làm người là biết “Nhẫn Nhục” nhưng không vì sự nhẫn nhịn mà cho phép chúng ta xem thường nhân quả, vì xem thường nhân quả, sẽ tạo ác duyên để kẻ ác lợi dụng sự nhẫn nhục này của ta rồi gây ra bao điều tội ác thì bạn và họ đều bị luật nhân quả xử phạt như nhau. Luật nhân quả công minh chánh trực, không tha thứ sự phạm giới, sự đồng lõa sợ sệt e dè của bạn để tạo duyên tiếp tay cho kẻ ác trừ dập hãm hại người hiền tạo nhiều điều ác nghiệp!...

Đạo lý làm người là biết “Tùy Thuận” nhưng không cho phép chúng ta sống ba phải, tùy thuận với người ác a dua điều ác, để ác pháp lôi kéo đông hóa chúng ta nô lệ điều ác, phục tùng kẻ ác, tiếp tay họ làm những việc gian ác!...

Đạo lý làm người là biết “Bằng Lòng” nhưng không cho phép chúng ta phải sống gồng mình cam chịu mọi điều ác pháp khổ đau, mọi sự áp đặt cưỡng bức hiếp đáp bủa vây nơi môi trường sống của chúng ta, mà không biết vươn lên vượt qua chướng ngại, không dám chuyển ác pháp khổ đau thành thiện pháp, đem lại đời sống đạo đức thanh lương cho mình, cho người & môi trường sống quanh ta!!!...

Kẻ ác họ đâu biết việc tu hành của bạn có lợi ích rất lớn để chuyển hóa thân tâm bạn và chuyển hóa nhân quả nhiều đời cho những người hữu duyên quanh bạn nữa, sự đem lại lợi ích cho đạo nghiệp của đời bạn như thế nào làm sao họ biết? Nên bạn phải dũng mãnh buông xả các ác pháp không nhân nhượng, dù gặp phải nghịch cảnh, hay thuận cảnh cám dỗ bạn cũng quyết vượt ra để tu tập thì mới mong thực hiện được thiện nguyện ban đầu của mình đó bạn. Còn nếu để kẻ ác mãi dùng thủ đoạn lấy có nợ, việc kia dọa dẫm, o ép xỏ mũi bạn suốt đời chỉ cầu an làm nô lệ họ, thì lời hứa nguyện ban đầu tốt đẹp của bạn năm xưa cũng chỉ là: “Khâu khí anh hùng nhưng hành tung thì thỏ đế – Vì bạn hứa nguyện rồi bỏ đó, không dũng mãnh vượt ra lại để ma đưa lối, quỷ dẫn đường sống dở dở vương vương lại còn biện mình là mình tu phải biết thương người nên đã nhẫn nhục tùy thuận họ!...”

.....

Người con Phật muốn thoát khỏi lưới ma phải có đủ ba đức DŨNG-TRÍ-BI thì mới mong vượt khỏi ác duyên ma chướng nhiều đời, nay vẫn còn theo gọi mời đeo bám để chôn vùi thiện căn huệ mạng của bạn; để đời bạn sẽ mãi chịu trả quả gieo nhân nơi đời này và nhiều kiếp về sau dây dưa không dứt đó bạn!

Định Niệm Hơi Thở bạn nên tập lại cho đúng phương pháp theo 19 đề mục trong sách Thầy đã dạy rất rõ, đừng hấp tấp kiêu nhẩy dù mất căn bản và phải tập đều đặn để an trú cho được nơi hơi thở để đẩy lui bệnh tật, nếu cứ một nắng hai sương thì không có kết quả như ý hướng của bạn đâu.

Lúc nào an trú nơi hơi thở được là tâm hồn bạn an lạc thanh lương thì mới đẩy lui tất cả chướng ngại pháp, là sự tu tập sẽ không còn tiêu hao năng lượng nhiều nữa là hạnh phúc và lúc đó bạn mới thấy mình đã có những giây phút vô

sự thành thoi an lạc... việc này bạn sẽ tự cảm nhận lấy, chúng ta phải tin tưởng vào Pháp của Phật và lời Thầy đã chỉ dạy rất cặn kẽ để chúng ta tu tập cho đúng pháp thì kết quả sẽ đến với bạn một ngày không xa.

Nhân ngày Sinh Nhật Đức Thầy. Trò thăm và chúc Quý Bạn vui khỏe an lạc, để cùng chuẩn bị cho những chặng đường tu tiến sắp tới, chúng ta sẽ sang trang mới tu tiến tốt hơn để làm chủ cho được bốn nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử ở chình mình rồi mới làm lợi ích cho đời bạn ạ ! Nhất là phải xả tâm cho thật tốt và luôn giữ tâm bất động trong mọi hoàn cảnh nha bạn.

*Theo Phật, Theo Thần – Cũng đồng đi
Hai nẻo khác nhau... mới lạ kỳ !
Theo Phật – Trái lòng thương... tha thứ
Theo Thần – Nô lệ kẻ sân... si ...*

*Kính thư,
Người Bạn Đạo Đồng Môn.*

(HẾT TẬP NĂM – XIN QUÍ VỊ ĐỌC TIẾP TẬP SÁU)



